



TƯƠNG LAI SAU ĐẠI DỊCH COVID

Những kỳ vọng của một nhà tương lai học về những thay đổi,
thách thức và cơ hội sau đại dịch COVID-19

JASON SCHENKER

Trịnh Vĩnh Lộc dịch

JASON SCHENKER

nhà tương lai học, chủ tịch Viện Tương lai học, có bằng thạc sĩ về kinh tế ứng dụng, ngữ văn Đức và ngành đàm phán. Jason là chuyên gia dự báo và nhà tương lai học hàng đầu thế giới trong lĩnh vực thị trường tài chính. *Bloomberg News* đã xếp Jason là chuyên gia dự báo số 1 thế giới trong 25 hạng mục, trong đó có những hạng mục dự báo về giá dầu, đồng Euro, bảng Anh, đồng rúp Nga, đồng nhân dân tệ và vấn đề việc làm ở Mỹ. Năm 2018, ông được trang *Investopedia* liệt vào danh sách cố vấn tài chính có tầm ảnh hưởng nhất thế giới.

Jason thường xuyên được trích dẫn trên báo chí, như *The Wall Street Journal*, *The New York Times*, và *Frankfurter Allgemeine Zeitung*. Ông cũng từng xuất hiện trên truyền hình, như CNBC, CNN, ABC, NBC, MSNBC, Fox, Fox Business, BNN, và BBC. Ngoài ra, ông còn tham dự các sự kiện của OPEC, Fed.

Ông là tác giả của những đầu sách đáng chú ý: *Robot-Proof Yourself*, *The Future After COVID*, *Recession-Proof*, *Jobs for Robots*.

"Năm 2021, trong thời kỳ suy thoái, tôi đã phải làm phục vụ bàn. Đó là loại công việc chỉ cần đào tạo tối thiểu, và nếu bạn làm việc chăm chỉ, bạn có thể kiếm được khoản thu nhập khá khá để duy trì nhu cầu cơ bản. Nhưng hiện giờ, trong kỷ nguyên của đại dịch COVID-19, nghề phục vụ bàn là một lựa chọn không ổn lắm.

Tôi tự hỏi mình sẽ làm gì hôm nay nếu là một sinh viên mới hay sắp tốt nghiệp, tham gia vào thị trường việc làm đang bị đóng băng do ảnh hưởng của COVID-19 và chỉ có một mạng lưới quan hệ, kinh nghiệm làm việc hay các kỹ năng chuyên nghiệp tương đối hạn chế."

Tương lai sau đại dịch COVID được viết ra trong bối cảnh một đại dịch ở tầm mức thảm họa toàn cầu đang bắt đầu làm lung lay các đế chế kinh tế, đe dọa sinh kế người dân, và nhanh chóng làm thay đổi toàn bộ đời sống xã hội ở quy mô chưa từng có. Những quy định mới về phong tỏa và giãn cách xã hội liệu có thể làm gia tăng thói quen làm việc từ xa, góp phần phổ biến phương tiện viễn thông? Đại học có lẽ sẽ phần nào từ bỏ lối "phường hội làm nghề thời Trung cổ", đi theo hướng năng động hơn và trực tuyến nhiều hơn? Lĩnh vực nào sẽ trở nên thiết yếu? Lĩnh vực nào có sức đề kháng tốt để có thể trụ vững qua đợt thảm họa của đại dịch? Lĩnh vực nào sẽ ngày càng thối mòn, và được "kỳ vọng" sẽ không thể gượng dậy? Tất cả những vấn đề này đều được điểm lược dưới dạng dự báo trong *Tương lai sau đại dịch COVID*.

JASON SCHENKER là một nhà tương lai học ứng dụng, chủ tịch Viện Tương lai học. Cuộc suy thoái năm 2001 đã gây ảnh hưởng lớn đến cá nhân ông, và thôi thúc ông trở thành một nhà kinh tế học. Gần 20 năm sau, năm 2020, khi đối diện với một biến cố dữ dội hơn nhiều, ông muốn cảnh báo độc giả của mình về cái giá có thể là quá đắt mà người ta phải trả nếu như không có đôi chút hiểu biết cơ bản về kinh tế học.

BECOME A MEMBER!



Nhà Nam Reading Club



nhà nam
www.nhanam.vn



ISBN: 978-604-77-9096-8



Giá: 110.000đ



T U Ớ N G L A I
S A U
Đ Ạ I Đ Ị C H
C O V I D

***The Future After COVID: Futurist Expectations for Changes, Challenges,
and Opportunities After the COVID-19 Pandemic***

by Jason Schenker.

Copyright © 2020 Prestige Professional Publishing, LLC

The Vietnamese translation rights arranged through Rightol Media

(Email: copyright@rightol.com)

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả.

Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

J A S O N S C H E N K E R

T Ư Ớ N G L A I
S A U
Đ A I D I C H
C O V I D

Những kỳ vọng của một nhà tương lai học về những thay đổi,
thách thức và cơ hội sau đại dịch COVID-19

Trịnh Vĩnh Lộc *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

*Dành cho những ai
đang chuẩn bị cho tương lai hậu COVID-19*

MỤC LỤC

NHÀ TƯƠNG LAI HỌC TRONG THỜI COVID-19	9
LỜI CẢM ƠN	11
CHƯƠNG 1: TƯƠNG LAI SAU ĐẠI DỊCH COVID	13
CHƯƠNG 2: TƯƠNG LAI CỦA NHÀ TƯƠNG LAI HỌC	17
CHƯƠNG 3: TƯƠNG LAI CỦA VIỆC LÀM.....	21
CHƯƠNG 4: TƯƠNG LAI CỦA GIÁO DỤC	37
CHƯƠNG 5: TƯƠNG LAI CỦA NĂNG LƯỢNG	59
CHƯƠNG 6: TƯƠNG LAI CỦA TÀI CHÍNH	69
CHƯƠNG 7: TƯƠNG LAI CỦA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ.....	87
CHƯƠNG 8: TƯƠNG LAI CỦA CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	95
CHƯƠNG 9: TƯƠNG LAI CỦA BẤT ĐỘNG SẢN.....	113
CHƯƠNG 10: TƯƠNG LAI CỦA NÔNG NGHIỆP	121
CHƯƠNG 11: TƯƠNG LAI CỦA CHUỖI CUNG ỨNG	127
CHƯƠNG 12: TƯƠNG LAI CỦA TRUYỀN THÔNG.....	139
CHƯƠNG 13: TƯƠNG LAI CỦA QUAN HỆ QUỐC TẾ	145
CHƯƠNG 14: TƯƠNG LAI CỦA AN NINH QUỐC GIA	151
CHƯƠNG 15: TƯƠNG LAI CỦA CHÍNH TRỊ.....	163
CHƯƠNG 16: TƯƠNG LAI CỦA LÃNH ĐẠO.....	177
CHƯƠNG 17: TƯƠNG LAI CỦA DU LỊCH VÀ GIẢI TRÍ	181
CHƯƠNG 18: TƯƠNG LAI CỦA ESG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	197
CHƯƠNG 19: TƯƠNG LAI CỦA KHỞI NGHIỆP	207
CHƯƠNG 20: TƯƠNG LAI CỦA SUY THOẢI.....	213
CHƯƠNG 21; CẦN NHẮC NHỮNG TÁC ĐỘNG	219
KẾT LUẬN: TƯƠNG LAI SAU COVID	223
GHI CHÚ	225

NHÀ TƯƠNG LAI HỌC TRONG THỜI COVID-19

Đại dịch COVID-19 đã gây ra những tác động chưa từng có tiền lệ đối với doanh nghiệp, nền kinh tế và xã hội. Nhưng điều gì sẽ đến tiếp theo?

Trong cuốn *Tương lai sau đại dịch COVID* này tôi sẽ đưa ra một viễn cảnh tương lai học.

Ý tưởng bao quát của cuốn sách này là khám phá một số những thay đổi, thách thức và cơ hội quan trọng nhất tiềm tàng trong dài hạn mà đại dịch COVID-19 có thể còn tiếp tục gây ra trong hàng tá lĩnh vực và ngành nghề then chốt, bao gồm tương lai của việc làm, giáo dục, y tế, chuỗi cung ứng và nhiều thứ khác nữa.

Tác động của COVID-19 có thể sẽ phủ bóng theo cả hai chiều hướng xấu và tốt trong suốt nhiều năm và nhiều thập niên tới đây. Nó sẽ tác động đến cách thức chúng ta làm việc, nơi chúng ta sống và diện mạo của những ngành nghề khác nhau trong tương lai.

Cuốn sách này dựa trên công trình nghiên cứu, các khóa học và tài liệu đào tạo từ Chương trình đào tạo chứng chỉ Chuyên viên tương lai học của Viện Tương lai học.

Một số đề tài, chủ đề và nội dung trong sách này được rút ra từ các cuốn sách về tương lai học khác của tôi.

Những động lực thay đổi và những rủi ro

Cuốn sách này thể hiện nỗ lực nhằm sáp nhập cái cảnh quan đang thay đổi nhanh chóng do COVID-19 với những kỳ vọng và chiến lược dài hạn. Vì cuốn sách này được soạn ra gấp rút, nên tất nhiên một số thực tế, một số tác động tiềm năng trong tương lai và mối tương quan giữa các chủ đề có lẽ cũng nhanh chóng thay đổi.

Vì lẽ đó việc viết một cuốn sách như thế này có một chút rủi ro.

Nhưng tôi tin rằng cũng đáng để chấp nhận những rủi ro đó!

Người ta cần có một khung ý niệm tương lai học để cân nhắc những tác động tiềm năng trong dài hạn do sự bùng phát đại dịch COVID-19, sự lây lan dịch bệnh, những thách thức về chăm sóc sức khỏe, hệ lụy của suy thoái kinh tế, sự thích ứng về cách làm việc, sự tác động tiềm tàng đến thói quen tiêu dùng và các động lực khác nữa.

Tôi cố gắng viết cuốn sách này theo chiều hướng nhận diện các xu hướng đường như nhiều khả năng sẽ tiếp diễn, thay đổi, tăng tốc hoặc chấm dứt do tác động của COVID-19. Nhưng tôi cũng thảo luận cả về những thứ không chắc chắn.

LỜI CẢM ƠN

Không cuốn sách nào được thực hiện hoàn toàn do một cá nhân. Còn có các bộ phận biên tập, chuyển đổi tệp tin, thiết kế và quản lý dự án góp sức để hoàn thiện một cuốn sách như thế này. Và những nhiệm vụ đó đòi hỏi cả một đội ngũ.

Cũng vì lẽ đó, tôi muốn cảm ơn Viện Tương lai học và đội ngũ nhân viên Nhà xuất bản Prestige Professional Publishing đã trợ giúp để cuốn sách này được ra đời. Đặc biệt, tôi muốn cảm ơn Nawfal Patel, người phụ trách khâu sản xuất của cuốn sách *Tương lai sau đại dịch COVID*.

Tôi cũng muốn cảm ơn Kerry Ellis vì thành quả tinh tế của cô trên trang bìa cuốn sách. Với trang bìa này, tôi muốn hình tượng theo kiểu mẫu y khoa của thần Atlas đang gánh vác thế giới, để nhằm truyền tải tính chất nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, đồng thời cũng cho thấy thảm họa và gánh nặng của nó thực sự là ở mức độ toàn cầu ra sao – nhất là đối với các chuyên viên y tế và chăm sóc sức khỏe của chúng ta. Thần Atlas của chúng ta không chỉ mang mặt nạ, dường như ông còn mặc đồng phục y tế, và được khắc họa trên một phong nền tươi sáng truyền tải sự lạc quan. Tôi biết mình có lẽ đã đòi hỏi quá nhiều

từ Kerry – và quả thực là vậy. Nhưng cô đã làm xuất sắc. Tôi rất biết ơn. Cảm ơn nhé, Kerry!

Quan trọng nhất, tôi muốn cảm ơn gia đình đã hỗ trợ tôi trong việc học hành, sự nghiệp, quản lý công việc và quyền tác giả. Tôi luôn biết ơn sự ủng hộ của người vợ hiền, Ashley Schenker, cùng với cha mẹ tuyệt vời của tôi, Janet và Jeffrey Schenker. Gia đình hỗ trợ tôi rất nhiều bằng sự động viên và phản hồi ý kiến biên tập. Mỗi lần khi tôi viết một cuốn sách thì cuộc sống gia đình của tôi đảo lộn hết cả, thế nên tôi muốn tri ân họ cũng như những ai khác đã giúp tôi trong quá trình này: Cảm ơn mọi người!

Cuối cùng, cảm ơn bạn đã mua cuốn sách này. Tôi hy vọng *Tương lai sau đại dịch COVID* sẽ giúp bạn định hướng tốt hơn trong những thời khắc thiếu chắc chắn này!

JASON SCHENKER

chương 1

TƯƠNG LAI SAU ĐẠI DỊCH COVID

Những sự kiện trong hai tháng qua gợi nhớ khá giống với quãng thời gian ngay sau ngày 11 tháng Chín năm 2001. Lúc này – cũng như hồi đó – mọi người đều lo sợ. Họ ngày càng sợ phải đi lại hoặc ra ngoài nhà.

Và đôi khi, có cảm tưởng như một kết cục chẳng lành sớm muộn gì cũng sẽ đến.

Nhưng có một số khác biệt tích cực, rất quan trọng và mang tính quyết định.

Ngày nay, nền kinh tế có nhiều cơ hội hơn để có thể tiếp tục phát triển (ít nhất là phần nào), ngay cả khi gặp phải những gián đoạn thế này. Nhờ thương mại điện tử mà mọi người vẫn có thể mua sắm và chi tiêu. Điều này đóng vai trò then chốt vì hơn 70% nền kinh tế Hoa Kỳ được thúc đẩy bởi những người mua hàng.

Nhiều công việc thuộc nhóm ngành dịch vụ không thiết yếu, không thể thực hiện từ xa đang gặp nguy cơ – và chúng sẽ biến mất.

Nhưng những công việc từ xa và công việc trong

lĩnh vực chuỗi cung ứng sẽ được tạo ra nhiều hơn. Quá trình này đã và đang diễn ra được một thời gian rồi. Giờ đây, việc làm trong các lĩnh vực này đã sẵn sàng để tăng tốc.

Còn một điểm khác biệt lớn theo chiều hướng tích cực nữa, đó là mọi người có thể tham gia làm việc từ xa nhờ những tiến bộ công nghệ và đổi mới sáng tạo trong kinh doanh.

Khi nói về “tương lai của việc làm”, tôi thường bảo với các khách hàng và các độc giả là trong một vài thập niên tới đây, tôi mong chờ có một đứa trẻ nào đó sẽ hỏi tôi về công việc và cuộc sống trong “những ngày xưa” là như thế nào. Và khi chuyện đó xảy ra, tôi sẽ mô tả cho nó về việc đi làm và đến văn phòng hằng ngày. Tôi cũng đồ rằng đứa trẻ đó sẽ cười tôi và nói: “Vô lý. Cháu không tin.”

Đối diện với tất cả những lo ngại về coronavirus^(a), tôi rất biết ơn vì ngày nay chúng ta có thương mại điện tử và phương thức làm việc từ xa. Và tôi cũng hy vọng giờ đây mọi người đã sẵn sàng hơn để theo đuổi việc học tập trực tuyến nhằm tìm được chỗ đứng của mình trong

a. Tác giả viết “coronavirus” theo cách viết của tiếng Anh, song song với các cách viết COVID-19 hoặc đại dịch COVID. Chúng tôi giữ cách viết này khi chuyển ngữ. [BT]

thế giới này – và cải thiện được nhiều điều trong cuộc sống của họ.

Tương lai sau đại dịch COVID cho tôi dịp may và cơ hội để chia sẻ những kỳ vọng của mình về tương lai ngắn hạn và dài hạn – trong các ngành nghề, trong nền kinh tế và trong xã hội.

Điều tuyệt vời mà tôi hy vọng cuốn sách này sẽ mang đến cho bạn là mặc dù có nhiều thiệt hại và phí tổn đáng kể liên quan đến COVID-19, nhưng vẫn có những cơ hội – ngay cả trong những thời điểm khó khăn nhất – để khám phá những cách thức nhằm cải thiện sức khỏe cộng đồng, giáo dục và tác động kinh tế trong dài hạn.

Hãy để đại dịch COVID-19 đem lại cho chúng ta những bài học, kéo chúng ta sẽ mất cơ hội được chuẩn bị tốt hơn – và được trang bị tốt hơn – để kiểm soát những rủi ro kiểu này trong tương lai. Bởi vì sẽ có cả một tương lai sau COVID-19.

chương 2

TƯƠNG LAI CỦA NHÀ TƯƠNG LAI HỌC

Những nhà tương lai học^(a) sẽ có vai trò ngày càng quan trọng để giúp mọi người và các tổ chức suy nghĩ về tương lai.

Tất nhiên, người ta định nghĩa các nhà tương lai học theo nhiều cách khác nhau. Có nhiều người tự coi mình là nhà tương lai học, và họ được chia thành mấy trường phái.

Thứ nhất, có những nhà tương lai học hàn lâm. Họ thường hoạt động bên ngoài phạm vi trường đại học và viết ra các tài liệu học thuật. Họ chuyên chú vào các khung lý thuyết hơn là các vấn đề và các ngành nghề cụ thể.

Thứ hai, có những người tự cho mình là những nhà tương lai học, nhưng thực chất họ là những fanboy [mê

a. Tương lai học là một lĩnh vực mà trong đó các chuyên gia (nhà tương lai học) dự báo về thế giới thực trong tương lai sẽ có những gì khác với hiện tại; và nó sẽ vận hành như thế nào. [BT]

các truyện hoặc phim khoa học viễn tưởng] trong tương lai. Một số người thuộc nhóm này có tư tưởng lạc quan về tương lai gần như trong tôn giáo vậy, đến mức có người còn tin rằng tương lai sẽ luôn tốt đẹp hơn.

Thứ ba, có những nhà tương lai học ứng dụng. Đây là công việc tôi đang làm – và Viện Tương lai học cũng đang đào tạo các chuyên gia làm công việc này.

Đây chính là đường hướng dành cho các nhà tương lai học làm việc trong vai trò phân tích, tư vấn hoặc chiến lược gia. Chúng tôi cố gắng tạo ra và sử dụng các lý thuyết về tương lai – và áp dụng chúng vào thực tiễn – để đưa ra những cách nghĩ về các kịch bản tương lai khác nhau.

Những nhà tương lai học như tôi suy nghĩ xem đâu là những đòn bẩy, động lực và tác nhân thay đổi quan trọng nhất trong tương lai. Chúng tôi tìm xem đâu là những rủi ro và những cơ hội lớn, và chúng tôi xem xét những xu hướng và những nguyên tắc cơ bản nào có thể sẽ không thay đổi. Việc xem xét các tác nhân thay đổi – cũng như các chủ đề và những xu hướng chủ đạo mà nhiều khả năng sẽ bất biến – sẽ góp phần thúc đẩy và chỉ dẫn cho các cuộc thảo luận mang tính xây dựng xoay quanh những gì có thể diễn ra trong tương lai.

Tương lai, xét cho cùng, là không chắc chắn. Nhưng chúng ta cần suy xét xem những kỳ vọng của mình về

tương lai phải phù hợp như thế nào với các nguyên tắc cơ bản trong bản chất con người, trong sự phát triển công nghệ và các xu hướng lịch sử.

Một điều quan trọng nữa là tổ chức thảo luận về những công nghệ có khả năng được áp dụng rộng rãi trong thập niên tới – cũng như những công nghệ nào có thể trở nên quan trọng hơn sau quãng thời gian đó.

Nhóm nghiên cứu tại Viện Tương lai học và tôi đều coi sự phân đôi thời gian này là thứ động lực “gần như ở hiện tại” / “có lẽ vào một ngày nào đó”.

Biết được điều gì là quan trọng nhất trong một khoảng thời gian trước mắt cũng quan trọng như việc có khả năng nhận diện xem điều gì có thể còn trở nên quan trọng hơn nữa trong tương lai.

Ví dụ, từ bốn năm trước, niềm mong đợi phương thức làm việc từ xa được phổ biến rộng rãi hơn là điều chúng ta đã thấy trong khung thời gian mười năm “gần như ở hiện tại”. Nhưng phương thức làm việc từ xa ở ngoài trái đất lại là điều mà đại khái chúng ta tiếp tục coi là “có lẽ vào một ngày nào đó”.

Quả thực, việc giới hạn số lượng những luận điểm thảo luận về chủ đề “có lẽ vào một ngày nào đó” là rất quan trọng để giúp cho các công ty và tổ chức có thể trù bị sẵn sàng cho tương lai.

TƯƠNG LAI DÀNH CHO NHỮNG NHÀ TƯƠNG LAI HỌC

Các nhà phân tích dài hạn cũng như việc hoạch định chiến lược xung quanh các xu hướng và công nghệ rồi đây sẽ đóng vai trò quyết định nhiều hơn trong tương lai. Vì lý do này, khi nhìn về tương lai, chúng tôi mong nhà tương lai học sẽ có được vị thế của một nghề nghiệp ngày càng quan trọng.

chương 3

TƯƠNG LAI CỦA VIỆC LÀM

Mọi người đều có thể đã từng làm việc từ xa vào một thời điểm nào đó rồi.

Khi tôi bắt đầu làm công việc tư vấn tại McKinsey vào năm 2007 – gần 13 năm trước – nhiều công ty tư vấn, bao gồm cả công ty tôi, đã cho phép mọi người làm việc tại nhà, và vào thời ấy họ đã sử dụng không gian linh hoạt và không gian làm việc chung [co-working].

Nhưng nhiều tập đoàn không chịu chuyển sang môi trường làm việc từ xa.

Quả thực, khi tôi thành lập Prestige Economics vào năm 2009, nó đã được thiết kế để trở thành một công ty làm việc từ xa. Chúng tôi chưa bao giờ có văn phòng. Và chưa bao giờ có bất kỳ dự định nào để thiết lập một văn phòng.

Với những diễn tiến gần đây của dịch COVID-19, quyết định này khiến tôi cảm thấy rất đồng cảm với phương châm: “Tôi thích là người may mắn hơn là người giỏi.” Mặc dù những rủi ro đại dịch luôn chực

chờ, nhưng việc chúng ta đang sống qua một trong những đại dịch nghiêm trọng lại là một biến cố bất ngờ đối với nhiều người.

Hiện giờ chúng ta đang ở vào một thời điểm bước ngoặt. Và trong khi khả năng sở hữu đội ngũ đông đảo các nhân viên làm việc từ xa vẫn còn ở dạng tiềm năng trong nhiều năm tới thì những công ty nào vẫn chống lại xu hướng này hiện đang buộc phải thích ứng.

Sắp tới đây, khả năng là nhiều công ty không còn có thể quay trở lại như cũ.

Tất nhiên, một số công ty sẽ không bao giờ nhìn lại phía sau. Có lẽ họ vẫn tiếp tục ủng hộ phương thức làm việc từ xa, để giúp giảm thiểu chi phí hoạt động của công ty và làm tăng mức độ hài lòng và tính linh hoạt của người lao động.

Lại có các công ty muốn đảo ngược xu hướng. Nhưng trước hiện trạng mọi người đang làm việc từ xa – và nhiều người trong số họ làm việc rất hiệu quả – những công ty nào muốn đảo ngược xu hướng và chấm dứt tình trạng làm việc từ xa có thể sẽ gặp khó khăn khi đưa nhân viên của họ trở lại làm việc toàn thời gian tại văn phòng.

BA LOẠI CÔNG VIỆC

Ngoài những thay đổi trong phương thức làm việc từ xa, người ta cũng đã bắt đầu nhận thức được ba loại công việc – ba loại nhân công:

- Nhân công thiết yếu
- Nhân công tri thức
- Những người khác

Trước hết, có những công việc thiết yếu dành cho những nhân công thiết yếu. Đây là những công việc mà mọi người đều phải có lúc tìm đến. Công việc thuộc loại thiết yếu là chăm sóc sức khỏe, công ích, sản xuất, nông nghiệp, chuỗi cung ứng và các ngành nghề then chốt khác giúp duy trì nền kinh tế – và góp phần vào sự ổn định xã hội nói chung.

Loại thứ hai là nhân công tri thức. Họ có những công ăn việc làm mà có thể được thực hiện từ xa. Loại này bao gồm mọi nhóm ngành, giống như công việc trong các lĩnh vực công nghệ, tài chính và nhiều lĩnh vực khác. Bên cạnh toàn bộ các lĩnh vực chuyên nghiệp có thể vận hành từ xa, thì một số nhân viên văn phòng, nhân sự khối hành chính và điều hành tại các công ty thiết yếu cũng có thể làm việc từ xa.

Cuối cùng, có một loại công việc thứ ba.

Về cơ bản thì loại này bao gồm mọi công việc còn lại. Thật không may, có rất nhiều người làm những dạng công việc không thể làm từ xa – và những công việc không được coi là thiết yếu.

Rất nhiều công việc dựa trên dịch vụ thuộc loại này, bao gồm những người làm việc trong nhà hàng và quán bar, rạp chiếu phim và sòng bạc, tiệm làm tóc và tiệm làm móng. Tính tổng cộng thì có rất rất nhiều công việc rơi vào hạng mục không thiết yếu, không làm từ xa.

Vào năm 2001, trong thời kỳ suy thoái, tôi đã phải làm công việc phục vụ bàn. Đó là loại công việc chỉ cần đào tạo tối thiểu, và nếu bạn làm việc chăm chỉ bạn có thể kiếm được khoản thu nhập kha khá để duy trì nhu cầu cơ bản. Nhưng hiện giờ, trong kỷ nguyên của đại dịch COVID-19, nghề phục vụ bàn là một lựa chọn không ổn lắm.

Tôi tự hỏi mình sẽ làm gì hôm nay nếu là một sinh viên mới hay sắp tốt nghiệp, tham gia vào thị trường việc làm đang bị đóng băng do ảnh hưởng của COVID-19 và chỉ có một mạng lưới quan hệ, kinh nghiệm làm việc hay các kỹ năng chuyên nghiệp tương đối hạn chế.

Có lẽ tôi sẽ làm việc cho Instacart [giao hàng gia dụng] hay Uber Eats [giao đồ ăn tại nhà].

NHÓM CÔNG VIỆC CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Những trải nghiệm thời đại dịch COVID-19 dường như khiến nhiều người cân nhắc đến việc tham gia vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Và tôi mong sẽ có một vài lý do cho lựa chọn đó. Đối với một số người, đó có thể sẽ là sự kết hợp của nhiều lý do trong số này.

Trước hết, tôi mong sinh viên các trường đại học sẽ ưu tiên nhiều hơn nữa cho nhóm nghề chăm sóc sức khỏe khi chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của mình^(a). Một số sinh viên trong nhóm này có thể thay đổi chuyên ngành học khi thấy đồng môn của họ phải trải qua những tác động tiêu cực của thị trường việc làm do suy thoái kinh tế thời COVID-19. Khi không còn nhiều lĩnh vực chuyên môn tiềm năng để lựa chọn, có thể một số sinh viên nhận thấy dịch vụ chăm sóc sức khỏe là nghề đề kháng suy thoái [recession-proof]. Xét cho cùng, chăm sóc sức khỏe chắc chắn là một lĩnh vực nổi tiếng về khả năng đó.

Thực ra, tính chất đề kháng suy thoái của nghề chăm sóc sức khỏe là điều tôi đã thảo luận trong một số cuốn sách của mình, bao gồm *Robot-Proof Yourself* [Thích

a. Sinh viên đại học ở Mỹ thường đăng ký chuyên ngành khi nhập học nhưng vẫn có thể đổi ngành sau khi học xong năm đầu hoặc năm hai đại học (giống như chọn chuyên ngành sau khi học xong đại học đại cương). [BT]

nghi với robot], *Jobs for Robots* [Việc làm cho robot], và *Recession-Proof* [Đề kháng suy thoái].

Thứ hai, tôi kỳ vọng chúng ta sẽ được chứng kiến mối quan tâm ngày càng tăng đối với các ngành nghề y tế và chăm sóc sức khỏe từ các chuyên viên có tuổi nghề tương đối, đang mất việc hay có nguy cơ mất việc, hoặc những người tìm cách trang bị lại kiến thức và rèn luyện lại kỹ năng để đảm bảo có được công việc lâu dài.

Hiện đang có nhu cầu cao về nhân sự ngành y tế, và nhóm công việc chăm sóc sức khỏe từ lâu đã được Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ công nhận là lĩnh vực tăng trưởng tới hạn trong thập niên tới đây. Dân số già, tuổi thọ tăng và tài sản quốc gia tăng đều có khả năng góp phần làm gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong tương lai.

Thứ ba, tôi kỳ vọng chúng ta sẽ được chứng kiến sự gia tăng của xu hướng ưa chuộng làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe từ nhóm người còn chưa vào đại học sau khi tốt nghiệp trung học. Một số học sinh thuộc nhóm này có thể chọn nghề chăm sóc sức khỏe như một cách để góp sức cho cuộc đấu tranh chống lại đại dịch và giúp cải thiện sức khỏe cộng đồng.

Cũng giống như sự kiện một số người tình nguyện tham gia quân đội sau cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001, có thể thấy người ta chọn công

việc chăm sóc sức khỏe như một lời kêu gọi – như là nghĩa vụ yêu nước của họ.

Lại nữa, một số người làm nghề chăm sóc sức khỏe vì nhiều lý do khác nhau – để cải thiện cơ hội việc làm trước mắt, cải thiện triển vọng dài hạn hoặc để đáp lại lời kêu gọi.

Nhưng bất kể lý do nào đứng sau quyết định tham gia công việc chăm sóc sức khỏe, đó vẫn là một nghề và một lĩnh vực có khả năng trường tồn trong một thế giới bất ổn về kinh tế, biến động thị trường tài chính, rủi ro đại dịch và tự động hóa. Ngoài ra, nó không phải là lĩnh vực được tài trợ bởi thu nhập khả dụng thực tế.

Xét cho cùng, nếu bạn có nhu cầu điều trị y tế, thì bạn cần được điều trị y tế. Nó không giống như ngành du lịch là ngành có thể biến động mạnh mẽ tùy thuộc vào GDP và các thị trường vốn cổ phần.

Chăm sóc sức khỏe là nhu cầu bất biến mà mọi người sẽ tiếp tục cần, bất kể hiện trạng của nền kinh tế.

Nghề chăm sóc sức khỏe cũng có thể bền vững trong một thời gian dài, vì số liệu nhân khẩu học về nhóm dân cư Hoa Kỳ cao tuổi cho thấy cần phải mở rộng đội ngũ nhân viên chăm sóc sức khỏe tuyển đầu, bao gồm các phụ tá chăm sóc cá nhân, các hộ lý có đăng ký [được hành nghề] và trợ lý chăm sóc sức khỏe tại gia. Trong cuốn *Jobs for Robots*, tôi đã trình bày thông

tin về triển vọng tích cực cho sự tăng trưởng trong nhóm ngành chăm sóc sức khỏe, và trong bảng dưới đây, Hình 3-1, bạn có thể thấy những kỳ vọng hiện tại về sự tăng trưởng việc làm theo nhóm nghề trong nền kinh tế Mỹ.

Chăm sóc sức khỏe là người chiến thắng rõ ràng.

Ngoài ra, khi ta nghĩ về tiềm năng tự động hóa, điều quan trọng là nhận ra rằng không phải tất cả các công việc đều có thể dễ dàng tự động hóa.

HÌNH 3-1: Số lượng tối đa việc làm mới theo ngành nghề^[1]

NHỮNG VIỆC LÀM MỚI NHẤT: 2018-2028	
VIỆC LÀM	SỐ VIỆC LÀM MỚI (DỰ TÍNH), 2018-28
Trợ lý chăm sóc cá nhân	881.000
Công nhân nấu nướng/phục vụ	640.000
Y tá có đăng ký	371.500
Trợ lý chăm sóc sức khỏe tại gia	304.800
Đầu bếp, Nhân viên nhà hàng	299.000
Phát triển phần mềm [Lập trình]	241.500
Phục vụ bàn	170.200
Tổng Quản lý và quản lý vận hành	165.000
Quản gia và Quét dọn	159.800
Phụ tá y tế	154.900

Nguồn: Bureau of Labor Statistics

FI THE FUTURIST INSTITUTE

Nhóm công việc chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là những công việc có mức độ tiếp xúc cao với con người, cũng là nghề lâu bền, ngay cả khi phải đối diện với các mức độ tự động hóa cao hơn trong nền kinh tế rộng lớn hơn.

Đây không phải là một lưu ý nhỏ khi suy nghĩ về việc làm trong dài hạn. Trong tương lai, nhiều công việc sớm muộn gì cũng sẽ không còn tồn tại do tự động hóa. Chính điều này đã thôi thúc Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ tiến hành dự báo về vấn đề tạo việc làm và mất việc làm xếp theo ngành nghề, được thể hiện trong Hình 3-2.

Khi nhìn vào các loại nghề nghiệp có tiềm năng tăng trưởng lớn nhất, một lần nữa chúng ta lại thấy chăm sóc sức khỏe là nghề chiến thắng hàng đầu. Đó là một nhu cầu chứ không phải một mong muốn, nó không dễ để tự động hóa, và số liệu nhân khẩu học ủng hộ lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Đó là định nghĩa về tính thiết yếu. Tôi có cần nói gì thêm nữa không?

HÌNH 3-2: Tạo việc làm trong nhóm nghề chăm sóc sức khỏe đang đứng đầu danh sách^[2]

CÁC VIỆC LÀM TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT: 2018-2028	
VIỆC LÀM	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG, 2018-28
Chuyên viên lắp đặt điện mặt trời	63%
Kỹ thuật viên tua bin gió	57%
Trợ lý chăm sóc sức khỏe tại gia	37%
Phụ tá chăm sóc cá nhân	36%
Trợ lý điều trị chuyên nghiệp	33%
Phân tích an ninh thông tin	32%
Phụ tá bác sĩ	31%
Chuyên viên thống kê	31%
Điều dưỡng viên	28%

Nguồn: Bureau of Labor Statistics

FI THE FUTURIST INSTITUTE

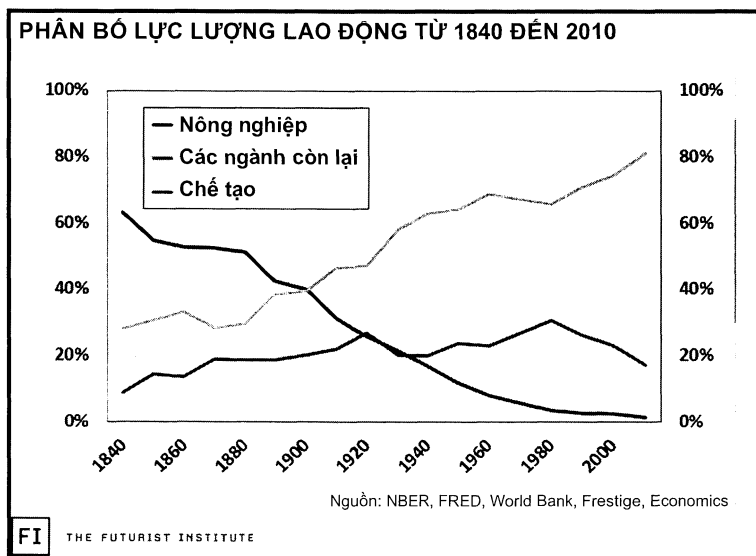
THAY ĐỔI LÀ ĐIỀU DUY NHẤT BẤT BIẾN

Thị trường lao động Mỹ luôn thay đổi. Bạn có thể thấy điều đó trong Hình 3-3. Vào giữa thập niên 1800, đa số lực lượng lao động làm trong nông nghiệp. Ngày nay, việc làm trong ngành nông nghiệp chiếm chưa đến 1% trên toàn bộ lực lượng lao động Hoa Kỳ.

Nhưng cũng đã có những thay đổi lớn khác.

Lao động ngành chế tạo đạt đỉnh điểm vào thập niên 1970, nhưng kể từ đó đã sụt giảm, trong khi một số lĩnh vực, như chuỗi cung ứng, chỉ một vài năm trước còn không xuất hiện trong tâm trí của bất cứ ai thì nay đã bùng nổ. Ở Hình 3-4, bạn có thể thấy sự gia tăng các công việc thuộc nhóm chuỗi cung ứng trong hai thập niên qua. Quả thực, chuỗi cung ứng là lĩnh vực mà nhu cầu về nhân sự cũng lớn gần bằng nhu cầu về tự động hóa.

HÌNH 3-3: Thị trường lao động Hoa Kỳ^[3]

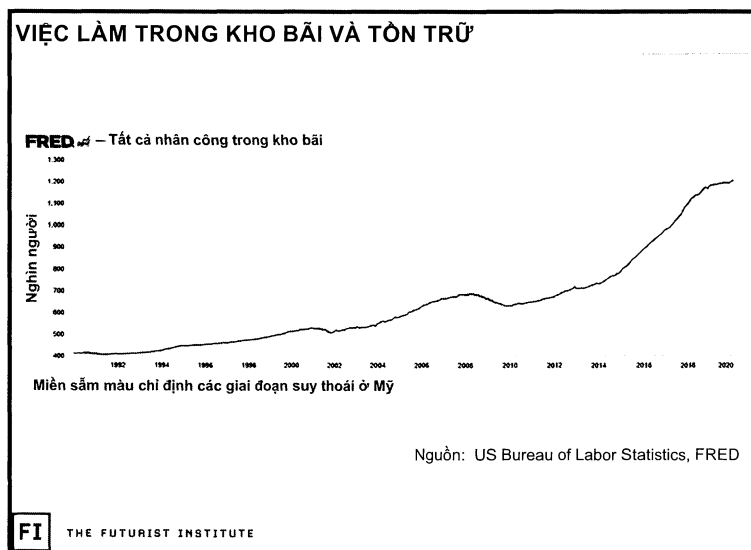


Xét cho cùng, phản ứng với đại dịch COVID-19 cho thấy rằng có một nhu cầu lớn hơn về tự động hóa, AI [trí thông minh nhân tạo] và robot – đặc biệt là trong lĩnh vực chuỗi cung ứng. Công nghệ trong lĩnh vực chuỗi cung ứng của chúng ta đã phải chịu sức ép lên những hạn chế về năng lực của nó, khi vốn dĩ nó đã được triển khai như huyết mạch của nền kinh tế để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, bất chấp lượng hàng có sẵn trong kho rất mỏng^(a) bị bùng nổ tiêu thụ trên diện rộng.

Đại dịch COVID-19 đã buộc chúng ta phải vượt qua một ngưỡng then chốt đối với thương mại điện tử. Bây giờ, nó không chỉ là một tiện ích nữa; nó là một nhu cầu thiết yếu thực sự. Và điều đó thậm chí càng đúng hơn trong tương lai. Tự động hóa sẽ giữ vai trò chủ chốt, bởi vì người ta không thể tự mình làm tất cả những thứ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu kinh tế của chuỗi cung ứng. Nhưng nhìn xa hơn, tôi vẫn mong sẽ có nhiều người làm việc trong chuỗi cung ứng ở thập niên tới.

a. Quản trị hàng tồn kho ở các chuỗi cửa hàng tiện ích và siêu thị ở Mỹ rất tiên bộ, nó có thể tối ưu hóa số lượng hàng trên quầy kệ luôn ở mức cực thấp (mỏng) vừa đủ bán, và khi vừa bán xong đi là có hàng mới tiếp tế vào ngay. Do đó khi mức tiêu thụ tăng đột biến, ví dụ như nhu cầu mua giấy vệ sinh tăng đột ngột ở giai đoạn đầu đại dịch, các cửa hàng sẽ khan hiếm hàng tức thời. [BT]

HÌNH 3-4: Việc làm trong chuỗi cung ứng^[4]



NHÂN CÔNG TRI THỨC VÀ LÀM VIỆC TỪ XA

Ngoài công việc chăm sóc sức khỏe và chuỗi cung ứng, cũng có những tuyên bố giá trị lớn lao đối với thành phần công nghệ cao – những công việc có thể được thực hiện từ xa. Đây là điều mà có lẽ nhiều người đã và đang làm, nhưng bây giờ COVID-19 một lần nữa tiết lộ một bí mật quan trọng mà ai cũng biết: năng lực làm việc từ xa bằng cách sử dụng công nghệ và quyết định trở thành người lao động tri thức, hai điều đó có thể giúp bạn giữ

được công việc của mình – ngay cả trong những quãng thời gian kinh tế bị gián đoạn.

Giá trị gia tăng đối với phương thức làm việc từ xa là rõ ràng. Với người lao động, làm việc từ xa giúp tiết kiệm thời gian, nhiên liệu và các chi phí khác. Trong khi đó, với người sử dụng lao động, có một khoản tiết kiệm chi phí do giảm bớt nhu cầu về không gian văn phòng thương mại, chỗ đỗ xe, trang thiết bị và vật dụng văn phòng. Độ tin cậy cũng được cho là cao hơn khi người ta làm việc từ xa, kể cả nếu tính thêm rủi ro về an ninh mạng khi mạng công ty bị tấn công thì cơ sở hạ tầng tri thức cũng đã được phân tán hơn.

Những ai từng làm việc cho tôi tại Prestige Economics mà tôi thành lập năm 2009, đều làm việc từ xa. Chúng tôi không có văn phòng vì không cần đến nó. Tất cả những gì tôi quan tâm là mọi người hoàn thành công việc của mình đầy đủ, chính xác và đúng hạn.

Nếu chúng ta nhìn vào các công việc có đòi hỏi chuyên môn trong tương lai, chúng đều là phương thức làm từ xa. Chăm sóc sức khỏe, chuỗi cung ứng, sản xuất và thương mại vẫn sẽ chủ yếu là công việc giao dịch trực tiếp. Nhưng những việc làm thuộc lĩnh vực kinh doanh cũng như vai trò cần chuyên môn sẽ hầu hết dựa vào phương thức trực tuyến. Những vấn đề như thế này vốn đã được ấp ủ một thời gian rồi. Và xét về phương diện

kinh tế cũng như xã hội, xu hướng ưa thích những công việc thuộc các nhóm ngành chăm sóc sức khỏe, chuỗi cung ứng và phương thức làm việc từ xa rất có thể sẽ là thường xuyên, lâu dài sau khi đại dịch COVID-19 chấm dứt.

chương 4

TƯƠNG LAI CỦA GIÁO DỤC

Tương lai của giáo dục là trực tuyến.

Tôi đã nhìn thấy điều này từ trước, đã nắm bắt được nó về mặt chuyên môn và vẫn tiếp tục duy trì.

Trong cuốn sách *Jobs for Robots* viết năm 2017, tôi đã thảo luận làm thế nào phương thức giáo dục trực tuyến lại có cơ hội cải thiện đáng kể xã hội – và giáo dục là công cụ tuyệt vời nhất mà nhân loại phải có ý thức rõ ràng về nó trong một thế giới tự động hóa ngày càng tăng.

XU HƯỚNG LÀ ĐỒNG MINH

Thời gian qua xu hướng gia tăng trong giáo dục trực tuyến đã đạt được đà phát triển, và bây giờ chúng ta đang thấy COVID-19 về cơ bản đã buộc tất cả những người học phải xa rời trường lớp và chuyển sang học trên mạng.

Điều này đang diễn ra ở tất cả các cấp giáo dục – tiểu học, trung học, sau trung học, các trường đào tạo

ngành chuyên môn, các trường có cấp bằng và các trường đào tạo cấp chứng chỉ.

Tất nhiên, cũng đã có sự tăng trưởng đáng kể các khóa học trực tuyến chạy trên các nền tảng như LinkedIn. Và xu hướng chung trong các khóa học mở trực tuyến đại chúng (MOOC) và các khóa học trực tuyến đại chúng đồng bộ (SMOC) cũng đã và đang tăng trưởng trong một thời gian dài. Nhưng, tất nhiên, đây không chỉ là sự tăng trưởng trong giáo dục phi chính thống.

Sự thật là tất cả những khóa học như vậy đều có thể phát triển mạnh.

Các xu hướng thường hình thành thành chậm chạp và sau đó tăng tốc vào những thời điểm ngưỡng nhất định. Đây có lẽ chính là thời điểm ngưỡng cho giáo dục trực tuyến. Và chỉ riêng kinh nghiệm hiện tại có thể cũng đã đủ để thay đổi mãi mãi tương lai của giáo dục đại học cũng như tất cả các loại hình giáo dục khác.

Trong các sách khác tôi đã chia sẻ câu chuyện về việc tôi đã lấy bằng thạc sĩ toàn phần thứ ba của mình bằng phương thức hoàn toàn trực tuyến mà không hề đến trường như thế nào. Điều này bao gồm cả việc bảo vệ luận án thạc sĩ của tôi từ xa, cũng như việc thực hiện các nghiên cứu nhóm và dự án nhóm trực tuyến.

Và tôi đã làm việc đó từ năm 2014 đến 2016.

Tất nhiên, hiện giờ công nghệ thậm chí còn tốt hơn trước kia.

Thời nay mọi người có công cụ tốt hơn. Máy tính bây giờ nhanh hơn; điện thoại thông minh cũng tốt hơn. Về cơ bản, mọi thứ người ta cần để thành công tối đa với việc học trực tuyến đều tốt lên rất nhiều kể từ khi tôi hoàn thành tấm bằng thạc sĩ trực tuyến.

Và khi nhìn về tương lai của giáo dục, tôi nhận thấy tiềm năng cho ba động lực chính sinh ra từ trải nghiệm đại dịch COVID-19.

Đây cũng chính là ba động lực đã ảnh hưởng đến những ngành khác, nơi công nghệ giúp phá vỡ hệ thống học nghề kiểu phường hội nghề nghiệp, và giáo dục – đặc biệt là ở bậc đại học và sau đại học – chính là một hệ thống học việc kiểu phường hội nghề nghiệp.

Đó là những gì đặt cơ sở cho toàn bộ mô hình bằng cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ; mô hình này được dựa trên cấu trúc của người học nghề, người thợ làm thuê nay đây mai đó và ông thợ cả có từ thời trung cổ.

Ba cấp độ nghề nói trên đại khái tương đương với những gì mà hẳn nhiên người ta sẽ thấy cả trong giới hiệp sĩ hay trong hệ thống văn bằng chính thức thời trung cổ. Bằng tiến sĩ là đỉnh cao của những văn bằng này, và người ta đặt ra hình thức luận án để nhằm phản ánh đại khái cho *Meisterstück* [tiếng Đức] hoặc *chef d'oeuvre*

[tiếng Pháp] – tức là một *kiệt tác* – nhờ đó sẽ biến một người thành một *Meister* – một bậc thầy trong lĩnh vực của họ. Mặc dù từ ngữ mà chúng ta sử dụng trong giáo dục đã khác đi, nhưng cấu trúc của giáo dục đại học về bản chất vẫn mang tính trung cổ.

Về mặt lịch sử, cấu trúc học nghề kiểu phường hội luôn là rào cản đối với việc gia nhập nhiều ngành nghề và ngành học. Nhưng giáo dục trực tuyến có tiềm năng to lớn để phá vỡ lối học tập nghiên cứu truyền thống và phương thức phường hội của học viên bằng cách tích cực đem nguồn tài liệu của khóa học và nội dung giáo dục tiếp cận tới được thật nhiều người học. Tôi kỳ vọng sự gia tăng nhanh chóng này sẽ là những gì chúng ta sớm nhận thấy trong những năm tới. Rồi đây sẽ có thêm nhiều người được giáo dục hơn bao giờ hết so với thời chưa có phương thức trực tuyến – và nói chung, nhờ có giáo dục trực tuyến mới được vậy.

BA XU HƯỚNG TRONG GIÁO DỤC

Ba xu hướng mà chúng ta đã thấy trong FinTech [Công nghệ trong tài chính] – loại bỏ chi phí trung gian, dân chủ hóa và cải thiện trải nghiệm người dùng – cũng chính là ba động lực mà tôi mong đợi sẽ tác động đến tương lai của giáo dục.

Trước hết, là khả năng loại bỏ các chi phí trung gian trong giáo dục bằng cách bỏ đi hệ thống giáo dục học nghề kiểu phường hội. Thứ hai, là khả năng dân chủ hóa việc tiếp cận một nền tảng trực tuyến và do đó giáo dục được nhiều người hơn. Và thứ ba, có thời cơ để cải thiện trải nghiệm học tập.

Mặc dù hầu hết mọi người có thể nghĩ về trải nghiệm học đại học hoặc sau đại học là thời gian để sống trong một khuôn viên đại học ngoại ô điển hình hoặc thậm chí môi trường nông thôn, nơi quá trình học tập đa phần được hỗ trợ một cách tự nhiên nhờ trải nghiệm được sống trong một môi trường thuận lợi nhất định, nhưng sắp tới đây sẽ có sự thay đổi lớn.

Trong những năm gần đây, các trường đại học quy mô nhỏ đang phải chịu áp lực tài chính. Trước hiện trạng suy thoái kinh tế và động thái gia tăng chuyển dịch sang giáo dục trực tuyến, tôi dự kiến trong thời gian tới, ta sẽ thấy một số trường đại học nhỏ chịu áp lực tài chính đến mức buộc phải đóng cửa.

Và tuy một số trường đại học khai phóng [liberal arts] quy mô nhỏ – hoặc những trường đại học chống lại sự bành trướng của giáo dục trực tuyến – có lẽ không tồn tại nữa, khi ấy các trường đại học lớn có thể coi đây là một cơ hội to lớn giúp họ lấp đầy và mở rộng phạm vi quyền hạn của mình. Rốt cuộc, họ sẽ có thể phục vụ

nhiều, rất nhiều người hơn nữa bằng cách gia tăng năng lực tiếp cận với giáo dục trực tuyến. Và họ có thể làm thế với một mức giá mà nhiều người có thể chấp nhận được.

Điều quan trọng cần nhớ là hầu hết mọi người bước vào lĩnh vực giáo dục vì họ muốn giúp mọi người học tập. Điều này đúng trong giáo dục tiểu học, trung học, sau trung học và các trường đào tạo chuyên môn.

Khả năng giúp được nhiều người hơn là điều mà các nhà giáo dục có thể sẽ xem như một lời kêu gọi có sức thuyết phục hơn thay vì phục vụ ít người hơn, miễn là việc học tập đó thực sự diễn ra. Cũng tồn tại một mối quan ngại thực sự quan trọng là nếu bạn mở rộng số lượng người học, thì chất lượng giáo dục thực tế có thể bị suy giảm.

Tuy nhiên, kinh nghiệm giáo dục trực tuyến phát sinh trong thời buổi ứng phó với đại dịch COVID-19 hẳn nhiên đã chứng minh rằng có thể cung cấp phương thức giáo dục chất lượng, hiệu quả ngay cả khi số lượng học sinh gia tăng mạnh. Nếu điều này là đúng, một điều mà tôi mong sẽ xảy ra, thì các trường đại học lớn nhất và nổi tiếng nhất có thể đẩy mạnh việc gia tăng số lượng sinh viên tham gia các chương trình giáo dục trực tuyến của họ, qua đó có thể loại bỏ chi phí trung gian.

LẠM PHÁT GIÁO DỤC VƯỢT XA TỔNG LẠM PHÁT

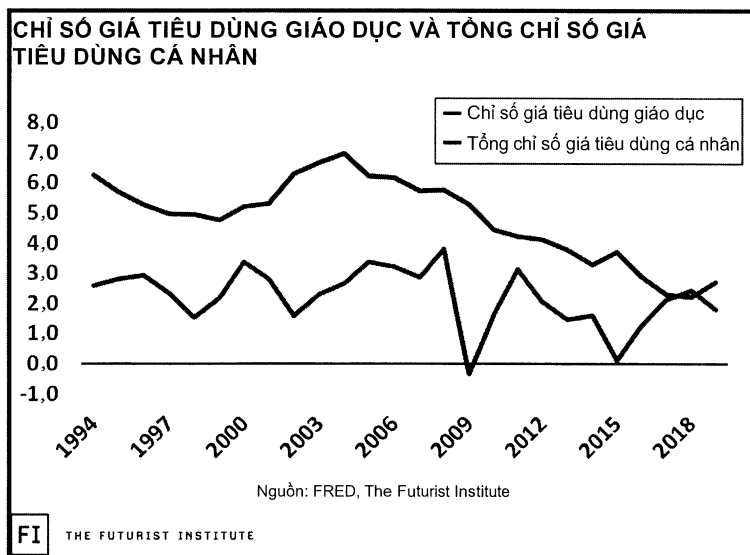
Chi phí giáo dục đã vượt xa các chi phí khác. Bạn có thể thấy động lực này khi khảo sát chỉ số phụ về chi tiêu giáo dục trong dữ liệu lạm phát chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ khi so sánh với tổng thể chỉ số giá tiêu dùng (total CPI).^[1]

Trong Hình 4-1, bạn sẽ nhận thấy chi phí cho giáo dục hầu như luôn vượt xa tốc độ gia tăng trung bình hằng năm trong tổng lạm phát. Khỏi phải nói, xu hướng này, nếu không bị gián đoạn, dường như cho thấy tính thiếu bền vững cho tương lai của khả năng chi trả và tiếp cận giáo dục. Và đó là một trong những lý do chính giải thích tại sao giáo dục trực tuyến lại có khả năng bùng nổ như một lựa chọn thích hợp trong tương lai.

Khả năng phục vụ nhiều người hơn với mức giá thấp và tạo ra sự cạnh tranh có thể phá vỡ phương thức phường hội trong giáo dục đại học và phi trung gian hóa chi phí, mang lại lợi ích xã hội to lớn, nhờ đó cho phép nhiều người hơn được thụ hưởng nền giáo dục theo yêu cầu. Trong sách *Jobs for Robots*, tôi đã viết về giáo dục trực tuyến như một lớp học nằm sẵn trong lòng bàn tay, và rõ ràng đây là thứ giàu tiềm năng suốt thời gian qua. Bây giờ, chúng ta dường như thấy một bước nhảy vọt vượt quá cái ngưỡng trước đó.

Đó cũng là lý do tôi thành lập Viện Tương lai học vào năm 2016. Và đó là lý do tại sao các khóa học của chúng tôi luôn trực tuyến. Chúng tôi muốn có thể phục vụ số lượng người học tối đa ở mức giá thấp.

HÌNH 4-1: CPI Giáo dục^[2]



Đây là cách doanh nghiệp hoạt động, và cho dù các trường đại học thường là dạng tổ chức phi lợi nhuận, nhưng vẫn là một loại hình doanh nghiệp. Xét cho cùng, ngân sách trường đại học phải cân bằng và họ cũng có một sứ mệnh. Nhưng thay vì tập trung vào lợi nhuận,

sứ mệnh đặt ra là giáo dục có hiệu quả cho càng nhiều người càng tốt.

Đây là một phần then chốt, nhất là khi chúng ta nghĩ về tương lai của việc làm và khi chúng ta xem ngưỡng cửa giáo dục là tiền đề quan trọng để thành công trong vai trò một người làm việc bằng phương tiện viễn thông hoặc với một nhân công làm từ xa. Nói cách khác, bạn phải là lao động tri thức, và bạn thực sự cần có trình độ cao về kỹ năng hoặc giáo dục để có thể làm việc trực tuyến thật hiệu quả trong nhiều trường hợp.

Sau đại dịch COVID-19, hai động lực này sẽ hỗ trợ cho nhau, khi đó nguyện vọng tham gia giáo dục sẽ gia tăng mạnh vì đó là những công ăn việc làm được kiểm chứng qua thử thách của đại dịch. Và đó sẽ là những công việc mà ngày càng có nhiều người muốn có được, nghĩa là nhu cầu về giáo dục sẽ tăng lên vì cả những người lao động tri thức có chí hướng cũng như các trường đại học đều buộc phải vượt qua bước ngoặt quyết định của giáo dục trực tuyến.

Có lẽ họ sẽ có khả năng xoay sở để tiếp tục phục vụ nhiều người hơn, và để phát huy sứ mệnh giáo dục con người đồng thời gia tăng hiệu quả trong bối cảnh có một số lượng lớn người học, ít nhất là lớn chưa từng có.

Ngoài việc phi trung gian hóa về chi phí và dân chủ hóa về truy cập, còn có trải nghiệm người dùng được cải

thiện. Và chính tại đây chúng ta thấy được vai trò đòn bẩy của công nghệ.

TRẢ HỌC PHÍ CAO MÀ KHÔNG CÓ ĐƯỢC LỢI ÍCH TƯƠNG XỨNG

Một trong nhiều lý do chúng ta có thể chứng kiến một xu hướng phi trung gian hóa về chi phí trong giáo dục là vì những bậc phụ huynh đang phải trả học phí đại học – hoặc sinh viên đang tự chi trả học phí của mình – cho các trường đại học với số tiền hàng chục ngàn đô la mỗi học kỳ, có lẽ sẽ nhận ra rằng họ có thể nhận được cùng một lượng kiến thức giáo dục tương đương theo phương thức từ xa, chỉ bằng cách theo học trực tuyến.

Nhận thức này có thể thôi thúc một số học sinh và phụ huynh tìm kiếm các lựa chọn khác để hoàn thành các khóa học của họ nhanh hơn, hoặc họ có thể đi đến quyết định rằng giá trị giáo dục thực sự không phải là lý do để họ phải theo học tại các trường ưu tú nhất.

Một trong những lập luận ủng hộ mạnh mẽ nhất cho loại hình giáo dục cao cấp là nó đưa bạn vào một mạng lưới kết nối quan hệ. Nhưng mạng lưới đó trở nên xa cách đi nhiều nếu nó là mạng lưới vận hành từ xa. Còn các cơ sở giáo dục đại học thực sự ưu tú bấy lâu nay đã và đang cung cấp các khóa học trực tuyến.

Harvard đã cung cấp các khóa học thông qua các trường chi nhánh kể từ năm 1910. Và nó đã cung cấp các khóa học và cấp bằng trực tuyến trong một số năm với chi phí chỉ bằng một phần so với các khóa học truyền thống tại Đại học Harvard. Tất nhiên, có sự khác biệt giữa học ở Harvard so với ở các trường chi nhánh. Nhưng với hầu hết mọi người, khác biệt đó có lẽ cũng không quá lớn. Xét cho cùng thì đó vẫn là Harvard.

Và Harvard không phải là đại học duy nhất cung cấp các khóa học trực tuyến, các khóa học từ xa, các chứng chỉ trực tuyến và các chương trình khác. Nhiều trường đại học khác cũng đã làm điều này. Cá nhân tôi đã lấy chứng chỉ trực tuyến của MIT và Carnegie Mellon. Nếu nội dung học tập là tiêu chí ưu tiên, thì đối với một số học viên, phương thức trực tuyến có lẽ là hiệu quả nhất.

Tất nhiên, học trực tuyến buộc bạn phải bỏ lỡ một tiềm năng lớn nhất của việc theo học tại một trường ưu tú: kết nối quan hệ.

Cho dù chúng ta nói về học trực tuyến, học từ xa hay các khóa học tích hợp nhiều phương thức, tôi vẫn kỳ vọng tương lai của giáo dục sau đại dịch COVID-19 có thể dẫn đến hai kết quả quan trọng.

Ngoài việc kỳ vọng sự gia tăng tổng số người được giáo dục trên tổng dân số theo sau đại dịch COVID-19, tôi cũng kỳ vọng có sự gia tăng số lượng các khóa học

trực tuyến được thiết kế có mục đích rõ ràng. Và tôi tin là có thể có những phản ứng không thiện chí đối với chương trình giáo dục tiên tiến nào đó với chi phí đắt đỏ.

Xét cho cùng, mọi người vốn sẵn sàng chấp nhận chi phí giáo dục cao trong quá khứ là vì nó đảm bảo sẽ kèm theo một mạng lưới kết nối xã hội. Nếu bạn chỉ tham gia một khóa học trực tuyến được thiết kế và chào bán như một thứ giá trị gia tăng của bản thân, thì có thể hình dung thấy được thật khó để xây dựng những quan hệ lâu dài với những giáo sư có tầm ảnh hưởng, những nhà lãnh đạo tư tưởng, những người đoạt giải thưởng danh giá như giải Nobel và các đồng nghiệp học thuật của bạn, nói chung là những người vào một ngày nào đó có thể trở thành nhà lãnh đạo tương lai. Sự thật là nếu mạng lưới kết nối xã hội mới thực sự là giá trị gia tăng (có vẻ là vậy), còn giáo dục kiến thức chỉ là thứ yếu, thì khi đó chi phí để học các đại học khai phóng tinh hoa cũng như học các đại học nghiên cứu tinh hoa có thể phải hứng chịu sự phản đối về phương diện giá cả, và có thể có một xu hướng ưa thích loại trải nghiệm mạng lưới quan hệ bên ngoài môi trường hàn lâm như một tác dụng thay thế cho giá trị của mạng quan hệ bị mất đi.

Tất nhiên, chưa lấy gì làm đảm bảo, nhưng đây

chỉ là một tác dụng phụ tiềm năng mà chúng ta có thể thấy được từ những người đang theo dõi con cái họ tham gia các khóa học trực tuyến trị giá 20.000 đô la hoặc 30.000 đô la chẳng khác gì việc họ xem các video trên YouTube.

GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA CÔNG NGHỆ

Các công cụ hỗ trợ bằng công nghệ có khả năng làm giảm bớt chi phí giáo dục và làm tăng tiềm năng cạnh tranh. Và chúng ta cũng thấy công nghệ có một tiềm năng đáng kể để hỗ trợ cho sự dân chủ hóa trong việc tiếp cận giáo dục và cải thiện trải nghiệm của người học.

Hơn nữa, việc sử dụng các công cụ hỗ trợ công nghệ sẽ chỉ có chiều hướng được cải thiện theo thời gian mà thôi. Và nếu chúng ta thấy các trường đại học vẫn đóng cửa vào học kỳ mùa xuân năm 2020, thì những công nghệ nào giúp cải thiện trải nghiệm người dùng trong lĩnh vực giáo dục trực tuyến có thể sẽ trở nên quan trọng hơn. Vào thời điểm cuốn sách này được xuất bản, có tiềm năng không nhỏ dành cho một số trường đại học vẫn phải đóng cửa cho đến hết năm 2020, do đó các học kỳ mùa hè hoặc mùa thu cho các khóa học trực tiếp vẫn sẽ bị hủy bỏ.

Để hỗ trợ cho nỗ lực này, tôi kỳ vọng chúng ta có thể được chứng kiến lượng đầu tư vào EdTech [Công nghệ Giáo dục] sẽ tăng lên cũng như sẽ có những khoản đầu tư đáng kể vào các trang thiết bị, tài liệu học tập và tài liệu từ xa, nhờ đó tạo thuận lợi cho một quá trình học tập gắn kết hơn. Một khi học sinh và giáo viên đã làm quen với mô hình cung ứng giáo dục trực tuyến sử dụng các công nghệ này, nhiều khả năng chúng ta sẽ thấy mọi người dễ dàng chấp nhận chúng hơn.

Có một câu phương ngôn cổ của người Đức nói rằng: “Was der Bauer nicht kennt, frisst er nicht.” Đại khái câu này ý nói: “Những gì người nông dân không thừa nhận, anh ta sẽ không ăn.” Bởi vì các ngành nghề kiểu phường hội như chăm sóc sức khỏe và giáo dục được dựa trên một truyền thống đã kéo dài nhiều thế kỷ, nên thực tế mà nói quá trình thâm nhập vào phường hội của họ không nhất thiết mang nhiều dấu ấn của công nghệ, ngay cả trong những lĩnh vực vốn dĩ đã nằm hẳn trong công nghệ và phát triển theo công nghệ.

Tôi kỳ vọng chúng ta sẽ được chứng kiến một số thay đổi phát sinh do sự bứt phá công nghệ đối với các phường hội này trong thập niên tới đây – và cả sau đó nữa. Tình huống độc nhất vô nhị của đại dịch COVID-19 thậm chí có thể đẩy nhanh quá trình này, vì nó đã làm

lộ rõ sự thiếu hụt đội ngũ nhân viên y tế, đồng thời cũng làm sáng tỏ tiềm năng to lớn dành cho giáo dục trực tuyến và phương thức làm việc từ xa.

Có thể cũng có những cơ hội quan trọng tùy theo khu vực. Ở bang Texas, nơi tôi sống, có một sáng kiến được gọi là 60 x 30; mục tiêu là vào năm 2030 sẽ có 60% người dân Texas ở độ tuổi từ 25 đến 34 tuổi sẽ hoàn thành một cấp bậc, hoặc đạt một chứng chỉ nào đó thuộc chương trình giáo dục sau trung học. Đây là một mục tiêu đầy tham vọng, nhưng nó rất quan trọng bởi vì các công việc nào dựa theo phương thức từ xa và ít có khả năng tự động hóa sẽ đóng vai trò chủ chốt cho giai đoạn tăng trưởng kinh tế tiếp theo ở Texas. Và đây chính là nhóm công việc đòi hỏi phải có giáo dục và kỹ năng công nghệ.

Kỹ năng thương mại, giáo dục chính quy, giáo dục không chính quy và học tập suốt đời, tất cả đều có thể bùng nổ nhờ vào giáo dục trực tuyến. Và sự gia tăng trong phương thức giáo dục trực tuyến do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 ở Hoa Kỳ khiến Texas có nhiều khả năng đạt được mục tiêu 60 x 30.

Nói vậy không có nghĩa đại dịch COVID-19 là tích cực. Chắc chắn là không. Nó thật kinh khủng. Đó là một thảm họa.

Tuy nhiên, nếu xem xét các tác động đối với nền

kinh tế và xã hội ở cấp độ dân cư, chúng ta có thể nói (nhằm nỗ lực tìm kiếm những hạt nhân hy vọng trong một tình huống tuyệt vọng) về lâu dài, dân chúng sẽ được giáo dục nhiều hơn – và chúng ta sẽ có một lực lượng lao động được chuẩn bị tốt hơn nhiều trong các thập niên tới.

Từ quan điểm kinh tế, điều này là vô giá. Từ quan điểm ổn định dân cư, điều này là vô giá. Và từ góc độ sức khỏe cộng đồng, nơi chúng ta thấy có sự thiếu hụt lớn về đội ngũ làm việc trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe – và kể từ đây sẽ có một nhu cầu to lớn choán đầy các công việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe – chúng ta cũng kỳ vọng rằng rồi đây giáo dục trực tuyến sẽ giúp tạo thuận lợi cho việc bổ khuyết những vai trò đó trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Nếu đó là kết quả, thì sức khỏe cộng đồng về lâu dài có thể được cải thiện rất nhiều.

Đây là một chủ đề sẽ được thảo luận trong chương viết về “Tương lai của chăm sóc sức khỏe” cũng như chương “Tương lai của việc làm”. Nhưng điều thực sự quan trọng khi chúng ta nghĩ về tương lai của giáo dục là phải tạo kết nối giữa một bên là nhu cầu của nền kinh tế, nhu cầu của lực lượng lao động, nhu cầu của người dân và nhu cầu sức khỏe cộng đồng, và bên kia là khả năng giáo dục để có được lực lượng lao động vượt qua

được lần ranh mà cho đến bây giờ có vẻ như khá nan giải và gần như không thể vượt qua.

Hiện giờ tôi lạc quan hơn rất nhiều, theo tôi chúng ta sẽ từng bước đạt được các mức độ cải thiện sức khỏe cộng đồng bởi vì chúng ta không chỉ tạo ra được một lực lượng lao động có trình độ học vấn cao hơn, mà nhiều khả năng còn được chứng kiến sự gia tăng trong xu hướng ghi danh vào khoa học chăm sóc sức khỏe và khoa học đời sống, và xu hướng này có lẽ cũng đem lại lợi ích ròng giá trị dương trong dài hạn cho sức khỏe cộng đồng và nền kinh tế.

Một lần nữa, nói vậy không có nghĩa đại dịch COVID-19 là tích cực theo bất kỳ cách nào. Nhưng nếu xem xét những hệ quả lâu dài của nó, chúng ta có lý do để hy vọng rằng trải qua thời buổi thảm họa đại dịch và khủng hoảng kinh tế này, chúng ta có thể đúc rút chút gì đó giá trị và tích cực trong dài hạn.

TÁC ĐỘNG ĐẾN PHƯƠNG THỨC HỌC TẠI NHÀ [HOME SCHOOLING]

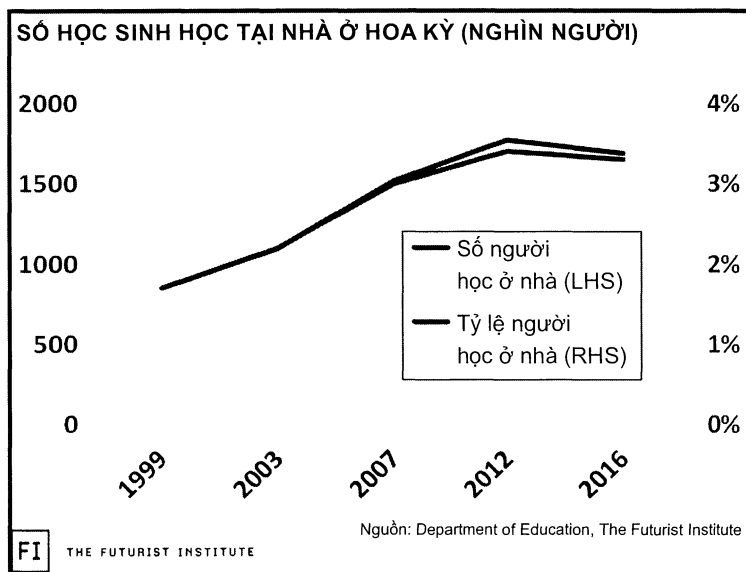
Một động lực còn chưa được xác định: trải nghiệm của việc học tập trực tiếp tại nhà sẽ ra sao khi bắt buộc dĩ phải chọn phương thức giáo dục tại gia.

Trong Hình 4-2, bạn có thể thấy xu hướng học tại

nhà kể từ năm 1999. Cả mức độ tuyệt đối và tỷ lệ phần trăm học sinh Hoa Kỳ từ 5 đến 17 tuổi học tại nhà đường như đã đạt đỉnh vào năm 2012 trước khi chững lại vào năm 2016.^[3]

Nhiều khả năng là nhiệm vụ phổ cập phương thức học tại nhà do ảnh hưởng COVID có thể dẫn đến sự gia tăng xu hướng học tại nhà ở Hoa Kỳ. Rốt cuộc, trải nghiệm mới này khi trở nên phổ biến có thể mang lại kết quả tốt hơn cho một số người học.

HÌNH 4-2: CPI giáo dục^[4]



Mặc dù không có gì đảm bảo là số lượng học sinh học tại nhà sẽ tăng lên sau COVID-19, có vẻ điều này vẫn có khả năng cao. Rốt cuộc, một số học sinh và phụ huynh có thể nhận thấy trải nghiệm mới này là phù hợp hơn.

Thêm vào đó, loại sự kiện này nêu bật rủi ro cho các gia đình dựa vào một hệ thống mà họ không kiểm soát được vấn đề chất lượng cung ứng, bảo hiểm, và về cơ bản là việc đảm bảo kết quả giáo dục. Một số người hoạch định cuộc sống của họ xoay quanh trường học^(a) như một thiết chế vững vàng và đáng tin cậy có lẽ chính là những người bày tỏ thiên hướng thích quyền kiểm soát nhiều hơn khi phải ứng phó với các rủi ro như vậy trong tương lai.

Trong khi đó, những học sinh đã học tại nhà có lẽ sẽ không quay lưng lại với phương thức học tại nhà [như một giải pháp cấp thời] do COVID-19. Về bản chất, việc học hành của họ có lẽ không bị gián đoạn nhiều lắm so với học sinh ở các trường công lập, tư thục, nghĩa thực, trường thuộc tôn giáo và các trường truyền thống khác. Ý tôi là, có gì họ muốn ngừng làm cái việc duy nhất có hiệu quả?

a. Có thể tác giả hàm ý các gia đình có xu hướng mua nhà ở gần trường học của con. [BT]

Điều đó có vẻ giống như một kết quả ít có khả năng, nếu đem so với dự tính rằng những người hiện đang hoạt động trong một hệ thống trường lớp đã đổ vỡ [do Covid] có lẽ chuyển hẳn sang phương thức học tại nhà – nghĩa là không bao giờ quay trở lại các giảng đường nữa.

Tóm lại, nhiều thay đổi đang diễn ra.

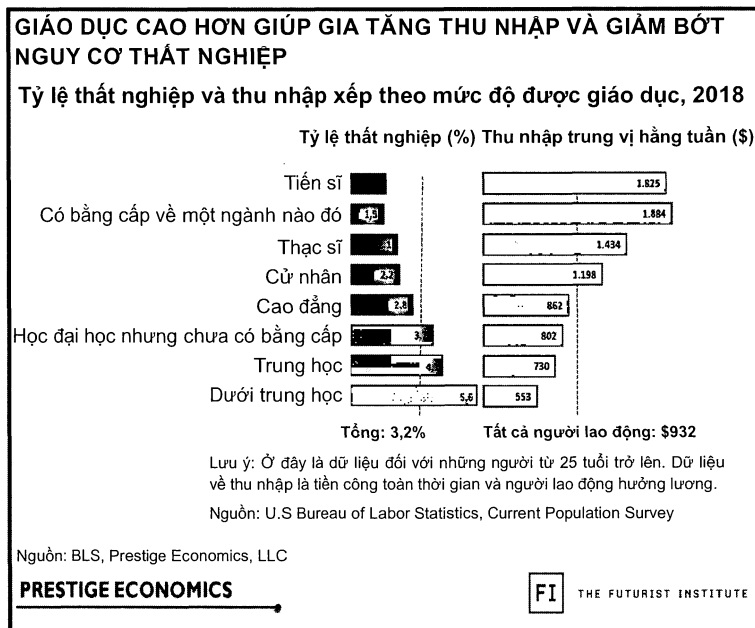
Và chúng ta có thể được thấy phương thức học tập từ xa cũng như giáo dục trực tiếp tại nhà ở tất cả các cấp học, từ học sinh tiểu học học tại nhà cho đến sinh viên đại học và các nghiên cứu sinh tiến sĩ.

Trong dài hạn, việc tăng khả năng tiếp cận với tất cả các cấp giáo dục có thể dẫn đến kết quả kinh tế được cải thiện ở cấp độ quần thể dân cư.

Về mặt lịch sử mà nói, giáo dục là kẻ phân công việc làm vĩ đại. Trong Hình 4-3, bạn có thể thấy số liệu thống kê về thất nghiệp và thu nhập kể từ năm 2018 của Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ. Giáo dục có mối tương quan tích cực với thu nhập, và giáo dục cũng tương quan nghịch với thất nghiệp. Nói cách khác, nói chung, bạn càng được giáo dục nhiều thì bạn càng kiếm được nhiều tiền và nguy cơ thất nghiệp càng thấp.

Và một quần thể dân cư có trình độ học vấn cao hơn sẽ giàu có hơn và có nhiều cơ hội việc làm hơn.

HÌNH 4-3: Giáo dục, thu nhập và thất nghiệp^[5]



chương 5

TƯƠNG LAI CỦA NĂNG LƯỢNG

Khi người ta tranh luận về tương lai của năng lượng, thì xe chạy điện là một chủ đề nóng – vì nó làm giảm nhu cầu dầu thô. Nhưng nó bỏ qua một nhân tố quan trọng hơn nhiều: Cửa cái toàn cầu đang tăng lên, và các phương tiện chạy bằng xăng dầu rồi đây sẽ trở nên quan trọng hơn cùng với sự mở rộng của tầng lớp trung lưu trong các thị trường mới nổi.

Điều này có nghĩa là nhu cầu chính yếu về dầu mỏ cũng sẽ chuyển dịch địa điểm từ OECD [các nước trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế] sang Viễn Đông và các thị trường mới nổi khác.

Cũng giống như cách mà công nghệ sản xuất dầu đá phiến của Mỹ cho thấy sự chuyển dịch động xét về tính chất nguồn gốc địa lý của những thùng dầu thô cận biên bổ sung, sự gia tăng của tầng lớp trung lưu ở các thị trường mới nổi cũng thể hiện nguy cơ tương tự đối với tương lai của nhu cầu dầu bổ sung cận biên. Vì vậy, trong khi những năm 2020 có thể là một thập niên

mà ngành sản xuất và lọc dầu thô của Hoa Kỳ đóng vai trò ngày càng tăng trong chuỗi cung ứng dầu thô toàn cầu, thì đó cũng có thể là một thập niên mà nhu cầu của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước châu Á khác sẽ tăng mạnh.

TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 VÀ LÀM VIỆC TỪ XA

Đại dịch COVID-19 thay đổi một số thứ trong triển vọng tương lai – đặc biệt là rủi ro nhiều hơn về sự suy thoái cấp thời cũng như tiềm năng giảm bớt phần nào áp lực tăng giá dầu trong trung hạn. Nhưng động lực lớn nhất trong nhiều thập niên tới đây sẽ là sự gia tăng đáng kể về dân số và của cải toàn cầu. Những thực tế đó sẽ không thay đổi.

Kể từ đầu năm 2020, giá dầu thô WTI đã có ba đợt giảm giá sâu đến \$10. Đợt giảm giá đầu tiên trùng thời điểm với sự suy giảm của dịch COVID-19 tại Trung Quốc và của ngành chế tạo toàn cầu. Đợt giảm giá thứ hai trùng với sự đổ vỡ các cuộc đàm phán của OPEC+ trong nỗ lực siết nguồn cung, cùng với đó là động thái tăng sản lượng của Saudi. Và đợt giảm giá thứ ba trùng thời điểm với sự suy giảm trong tâm lý chung của thị trường về tác động kinh tế tiêu cực của COVID-19 trên toàn cầu.

Trong ngắn hạn, những quy định “giãn cách xã hội” trong đại dịch COVID-19 trên thực tế buộc phải đi kèm với việc phá hỏng nhu cầu vốn được dành cho nhiên liệu vận tải các loại – nhất là xăng và nhiên liệu máy bay.

Thêm nữa, sản lượng dầu của Mỹ vốn dĩ đang ở mức cao. Và trong thời gian ngừng hoạt động, việc phá hỏng phía bên cầu [demand] có thể đẩy lượng tồn kho lên mức kỷ lục tại Hoa Kỳ, gây ra tình trạng dư thừa cả nguồn cung cấp quốc gia và cấp khu vực về dầu thô và các chế phẩm dầu mỏ không thể di chuyển. Điều này có nghĩa là ngay cả trong quá trình phục hồi sau đại dịch, nhu cầu nhiên liệu xăng dầu vẫn có thể yếu, khiến giá dầu phải chịu sức ép. Điều này có thể được xác thực là đặc biệt đúng, khi mà có thêm nhiều người tiếp tục làm việc từ xa trong bối cảnh mối quan hệ OPEC+ giữa Nga và Ả Rập Saudi chưa lấy gì làm chắc chắn.

Tuy nhiên, từ góc độ tương lai, làm việc từ xa có thể sẽ gây tác động cực kỳ quan trọng đối với giá năng lượng trong trung hạn. Rốt cuộc, nếu nhiều người tiếp tục làm việc từ xa, điều đó có thể giảm bớt một số áp lực lạm phát [upward pressures] lên nhu cầu và mức giá dầu mỏ toàn cầu vốn đang tăng lên. Đó là điều mà tôi đã kỳ vọng trong thời gian qua. Thực tế là khoảng một

thập niên trước, tôi đã trả lời phỏng vấn trên truyền hình cho CNBC, đây là một phần của loạt phỏng vấn do Carl Quintanilla thực hiện, có nhan đề *Beyond the Barrel*. Mặc dù tôi thấy đó là trải nghiệm cá nhân đáng nhớ, vì hôm đó tôi đã mặc một bộ đồ bằng vải lanh trắng trên bãi biển ở Cancun, tham dự một cuộc họp của Diễn đàn Năng lượng Quốc tế, nhưng đó thực sự không phải là phần quan trọng nhất của buổi phỏng vấn.

Cuộc phỏng vấn của tôi tập trung vào khả năng lớn nhất của rủi ro sụt giảm giá dầu trong dài hạn. Và mặc dù mọi người thường xem xét thảo luận về phương tiện vận tải chạy điện như là căn nguyên chính làm suy giảm nhu cầu dầu, nhưng điểm chủ yếu trong cuộc phỏng vấn của tôi tập trung vào một vấn đề quan trọng: đó là telecommuting, mà ngày nay chúng ta gọi đơn giản là làm việc từ xa, cho thấy nguy cơ làm giảm sự tăng trưởng nhu cầu dầu – và ẩn chứa nguy cơ làm giảm giá dầu.

Từ góc độ năng lượng, nếu không cần phải ra khỏi nhà để đi làm việc, thì bạn không cần phải lái xe và không cần đến hai không gian – nhà ở và văn phòng của bạn – phải được làm mát hoặc sưởi ấm vốn đang chịu trách nhiệm cho kiểm soát khí hậu.

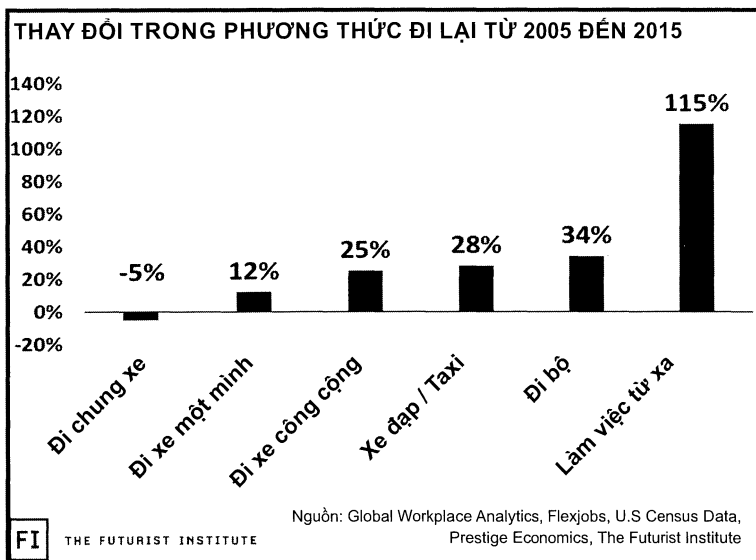
Qua Hình 5-1 có thể thấy làm việc từ xa là phương

thức làm việc đã gia tăng mạnh nhất từ năm 2005 đến 2015. Sự tăng trưởng đã xuất hiện vào giữa những năm 2000, và đó là một chủ đề tôi đã thảo luận trong cuốn *Jobs for Robots*.

Các đề xuất có giá trị cho phương thức làm việc từ xa là rất đơn giản. Ngoài việc tiết kiệm thời gian cho người lao động, nó cũng giúp giảm chi phí cho người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động không cần phải chi tiêu nhiều cho không gian văn phòng làm việc, tiện nghi, tốn giấy tờ hoặc chỗ đậu xe nếu người lao động không bao giờ phải bước chân đến văn phòng. Trong khi thương mại điện tử thể hiện sự bùng nổ nhu cầu năng lượng [cho vận tải] trong thập niên tới, thì xu hướng làm việc từ xa cho thấy cơ hội để hạn chế sự gia tăng nhu cầu nhiên liệu trong tương lai.

Theo thời gian sẽ ngày càng nhiều người có thể làm việc theo phương thức từ xa. Trên thực tế, có thể xuất hiện một đợt bùng phát hậu đại dịch kéo dài trong lĩnh vực làm việc từ xa. Rốt cuộc, việc ứng phó với đại dịch COVID-19 đã nâng cao nhận thức cả về công việc từ xa và giáo dục trực tuyến.

HÌNH 5-1: Sự tăng tiến của phương thức làm việc từ xa^[1]



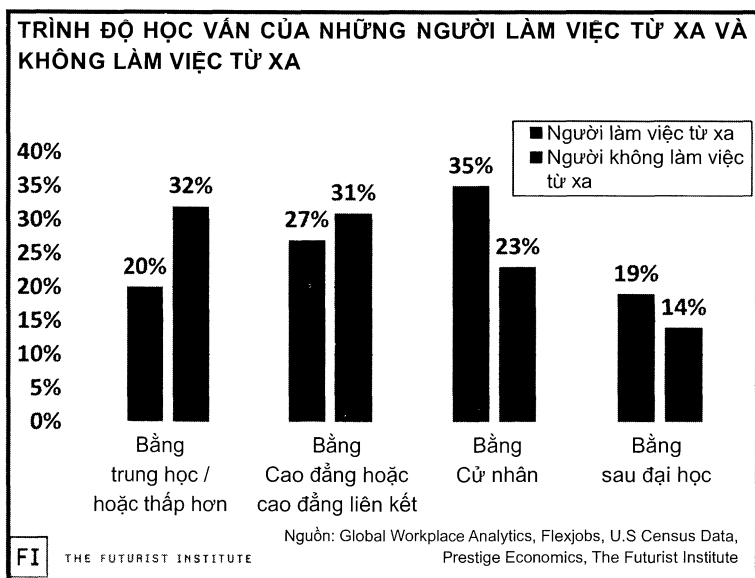
Những dữ liệu gần đây cho thấy những người làm việc từ xa – xét về số lượng thì thường có bằng cử nhân và bằng sau đại học nhiều hơn so với những người không làm việc từ xa. Và khi giáo dục trực tuyến làm tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học, nhiều người sẽ có kỹ năng để trở thành nhân sự làm từ xa.

NHÌN VỀ PHÍA TRƯỚC

Nhìn xa hơn, phương thức làm việc từ xa sẽ tiếp tục

tăng tiến trong thập niên tới. Tôi kỳ vọng điều này thậm chí sẽ có nhiều khả năng diễn ra hơn nữa trong các nền kinh tế phát triển, nơi các mục tiêu biến đổi khí hậu và môi trường có thể dễ dàng đạt được hơn bằng cách đơn giản là giảm số lượng những người lái xe đến chỗ làm hoặc phải đi ra ngoài văn phòng mới làm được việc của mình.

HÌNH 5-2: Trình độ học vấn của những người làm việc từ xa^[2]



Phương thức làm việc từ xa có thể làm giảm nhu cầu nhiên liệu xăng dầu. Và có khả năng nó cũng làm

giảm nhu cầu về khí đốt tự nhiên và than để sản xuất điện. Xét cho cùng, nếu mọi người làm việc tại nhà thay vì làm việc trong văn phòng, điều này sẽ làm giảm nhiệt lượng sưởi ấm, làm mát và năng lượng cần thiết trong các văn phòng dư thừa.

Hơn nữa, trong khi các nguồn năng lượng tái tạo sẽ rất quan trọng trong dài hạn để phát điện, thì khí đốt tự nhiên mang lại những lợi thế khác – như không phải chịu tác động của biến động thời tiết. Vào thời điểm cuốn sách này được in, dự trữ khí đốt tự nhiên đã tăng gần 80% mỗi năm. Và nguồn dự trữ nhiều khả năng vẫn còn ở mức tương đối cao – ngay cả trong thời kỳ hậu đại dịch.

Làm việc từ xa dường như không phải là một động lực mà theo thời gian có thể hoàn toàn chặn đứng được sự gia tăng nhu cầu năng lượng và nhiên liệu trong tương lai, bởi sự gia tăng đáng kể của dân số toàn cầu cũng như có thể có sự gia tăng ô ạt của cái toàn cầu ở các thị trường mới nổi. Nhưng có lẽ nó giúp giảm thiểu phần nào nhu cầu này trong tương lai.

Như một hệ quả của COVID-19, đã có sự triển khai rộng rãi các chiến lược doanh nghiệp để chuyển đổi thật nhiều nhân sự thành nhân viên làm việc từ xa. Nhiều người trong số họ có thể vốn đang là nhân viên làm việc từ xa. Và vì vậy, bạn có thể thấy tương lai của

việc làm, tương lai của giáo dục và tương lai của năng lượng phối hợp với nhau như thế nào – và có thể gây tác động lâu dài đến nhiên liệu dầu mỏ và nhu cầu năng lượng.

chương 6

TƯƠNG LAI CỦA TÀI CHÍNH

Lĩnh vực tài chính đã bị đảo lộn do đại dịch COVID-19.

Mặc dù những người tiêu dùng cá nhân đã giảm vay mượn khá khả vào thời điểm cuộc khủng hoảng này bắt đầu, nhưng điểm hạn mức tín dụng 750 hoặc 800 FICO chẳng mang nhiều ý nghĩa nếu không có thu nhập trong nhiều tuần hoặc nhiều tháng.

Thêm vào đó, những năm gần đây các tập đoàn đã tăng đáng kể đòn bẩy tài chính của họ. Đây thực sự là điểm chính cần thảo luận khi tôi chứng kiến Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang [FED] Jay Powell phát biểu tại một bữa ăn tối ở Hội nghị Thị trường Tài chính của FED Atlanta vào tháng Năm năm 2019 – gần một năm trước đây.

Powell cảnh báo nợ kinh doanh đang ở mức cao, hoạt động cho vay có đòn bẩy đã ở mức cao và CLO [Commercial Loan Origination – Khởi tạo khoản vay thương mại] là một rủi ro.

Trong mấy năm qua việc thúc đẩy gia tăng đòn bẩy kinh doanh đã là thách thức hàng đầu trong lĩnh vực tài

chính: săn tìm lợi tức – săn lợi nhuận đầu tư. Lợi tức trái phiếu vốn đã thấp, lợi tức trái phiếu kho bạc thấp, giá bất động sản tăng cao, và hệ số vốn chủ sở hữu cao.

Vậy mọi người và các công ty nên đầu tư vào đâu để tạo ra lợi nhuận?

Đây là một câu hỏi làm khá nhiều người day dứt – nhất là khi bạn đang tìm kiếm các khoản đầu tư có thu nhập cố định ổn định với lợi nhuận tương đối an toàn. Và đây không chỉ là một hiện tượng ở Hoa Kỳ.

Lợi tức đã sút giảm gần như ở khắp mọi nơi. Ở châu Âu, lãi suất tiền gửi của ECB vẫn âm vào thời điểm cuốn sách này được in – và có khả năng nó vẫn sẽ âm trong tương lai gần.

Những thách thức loại này có thể vẫn còn tồn tại nếu tương lai của tài chính là tương lai của môi trường lãi suất thấp kéo dài dai dẳng. Và trong tương lai, nếu các ngân hàng trung ương sẽ tung ra những bảng báo cáo cân đối kế toán mỗi khi có suy thoái, thì lãi suất thấp có thể vẫn là hiện tượng phổ biến, bất kể những hoạt động mà có lẽ xưa nay chúng ta coi là lạm phát trong những hoàn cảnh bình thường.

Những động lực này nhiều khả năng cũng sẽ tiếp diễn trong tương lai của tài chính. Nhưng đó không phải là rủi ro lớn nhất trong việc săn lùng lợi nhuận từ đầu tư vốn chủ sở hữu, vốn là hoạt động góp phần gây nên một

trong những tổn thất lớn nhất về giá trị trong lịch sử thị trường vốn.

NHỮNG ĐỘNG LỰC IPO KHÔNG HỢP LÝ

Thị trường vốn bị ảnh hưởng lớn như vậy bởi mối quan ngại về đại dịch COVID-19, một phần là vì những động lực định giá đã phá vỡ các nguyên tắc cơ bản của thị trường vốn dài hạn. Tôi đã nêu bật những rủi ro này trong cuốn *The Future of Finance is Now* [Tương lai của tài chính là lúc này] (2019) và tôi sẽ chia sẻ với các bạn ở đây.

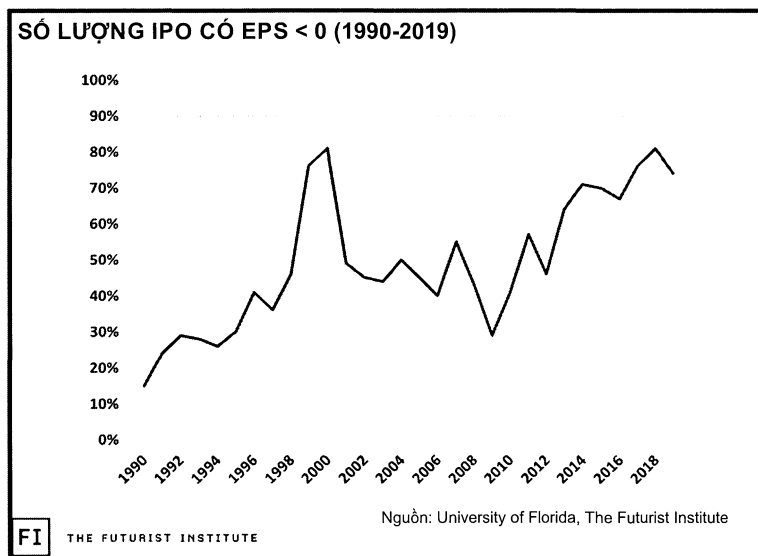
Tỷ lệ những IPO có thu nhập âm chiếm 81% vào năm 2018 – một con số sánh ngang với tỷ lệ cao nhất mọi thời của những IPO thu nhập âm hồi năm 1999, ngay trước thời điểm bong bóng công nghệ vỡ tung.^[1] Năm 2019, tỷ lệ đó giảm nhẹ xuống mức 74% các IPO có thu nhập âm. Nhưng đó vẫn là một tỷ lệ rất cao.

Trong lịch sử, đã từng có một xu hướng gia tăng của các IPO có thu nhập âm, như bạn có thể thấy trong Hình 6-1. Nhưng xu hướng tăng của IPO thu nhập âm trong chu kỳ kinh doanh gần đây nhất là khắc nghiệt hơn so với các chu kỳ trước.

Vấn đề là, hiện tượng này có lẽ vẫn còn xuất hiện thường xuyên trong tương lai, vì hiện nay không có nhiều công ty đại chúng để đầu tư vào, còn các quỹ ETF

(Exchange Traded Fund – Quỹ Hoán đổi Danh mục Đầu tư) lại cần phải đa dạng hóa cổ phần nắm giữ.

HÌNH 6-1: Số lượng các IPO có thu nhập âm^[2]



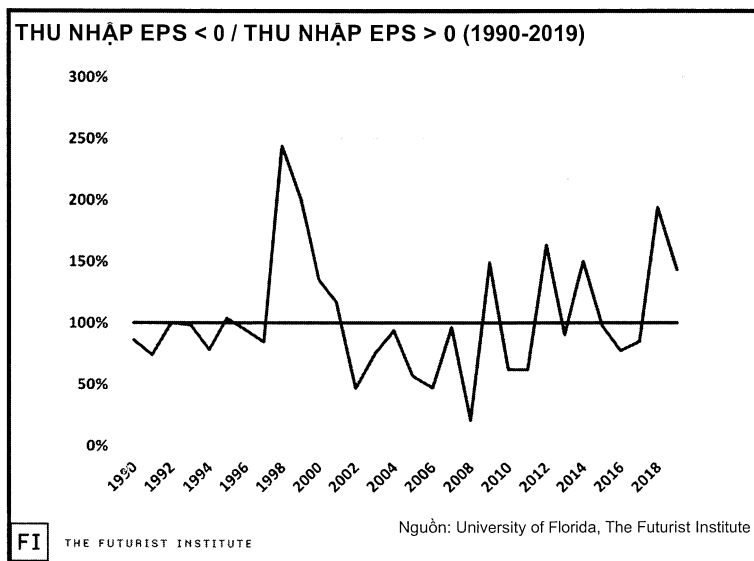
Nhưng với việc không có nhiều công ty để đầu tư vào, điều đó trở thành một thách thức đối với các phương tiện vốn [equity vehicles] đa dạng hóa – và có lẽ nó tạo thêm nhu cầu phụ cho bất kỳ loại tài sản có sẵn nào, kể cả khi chúng có thu nhập âm.

Điều này có lẽ cũng phần nào giải thích lý do tại sao các công ty có thu nhập âm lại thực sự cho thấy chúng

có lợi nhuận trong ngày IPO cao hơn so với các công ty có thu nhập dương. Động lực này có thể nhìn thấy trong Hình 6-2. Ý tôi là, hiện tượng đó chẳng phải là bước lùi hay sao?

Thêm nữa, biên lợi nhuận không phải là nhỏ. Năm 2018, tỷ suất lợi nhuận trung bình trong ngày IPO của các công ty có thu nhập âm là gấp đôi so với các công ty có thu nhập dương. Điều này cũng đúng với lợi nhuận trung bình trong ngày IPO trong giai đoạn từ 1980 đến 2018.^[3]

HÌNH 6-2: Tỷ suất thu nhập của các IPO: Thu nhập âm / thu nhập dương^[4]



Trong năm 2019, động lực này có cải thiện đôi chút, nhưng các công ty IPO có thu nhập âm vẫn vượt trội so với các công ty có thu nhập dương trong ngày IPO đến gần 44%.

Một số nhà phân tích và nhà đầu tư đã xác định động lực này tiêu biểu cho hoạt động đầu tư vào “một câu chuyện thu nhập dương”. Nói cách khác, người ta đầu tư vì giá luôn tăng. Động lực này bắt đầu với việc tài trợ tư nhân, nơi các vòng tài trợ khác nhau đẩy sự định giá của các công ty mới định hình, chưa có doanh thu lên mức giá trị cao hơn bao giờ hết. Từ vòng hạt giống đến vòng gọi vốn Series A và sau đó nữa, mọi giai đoạn cho đến khi IPO, các công ty có thu nhập âm đều được chứng kiến mức định giá của họ tăng lên.^(a)

Vào năm 2019 chúng tôi đã nhiều lần cảnh báo rằng chúng ta có thể tiếp tục chứng kiến đa số các công ty IPO có thu nhập âm. Tỷ lệ hiện tại đã gần đạt những mức cao lịch sử và, như tôi đã dự đoán trước đây, “có thể sắp sửa có một đợt điều chỉnh trong trường hợp suy thoái xảy ra”.

Điều đó hẳn nhiên là thực trạng hiện nay.

a. Tác giả hàm ý về các vòng kêu gọi vốn cho các công ty start-up. [BT]

NHỮNG BÀI HỌC ĐÃ HỌC ĐƯỢC VÀ NHỮNG BÀI HỌC BỊ LẮNG QUÊN

Trong giới chiến lược gia quân sự có câu châm ngôn rằng: “Bạn chuẩn bị cho cuộc chiến tiếp theo dựa trên cuộc chiến vừa qua.” Và các nhà kinh tế và hoạch định chính sách dường như cũng làm vậy.

Rõ ràng chúng ta đã quên các bài học về IPO trên thị trường vốn cổ phần phù phiếm của những năm 2000, khi chúng ta một lần nữa vấp phải trong mấy năm gần đây. Nhưng ít ra chúng ta phải đặt các rủi ro thế chấp và tín dụng mua nhà trong tầm kiểm soát – hoặc ít ra có vẻ như chúng ta làm điều đó. Bạn biết đấy, hiện thời là vậy.

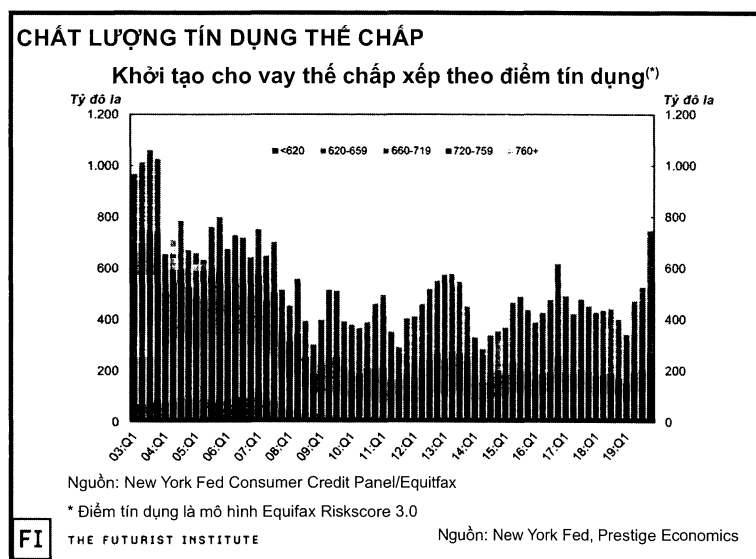
Nhìn chung, tín dụng thế chấp đã trụ vững sau cuộc khủng hoảng nhà ở và cuộc Đại suy thoái trong giai đoạn từ năm 2007 đến 2009. Đây là điều bạn có thể thấy rõ trong Hình 6-3, biểu thị việc phát hành thế chấp mới phân bố theo chất lượng tín dụng.

Dữ liệu từ Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York này cho thấy có sự khác biệt rõ ràng trước và sau cuộc khủng hoảng nhà ở, khi hầu hết các khoản thế chấp đều đến với những người có xếp hạng tín dụng cao nhất.

Nhưng ngay cả khi thị trường nhà đất trông có vẻ được bảo đảm bằng tín dụng vững chắc hơn, vẫn có những rủi ro khiến nó có thể loạng choạng do hệ lụy

của đại dịch COVID-19. Xét cho cùng, điểm tín dụng 750 hay 800 sẽ chẳng có ý nghĩa gì, nếu bạn mất gần như toàn bộ thu nhập của mình trong một hoặc hai tháng – hoặc nhiều hơn thế.

HÌNH 6-3: Chất lượng tín dụng thế chấp^[5]



Mặc dù có đạo luật CARES, cho phép trì hoãn một số khoản thanh toán thế chấp và tạm dừng một số vụ thu hồi nhà, điều này vẫn thể hiện rủi ro về dòng tiền. Và những vụ việc tạm hoãn phá sản hoặc thu hồi nhà như thế này không thể diễn ra mãi.

Đến một lúc nào đó, những giai đoạn chậm chước này sẽ phải kết thúc. Và khi điều đó diễn ra, sẽ hiện rõ những rủi ro cho thị trường nhà đất, bởi lẽ nó có thể kích hoạt một cú sốc lớn về nguồn cung nhà ở trên thị trường. Những ai biết rằng họ có thể không còn đủ khả năng để trả các khoản thế chấp do mất nguồn thu nhập, cũng như những ai có nguy cơ mất việc làm vĩnh viễn, có lẽ sẽ cố bán nhà ngay lập tức.

Điều này có thể dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ nguồn cung nhà để chờ dịp bán, và do đó có thể gây hại cho giá trị nhà ở trong phân khúc thấp hơn của thị trường nhà ở đã có chủ.

Thêm nữa, động lực này có thể đặc biệt gay gắt ở những vùng mà du lịch là ngành kinh doanh chính và các dư chấn kinh tế của đại dịch COVID-19 có khả năng lan rộng nhất. Tình huống này có thể xảy ra với các thành phố như Las Vegas, Orlando và New Orleans. Nhưng nó cũng có thể bao gồm các thành phố tổ chức hội nghị và du lịch với quy mô nhỏ hơn như Asheville và Austin.

Tình trạng dư nguồn cung nhà ở tầm mức quốc gia và khu vực có thể xảy ra đồng thời với việc nhu cầu cũng sụt giảm.

Về phía nhà đầu tư, việc chuyển dời rủi ro tín dụng có thể được phản ánh trong sự sụt giảm nhu cầu thuê bất

động sản. Rốt cuộc, nếu người thuê nhà không đủ tiền thuê nhà do mất việc làm, thì giờ đây điều đó trở thành rủi ro cho nhà đầu tư.

Mặc dù đại đa số các vụ mất việc do hậu quả của đại dịch COVID-19 có thể là ngắn hạn, nhưng cũng có khả năng một số người sẽ mất việc trong thời gian dài, mất hầu hết hay thậm chí là toàn bộ thu nhập của họ. Đây chính là thời điểm rủi ro sẽ chuyển từ người thuê nhà sang chủ đầu tư. Và nếu một số người thuê nhà chỉ việc rút lại thỏa thuận thuê nhà của họ, thì việc này có thể khiến các nhà đầu tư bất động sản sợ hãi, do đó càng làm giảm nhu cầu nhà ở, tạo tâm lý dẫn đo về giá nhà.

Và khi đó sẽ có nguy cơ là không có nhiều khoản vay thế chấp được phát hành dành cho những người mua nhà đang nuôi hy vọng. Trên thực tế, việc phát hành các khoản vay thế chấp mới có thể bị đóng băng trong một thời gian để giúp các chủ ngân hàng cho vay thế chấp và các cơ quan tín dụng có thời gian xác định chính xác hơn khả năng trả nợ của người dân khi vay tiền mua nhà.

Tác động này sẽ làm giảm số người mua đủ điều kiện và càng làm giảm nhu cầu nhà, tăng thêm tâm lý cân nhắc về giá cả.

Các nhà hoạch định chính sách sẽ nói về những cách để khắc phục điều này, nhưng việc đánh giá tín dụng là một nhiệm vụ quản lý rủi ro quan trọng của người cho

vay. Và chỉ có một thứ có thể thực sự chấn chỉnh dòng tiền bị gián đoạn cũng như sự thiếu chắc chắn về ổn định công việc hoặc thu nhập trong tương lai: thời gian.

Tóm lại, mặc dù thị trường tín dụng nhà ở dường như đã được vững vàng hơn nhiều so với thời điểm trước cuộc Đại suy thoái, vẫn có những rủi ro đáng kể về nhà ở. Và có lẽ kết quả cuối cùng của đại dịch COVID-19 là tình trạng dư thừa nhà ở sẽ tấn công thị trường khi mức thất nghiệp leo thang, và các ngân hàng không thể có cái nhìn rõ ràng về tín dụng của người mua nhà vì thu nhập bị gián đoạn do ảnh hưởng COVID-19.

Rủi ro này, về sự tăng cung và giảm cầu nhà ở đã có chủ, có thể đi đôi với sự sụt giảm nhu cầu của nhà đầu tư đối với các tài sản cho thuê, cho đến thời điểm giá nhà giảm đến mức đủ đem lại một tỷ suất hoàn vốn xứng đáng để bù đắp cho rủi ro gia tăng khi người thuê nhà vỡ nợ cũng như rủi ro bị thu hồi nhà.

Tuy nhiên, dường như thời điểm hiện nay sẽ không xuất hiện những rủi ro tầm cỡ như của cuộc khủng hoảng nhà ở trong cuộc Đại suy thoái giai đoạn 2007-2009.

Đồng ý là có thể có sự gia tăng nguồn cung, đồng thời cũng đi kèm với sự sụt giảm về nhu cầu. Và đúng là có thể xuất hiện tâm lý cân nhắc về giá nhà đất – đặc biệt là ở các khu vực du lịch phát triển. Nhưng dường như tác động kinh tế của COVID-19 liên quan đến nhà ở

của COVID-19 sẽ không có khả năng tăng lên đến cùng tầm mức với thảm họa phá sản và rủi ro tín dụng như đã diễn ra trong cuộc suy thoái kinh tế gần đây nhất.

TẠO TÍN DỤNG

Trong mỗi chu kỳ kinh doanh đều có một động lực thúc đẩy việc mở rộng tín dụng, và việc tạo ra tín dụng đó lại tiếp sức cho tăng trưởng kinh tế.

Trong hầu hết lịch sử của Hoa Kỳ, mỗi chu kỳ kinh doanh đều được tiếp sức nhờ việc mở rộng tín dụng nhà ở. Nhưng điều đó là không khả thi sau cuộc khủng hoảng nhà ở. Hoạt động cho vay đã bị thắt chặt. Tín dụng nhà ở đã bị thắt chặt.

Kết quả?

Tín dụng mở rộng ở những nơi khác. Xét cho cùng, các nền kinh tế luôn tìm cách mở rộng tín dụng. Đây là những lĩnh vực thể hiện nhiều rủi ro.

Một mặt, đã có sự mở rộng tín dụng trong các khoản vay cho mua xe hơi. Mặt khác, đã có sự mở rộng trong tín dụng kinh doanh. Ta sẽ thảo luận về từng thứ một.

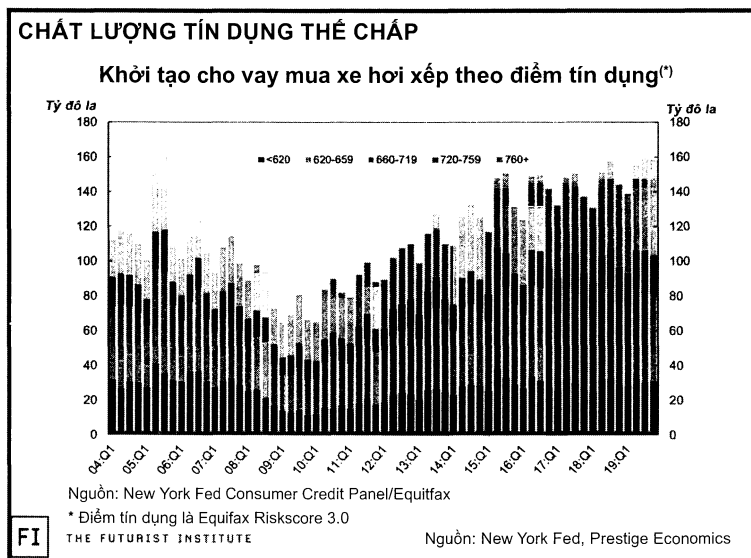
RỦI RO CHO VAY MUA XE HƠI DƯỚI CHUẨN

Rủi ro tín dụng nhà ở được tạo ra trong thập niên vừa

qua không là gì so với rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản vay cho mua xe hơi. Xem Hình 6-4 có thể nhận thấy số lượng các khoản vay cho mua xe hơi trong những năm gần đây là rất cao – cùng với sự gia tăng ồ ạt trong tín dụng mua xe hơi dưới chuẩn.

Thật may là việc lấy lại một chiếc xe hơi dễ dàng hơn nhiều so với việc lấy lại một ngôi nhà. Nhưng điều này có thể vẫn thể hiện những rủi ro tín dụng đáng kể cho các ngân hàng, các tổ chức cho vay và các công ty chuyên về tín dụng xe hơi.

HÌNH 6-4: Chất lượng tín dụng cho vay mua xe hơi^[6]



Thêm vào đó, sự sụp đổ trong tín dụng mua xe hơi cùng với việc một lượng lớn xe thu hồi được đưa vào thị trường xe hơi đã qua sử dụng có thể ảnh hưởng đến doanh số bán xe hơi mới. Điều này có nhiều khả năng xảy ra, nếu tỷ lệ thất nghiệp vẫn tiếp tục tăng cao. Trên thực tế, trường hợp của chúng ta về cơ bản là tỷ lệ thất nghiệp có thể không giảm xuống mức 3,5% như đã được thấy vào tháng Hai năm 2020 – trước thời điểm xảy ra đại dịch COVID-19 – ít nhất là trong hai năm nữa.

Điều này có nghĩa là doanh số bán xe hơi có thể giảm mạnh và tín dụng mua xe hơi có thể bị thắt chặt trong nhiều năm tới. Tín dụng xe hơi thắt chặt hơn, cùng với đó là các tiêu chuẩn cho vay thế chấp thắt chặt hơn và sự trì hoãn trong việc phát hành vay thế chấp mới, tất cả có thể sẽ góp phần làm chậm quá trình phục hồi. Thêm nữa, một thị trường tràn ngập xe hơi bị tịch thu có thể ảnh hưởng đến doanh số bán xe mới. Và sự sụt giảm doanh số bán ô tô mới có thể gây áp lực lên những tính toán về tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Xét cho cùng, chỉ có các loại *xe mới* là được tính vào GDP, vì GDP được định nghĩa là *hoạt động kinh tế mới* trong một nền kinh tế ở bất kỳ năm nào.

CLO VÀ RỦI RO NỢ DOANH NGHIỆP

Một lĩnh vực quan trọng nữa của việc mở rộng tín dụng trong thập niên qua là nợ doanh nghiệp. Tín dụng nhà ở rất chặt, nhưng tín dụng doanh nghiệp thì trở nên giống như tín dụng xe hơi trong những năm gần đây: lỏng lẻo.

Mức nợ doanh nghiệp, lượng đòn bẩy doanh nghiệp và sự gia tăng ồ ạt của nghĩa vụ nợ cho vay thế chấp (CLO – collateralized loan obligations) đã gây ra những rủi ro đáng kể ở phía doanh nghiệp trong phương trình kinh tế. Rủi ro từ sự gia tăng những khoản nợ doanh nghiệp đối với các khoản tín dụng từ công chúng, các thị trường tín dụng và toàn bộ lĩnh vực tài chính nói chung chính là động lực chính đằng sau các chính sách ứng phó với đại dịch COVID-19 của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ vào tháng Ba năm 2020.

Fed đã cắt giảm lãi suất trong khoảng từ 0 đến 0,25%, đồng thời mở rộng ồ ạt bảng cân đối kế toán của Cục Dự trữ Liên bang và hỗ trợ các khoản tín dụng cấp đầu tư [investment grade credits] đủ các loại – trái phiếu cộng đồng [munis], chứng khoán bảo đảm bằng tài sản, giấy tờ thương mại, nợ doanh nghiệp. Tất nhiên, tín dụng lãi suất cao chất lượng thấp vẫn được chào mời tại thời điểm cuốn sách này được viết. Nhưng rất có thể

Fed vẫn nhảy vào thị trường nợ tín dụng thấp để cứu vãn tình hình.

Khi nghĩ về các loại hệ lụy kinh tế khác nhau xảy ra trong đại dịch COVID-19, điều quan trọng là phải hiểu rằng nợ kinh doanh và đòn bẩy tài chính đã tăng mạnh khi đại dịch COVID-19 bắt đầu. Và mặc dù đang ở mức kỷ lục, loại nợ này thường tăng lên trong chu kỳ kinh doanh.

Hơn nữa, đây là một rủi ro mà mọi người đều biết. Nó đã được Fed theo dõi bấy lâu nay, và đây là lý do tại sao Chủ tịch Fed Powell đã công khai bày tỏ về những rủi ro này trong bữa ăn tối của các phóng viên và nhà phân tích vào tháng Năm năm 2019, như tôi đã lưu ý trong phần mở đầu của chương này.

Nhưng những rủi ro nợ kinh doanh này vốn dĩ không phải là mối quan ngại dành cho các nhà đầu tư đang tìm kiếm mức lời cao nhất chưa từng có ở mọi thời đại và luôn có đỉnh mới trên thị trường vốn cổ phiếu, một thứ đã trở thành cái bệ cứng cho những câu chuyện lợi nhuận dương. Và câu chuyện về thị trường vốn là câu chuyện mà chúng ta chắc chắn đã từng được chứng kiến – gần đây nhất là trong cuộc suy thoái năm 2001.

LẦN THẮT CHẶT TÍN DỤNG LỚN TIẾP THEO

Sau các cuộc khủng hoảng tài chính, khủng hoảng nhà ở và cuộc Đại suy thoái giai đoạn 2007-2009, tín dụng thế chấp đã bị thắt chặt. Thêm nữa, kể từ đó các ngân hàng và các tổ chức tài chính đã phải thực hiện nhiều loại kiểm tra mức độ căng thẳng xoay quanh vấn đề rủi ro nợ và tín dụng.

Giờ đây, sau khủng hoảng đại dịch COVID-19, rất có thể chúng ta lại thấy một loại kiểm tra mức độ căng thẳng mới – kiểm tra khả năng chịu đựng của một công ty trước sức ép phải đóng cửa hoàn toàn.

Dường như có khả năng chúng ta sẽ thấy các yêu cầu cho vay tăng lên đối với các công ty có khả năng vượt qua quãng thời gian ngừng hoạt động hai hoặc bốn tuần như một điều kiện tiên quyết để nhận tiền từ các quỹ. Nói cách khác, để các công ty đủ điều kiện nhận tiền vay trong tương lai, rất có thể họ cần chứng minh rằng họ có sẵn tiền mặt đủ để nhận thêm tiền tài trợ.

Cũng như trường hợp các gói cứu trợ của Đạo luật Cứu trợ, Hỗ trợ giúp và An ninh Kinh tế (Đạo luật CARES), các loại yêu cầu này nhiều khả năng sẽ làm lợi cho các công ty lớn. Trong khi đó, các công ty quy mô rất nhỏ (chỉ có một vài nhân viên chẳng hạn) có lẽ phải vật

lộn mới hội đủ điều kiện nhận mức hỗ trợ thỏa đáng của chính phủ để duy trì hoạt động.

KỶ VỌNG TRONG TƯƠNG LAI

Trước mắt, xét trong ngắn hạn, dường như sẽ có động thái trở lại trong ngắn hạn với các yếu tố cơ bản của thị trường vốn. Nhưng tư tưởng bảo thủ của nhà đầu tư bền vững là quá mạnh nên không thể hy vọng vào điều đó. Ngoài ra, còn có một rủi ro đáng kể là hệ lụy từ đại dịch COVID-19 có thể có tác động tiêu cực lâu dài đến thị trường việc làm cũng như thị trường nhà đất.

Một điều có vẻ không chắc chắn trong tương lai: biết đâu có thể có sự gia tăng lạm phát do Đạo luật CARES và sự gia tăng liên tục của nợ quốc gia Hoa Kỳ. Thông thường, những sự kích thích đáng kể và lâu dài hần sẽ gây ra áp lực lạm phát. Nhưng trong trường hợp có nguy cơ suy giảm tăng trưởng kinh tế, lạm phát có thể được ngăn ngừa bởi các rủi ro giảm phát gắn liền với sự tăng trưởng yếu.

chương 7

TƯƠNG LAI CỦA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Một trong những thách thức lớn nhất sau khủng hoảng tài chính là làm thế nào để kích thích tăng trưởng kinh tế vào thời điểm nền kinh tế gần như đóng cửa hoàn toàn. Mở rộng bảng cân đối kế toán của ngân hàng trung ương là một trong những giải pháp then chốt chưa từng có tiền lệ mà Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ, Ngân hàng Anh, Ngân hàng Trung ương châu Âu, Ngân hàng Nhật Bản và các ngân hàng trung ương khác đã thực hiện để giữ cho nền kinh tế của họ không bị chìm xuống.

Và khi chúng ta nghĩ về tương lai sau COVID-19, điều quan trọng cần biết là xu hướng không ngừng mở rộng bảng cân đối của ngân hàng trung ương đã bắt đầu từ cuộc khủng hoảng vừa qua – và nó luôn có khả năng còn tiếp diễn trong tương lai.

Hiện đang có mối quan ngại rằng các ngân hàng trung ương có thể “phù phép” ra nguồn vốn để nhằm mua nhiều loại tài sản khác nhau từ chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp (MBS: mortgage-backed securities) tới các khoản nợ và cổ phiếu doanh nghiệp. Nhưng nó

lại có hiệu quả cao, và từ lâu tôi đã ghi lại những kỳ vọng của mình rằng điều đó có thể sẽ xảy ra lần nữa. Rốt cuộc, nếu nó có hiệu quả thì tại sao bây giờ phải dừng lại?

CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG

Để đối phó với sự tăng trưởng chậm lại sau cuộc Đại suy thoái, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) đã tham gia mua chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp như một biện pháp để kéo giảm lãi suất thế chấp và kích thích hoạt động nhà ở tại Hoa Kỳ. Fed cũng đã mua trái phiếu Kho bạc, việc này đã đẩy lãi suất giảm xuống – thậm chí sau khi lãi suất quỹ liên bang được Cục Dự trữ Liên bang ấn định ở mức 0%.

Fed đã gia tăng bảng cân đối kế toán trong năm 2008 từ khoảng 900 tỷ đô la vào tháng Một năm 2008 lên mức cao nhất là 4,5 nghìn tỷ đô la vào tháng Một năm 2015. Nhưng lúc đó Fed đã không mua cổ phiếu hoặc trái phiếu doanh nghiệp – mặc dù đó là điều họ hiện đang làm, có hiệu lực từ tháng Ba năm 2020, do hệ quả của đại dịch COVID-19.

Bắt đầu từ tháng Mười năm 2017, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đã bắt đầu giảm bảng cân đối kế toán theo chính sách chính thức nhằm cắt giảm bảng cân đối bằng cách giảm hoạt động tái đầu tư vào chứng khoán đảm

bảo bằng thế chấp và trái phiếu Kho bạc đáo hạn. Tuy nhiên, không giống như nỗ lực giảm bảng cân đối kế toán trong giai đoạn giữa năm 2012 và 2014 của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), Fed đã chủ ý lên kế hoạch giảm bảng cân đối kế toán thật chậm. Một phần là do trải nghiệm thảm hại của ECB mà Fed quyết định phải đặc biệt thận trọng trong việc giảm quy mô bảng cân đối kế toán của chính mình.

Nhưng thậm chí chủ trương từng bước giảm bảng cân đối của Fed cũng đã gây ra suy thoái trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh ở Hoa Kỳ vào năm 2019. Vì vậy, Fed đã đảo ngược chính sách vào tháng Mười năm 2019, tái mở rộng bảng cân đối kế toán, như bạn có thể thấy trong Hình 7-1.

Và khi những rủi ro của COVID-19 bắt đầu tấn công, Fed đã tăng tốc hoạt động mở rộng này.

TƯƠNG LAI CỦA VIỆC NÓI LỎNG ĐỊNH LƯỢNG

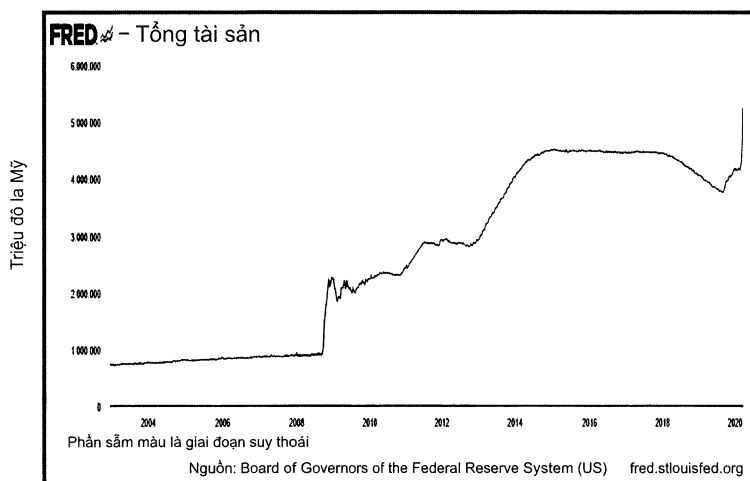
Mở rộng bảng cân đối của Fed đạt hiệu quả cao trong việc kích thích nền kinh tế Hoa Kỳ, và theo tôi điều đó luôn đồng nghĩa là Fed sẽ mở rộng hơn nữa bảng cân đối kế toán của mình trong tương lai.

Tại sự kiện thường niên của Fed diễn ra ở thành phố Kansas ở Jackson Hole, bang Wyoming, năm 2016, Janet

Yellen thậm chí đã lưu ý rằng: “Tôi mong đợi sự hướng dẫn chuyển tiếp [forward guidance] và hoạt động mua tài sản vẫn là các thành phần quan trọng trong bộ công cụ chính sách của Fed”. Bà cũng nói thêm rằng: “Các nhà hoạch định chính sách trong tương lai có lẽ sẽ muốn khảo sát tỉ mỉ khả năng mua tài sản trên một phạm vi rộng lớn hơn”.^[1]

Trong những tuần gần đây, để ứng phó trước những rủi ro của đại dịch COVID-19 đối với toàn bộ nền kinh tế, Fed đã mở rộng hoạt động mua tài sản của mình và về cơ bản đã đề nghị hỗ trợ gần như bất kỳ khoản nợ cấp đầu tư nào.

HÌNH 7-1: Bảng cân đối tổng tài sản của Fed ^[2]



Thêm nữa, hiện tại dường như không có nhiều bất lợi. Trên phạm vi toàn cầu, chừng nào tất cả các ngân hàng trung ương đều đang làm việc này, thì nó có thể không tác động mạnh đến tỷ giá hối đoái. Xét cho cùng, nếu mọi người cùng tham gia trò chơi, thật khó để có một ai đó là người thắng cuộc hoàn toàn – hoặc là kẻ thua cuộc hoàn toàn. Và tất cả đều muốn chơi lại trò chơi nói lỏng định lượng [quantitative easing] nếu họ có thể.

TRẠNG THÁI LƯỢNG TỬ TRONG TƯƠNG LAI CỦA NỀN KINH TẾ HOA KỲ

Khi nhìn về tương lai của tài chính sau COVID, chúng tôi kỳ vọng những hoạt động mở rộng hơn nữa các bảng cân đối kế toán của ngân hàng trung ương. Một trong những điều tôi thường nói là rủi ro đi cùng với mỗi lần suy thoái theo chu kỳ trong tương lai, các ngân hàng trung ương có thể tiếp tục mở rộng bảng cân đối kế toán của họ.

Thật vậy, trước tình hình những rủi ro của COVID-19 tăng cao, đó chính xác là điều Fed đã công bố.

Tôi luôn tin tưởng những bình luận của cựu Chủ tịch Fed Yellen, vì vậy theo tôi nghĩ luôn có khả năng rất cao rằng sớm muộn gì Fed cũng cần phải đa dạng hóa

các loại tài sản mà họ mua, có thể bao gồm mọi thứ từ nợ doanh nghiệp cho đến cổ phiếu, như các ngân hàng trung ương khác đã làm.

Thật vậy, đây là những gì hiện đã xảy ra. Tất nhiên, ứng với mỗi chu kỳ, ngân hàng trung ương sẽ ngày càng trở nên quan trọng với tư cách là người mua phương sách cuối cùng sao cho nền kinh tế Mỹ trở nên lớn đến mức không thể thất bại. Và khi Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ mua thêm nhiều tài sản trong mỗi lần suy thoái với số tiền mà họ rút ra từ đâu đó, bảng cân đối của ngân hàng trung ương cứ thế tăng lên mãi.

Một kịch bản xấu nhất có thể xảy ra: ngân hàng trung ương – sau nhiều thập niên – sớm muộn cũng sẽ sở hữu hầu hết mọi thứ trong nền kinh tế. Và nó sẽ phải trả các khoản nợ, MBS, trái phiếu Kho bạc, cổ phiếu và thậm chí có lẽ là cả những tài sản thực hữu hình trên bảng cân đối kế toán bằng tiền mà nó tạo ra – với khoản tiền mà ngay từ đầu nó đã không có.

Đây là cách hiệu quả để chúng ta có thể có một trạng thái lượng tử của nền kinh tế, nơi ngân hàng trung ương sở hữu mọi thứ mà không mất gì. Sau đó, chúng ta sẽ gặp một vấn đề lớn.

Tôi thường thảo luận và viết về rủi ro này, kể cả trong cuốn sách *The Future of Finance is Now* (2019).

Phương thức mà các ngân hàng trung ương tìm cách

khôi dậy niềm tin rằng họ sẽ không sa vào con đường này sẽ là ưu tiên then chốt trong thập niên tới. Và nếu họ thất bại, kịch bản ngày tận thế này rất có thể sẽ xảy ra.

Đối mặt với COVID-19, sự gia tăng của hoạt động mở rộng bảng cân đối kế toán của Fed và các hành động liên quan là rất quan trọng để hỗ trợ nền kinh tế – và niềm tin vào các công cụ nọ cấp đầu tư. Nhưng có lẽ Fed vẫn mua thêm tài sản nữa, tiếp tục mở rộng bảng cân đối kế toán để đối phó với rủi ro kinh tế của đại dịch COVID-19. Điều này có nghĩa là – ít nhất là trong thời điểm này – tiềm năng có một trạng thái lượng tử trong tương lai của nền kinh tế dường như không thể xảy ra.

chương 8

TƯƠNG LAI CỦA CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Một trong những thách thức lớn nhất cho tương lai của tài chính là nợ quốc gia Hoa Kỳ đang gia tăng. Mọi kinh tế gia, thành viên FOMC và Chủ tịch Fed đều cảnh báo về tác động tiêu cực mà các mức nợ cao có thể gây ra đối với tốc độ tăng trưởng dài hạn. Nhưng chẳng mấy ai để ý đến những cảnh báo này, mặc cho các nhà khoa học u ám cứ việc chơi trò kẻ báo trước tai họa.

Bạn có thể nói rằng tư tưởng bảo thủ trong chính sách tài khóa Hoa Kỳ về cơ bản đã chết cùng với việc cắt giảm thuế năm 2017. Tuy nhiên, đại đa số chính trị gia và nhà kinh tế ủng hộ Đạo luật CARES, một dự luật trị giá 2,3 nghìn tỷ đô la được thiết kế để giúp nền kinh tế Hoa Kỳ vượt qua cơn bão của đại dịch COVID-19.^[1]

Tôi cũng tin là cần phải thông qua một dự luật kích thích tài khóa quan trọng. Rốt cuộc thì nền kinh tế Mỹ năm 2019 đã tăng trưởng 21,4 nghìn tỷ đô la (theo thời giá đô la hiện tại) – hay ở mức khoảng 1,8 nghìn tỷ đô la mỗi tháng.^[2]

Đó là một con số lớn. Và nếu nền kinh tế Mỹ rơi vào tình trạng ngừng hoạt động hoàn toàn trong một tháng do ảnh hưởng COVID-19, vậy thì 1,8 nghìn tỷ đô la đó sẽ bị mất mãi mãi. Thực sự thì khoản tiền đó không thể lấy lại được. Nó đơn giản sẽ bị mất. Và thiệt hại về kinh tế và con người sẽ cao.

Đừng hiểu lầm ý tôi. Tôi tin rằng sự gia tăng không cần thiết trong thâm hụt chi tiêu và nợ quốc gia là một rủi ro lớn trong thời gian bình thường, trong thời kỳ tăng trưởng vững chắc. Và một trong những lý do khiến nó trở thành một hành động rủi ro như vậy là vì, trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, chính sách tài khóa được tập trung vào việc trợ giúp cho cuộc chiến chống lại các rủi ro suy thoái hoặc đình trệ kinh tế.

Nhưng nếu chúng ta sử dụng toàn bộ tài lực của chính sách tài khóa trong những năm thịnh vượng, thì trong những năm đói kém chúng ta phải làm sao đây?

Thật may là các mức lãi suất lại đặc biệt thấp và Fed đang sử dụng bảng cân đối kế toán để giữ cho các mức lãi suất đó thấp theo một cách thiếu tự nhiên. Điều này có nghĩa là việc phát hành thêm nợ hiện giờ không phải là vấn đề lớn như nó đã từng có thể là vấn đề lớn – hoặc sẽ là một vấn đề có thể lớn trong tương lai.

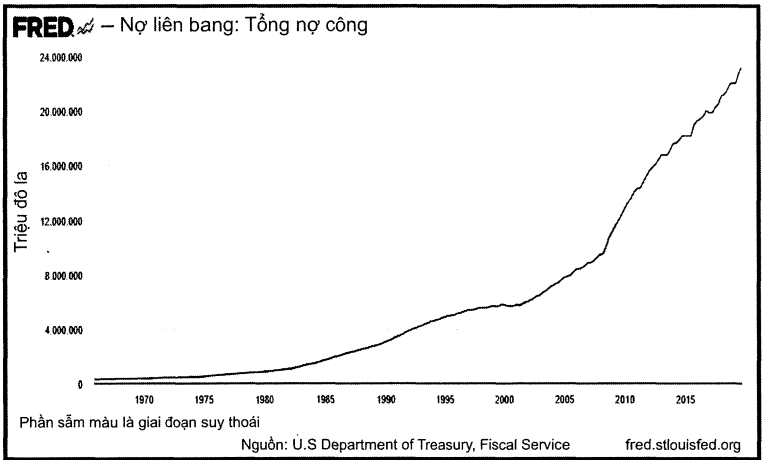
Tuy nhiên, hãy đối mặt với nó: Nợ quốc gia Hoa Kỳ là một vấn nạn đang gia tăng. Với gần 23,2 nghìn tỷ đô la,

nợ quốc gia không phải là một khoản tiền nhỏ.^[3] Và đến cuối năm nay, nợ quốc gia có thể đạt đến 28 nghìn tỷ đô la hoặc hơn nữa.

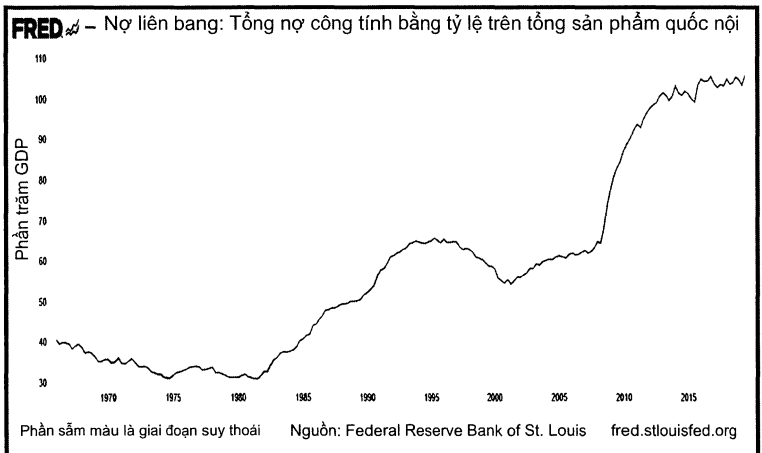
Đó là khoản nợ rất lớn!

Xem Hình 8-1 có thể thấy tốc độ gia tăng của nợ quốc gia Hoa Kỳ đang tăng tốc. Phải mất 205 năm để nợ quốc gia của Hoa Kỳ vượt quá mức 1 nghìn tỷ đô la, xảy ra vào tháng Mười năm 1981. Nhưng sau đó, chỉ mất chưa đầy năm năm để nợ quốc gia tăng gấp đôi lên 2 nghìn tỷ đô la vào tháng Tư năm 1986. Lần tăng gấp đôi gần đây nhất của nợ quốc gia Hoa Kỳ xảy ra trong thập niên sau cuộc Đại suy thoái. Hy vọng rằng sự giảm tốc hiện tại sẽ không làm cho nó tăng gấp đôi một lần nữa.

HÌNH 8-1: Tổng nợ liên bang Hoa Kỳ^[4]



HÌNH 8-2: Tổng nợ liên bang Hoa Kỳ tính theo phần trăm GDP^[5]



Mặc dù không được nhìn nhận là xu hướng trong tổng nợ của chính phủ Hoa Kỳ, nhưng tỷ lệ nợ trên GDP cũng tăng mạnh kể từ cuộc Đại suy thoái bắt đầu vào tháng Mười hai năm 2007 (Hình 8-2).

Một tác động tiêu cực rất lớn của nợ quốc gia cao là nó trì kéo sự tăng trưởng kinh tế tiềm năng của Hoa Kỳ được đo bằng tổng sản phẩm quốc nội – hoặc GDP. Thêm vào đó, tình trạng mắc nợ có thể càng thêm trầm trọng do lãi kép tính trên khoản nợ còn tồn đọng của chính phủ.

Cho đến giờ, các mức lãi suất thấp trên toàn thế giới đã giữ cho bóng ma này không bén mảng lại gần. Nhưng điều này có thể trở thành một rủi ro trong tương lai, nhất là trong trường hợp việc mở rộng bảng cân đối kế toán ngân hàng trung ương không còn phát huy tác dụng trong việc kích thích tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù một số nhà phân tích nhanh nhẩu lưu ý rằng tỷ lệ nợ trên GDP của Hoa Kỳ thấp hơn so với các quốc gia khác, nhưng cũng cần lưu ý thêm là nền kinh tế Hoa Kỳ là nền kinh tế lớn nhất thế giới. Điều này có nghĩa là các mức nợ đang gia tăng của nước này theo thời gian có thể khiến nền kinh tế toàn cầu gặp khó khăn hơn trong việc hấp thụ các khoản phát hành nợ của Mỹ.

RỦI RO NỢ

Như tôi đã lưu ý trong cuốn *The Dumpster Fire Election* [Cuộc bầu cử thảm họa] vào năm ngoái, “rủi ro suy thoái sẽ làm tăng thêm khả năng gia tăng mức nợ và tỷ lệ nợ trên GDP trong giai đoạn kể từ năm 2020 đến năm 2024”.

Và các quyền lợi dân sinh là một nguồn chính yếu của khoản nợ phụ thêm sắp tới đây.

Thật không may, mặc dù nợ quốc gia của Hoa Kỳ là rất lớn, nhưng các nghĩa vụ tài chính không được cấp ngân quỹ [unfunded financial obligations] phát sinh từ các quyền lợi dân sinh của Hoa Kỳ thì còn lớn hơn nhiều – và có khả năng khiến cho các vấn đề nợ của Hoa Kỳ trong những năm tới đây sẽ càng thêm chồng chất. Nói một cách đơn giản, các quyền lợi dân sinh là mối đe dọa lớn nhất đối với các mức nợ cũng như tăng trưởng kinh tế của chính phủ Hoa Kỳ trong tương lai.

CÁC QUYỀN LỢI DÂN SINH

Các quyền lợi dân sinh của Hoa Kỳ, bao gồm cả các chương trình chăm sóc sức khỏe Medicare, Medicaid và An sinh xã hội, được tài trợ bằng thuế thu từ tiền lương của người lao động. Thuế từ tiền lương được tách biệt với thuế thu nhập, và trong khi các mức thuế thu nhập

đã giảm mạnh dựa theo những thay đổi trong chính sách tài chính, thì thuế tiền lương lại đang đi theo hành trình tăng cao hơn. Bạn thấy đấy, các quyền lợi dân sinh đang bị thiếu hụt trầm trọng nguồn tài trợ.

Tổng trị giá tất cả các khoản nợ có chủ quyền trên thế giới là vào khoảng 60 nghìn tỷ đô la.^[6] Đó là khoản nợ được tích lũy bởi tất cả các chính phủ quốc gia trên thế giới. Nhưng quy mô của các quyền lợi dân sinh không được cấp vốn của Hoa Kỳ có thể còn cao hơn gấp ba lần con số đó. Điều đó đúng: Các nghĩa vụ không được cấp vốn, nằm ngoài bảng cân đối dành cho chương trình Medicare, Medicaid và An sinh xã hội có thể lên đến 200 nghìn tỷ đô la.^[7]

Mức nghĩa vụ nợ nằm ngoài bảng cân đối kế toán này hiện đang đe dọa nền kinh tế Hoa Kỳ. Quỹ Di sản đã lấy số liệu tính toán từ Văn phòng Ngân sách Quốc hội Hoa Kỳ về các quyền lợi dân sinh để tạo ra Hình 8-3, trông khá là thảm họa. Về cơ bản, đến năm 2030, tất cả các khoản thu thuế của Hoa Kỳ sẽ được chi tiêu cho các quyền lợi dân sinh và trả lãi cho khoản nợ quốc gia. Và đây là số liệu tính toán ảm đạm hồi trước thời điểm mà cải cách thuế năm 2007, và những thâm hụt ngân sách bổ sung và Đạo luật CARES 2020 bắt đầu làm tăng nợ quốc gia thậm chí còn nhanh hơn nữa.

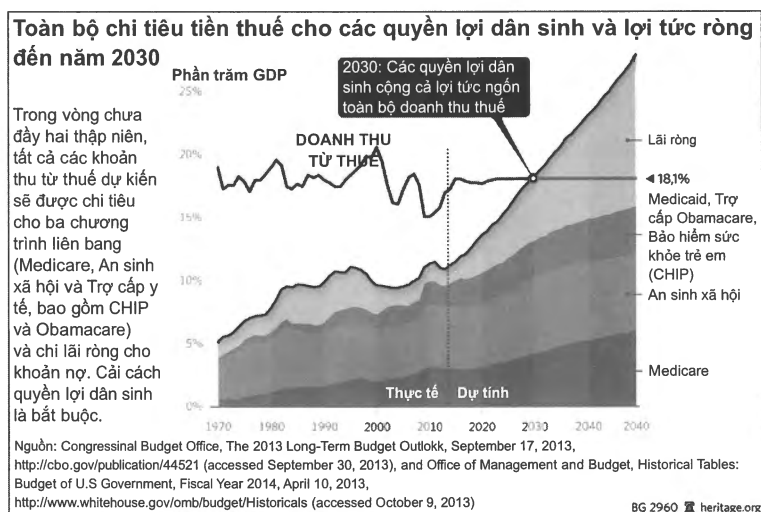
ÔNG TỔ CỦA AN SINH XÃ HỘI HOA KỲ

Vấn đề liên quan đến các quyền lợi dân sinh một phần là phát sinh từ gốc rễ của chúng. Website của Cơ quan An sinh Xã hội Hoa Kỳ ghi nhận Otto von Bismarck là ông tổ của các quyền lợi dân sinh Hoa Kỳ.^[8]

Chân dung của Bismarck thậm chí còn hiện diện trên website của Cơ quan An sinh Xã hội Hoa Kỳ (Hình 8-4).

Bismarck là một chính trị gia mạnh mẽ, vốn nổi tiếng với việc sử dụng *Realpolitik* [Chính trị hiện thực], một học thuyết chính trị được xây dựng dựa trên chủ nghĩa thực dụng nhằm thúc đẩy lợi ích quốc gia. Đối với ông ta, các quyền lợi dân sinh là [chính sách] thuận tiện và thiết thực. Thật không may, điều đó không còn đúng nữa. Ngày nay, các quyền lợi dân sinh có nguy cơ phá tan nền kinh tế Mỹ bằng các mức nợ gia tăng. Và nếu không cải cách, chúng có thể làm hao mòn lực lượng lao động Mỹ.

HÌNH 8-3: Chi tiêu tiền thuế cho các quyền lợi dân sinh^[9]



Hệ thống của Bismarck vốn có khả năng trụ vững được. Hệ thống của ông đảm bảo lương hưu cho người lao động Đức trên 70 tuổi, nhưng tuổi thọ trung bình ở Đức vào cuối những năm 1880 dự tính chỉ là 40.^[10] Nói cách khác, xem ra không có nhiều người sẽ được hưởng lợi ích này, chi phí của chương trình do đó sẽ không đáng kể.

Bismarck đã vẽ ra những quyền lợi dân sinh để làm công cụ đê bẹp các đối thủ chính trị của mình mà chẳng phải tốn tiền. Nhưng hệ thống quyền lợi dân sinh hiện tại ở Hoa Kỳ là một nghĩa vụ nằm ngoài bảng cân đối kế

toán và không được cấp vốn, một khoản nợ có nguy cơ phá tan toàn bộ nền kinh tế.

Thêm vào đó, việc chấn chỉnh các quyền lợi dân sinh thể hiện một thế nan giải đáng sợ khi nhiều người Mỹ phải phụ thuộc quá mức vào các quyền lợi dân sinh để có thu nhập (Hình 8-5).

HÌNH 8-4: Otto von Bismarck, ông tổ của An sinh xã hội^[11]



Nhưng làm sao hệ thống này lại đổ vỡ? Bismarck đã làm nên một chính sách thành công tốt đẹp. Vậy chuyện gì đã xảy ra?

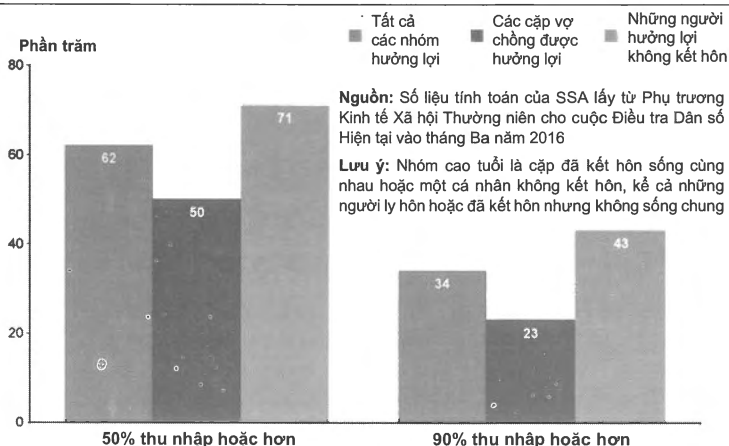
Điều này có thể được trả lời chỉ bằng một lời vắn tắt: nhân khẩu học.

NHÂN KHẨU HỌC

Tăng trưởng dân số Hoa Kỳ đã chậm lại thấy rõ, và sự chuyển dịch nhân khẩu học này dường như không thể ngăn chặn được. Thêm vào đó, khi tỷ lệ sinh giảm mạnh, thì tuổi thọ kỳ vọng lại tăng. Điều này làm cho tình trạng thiếu hụt nguồn tài trợ quyền lợi dân sinh lại càng thêm trầm trọng. Tệ hơn nữa: Không có vị tổng thống, vị thượng nghị sĩ hoặc hạ nghị sĩ nào có thể thay đổi được nhân khẩu học của Hoa Kỳ. Đây là vấn đề lớn hơn một cá nhân.

HÌNH 8-5: Tầm quan trọng dự kiến của An sinh xã hội^[12]

Tỷ lệ các nhóm cao tuổi nhận trợ cấp An sinh xã hội, xếp theo tầm quan trọng tương đối của lợi ích trên tổng thu nhập



Và việc thảo luận về vấn đề này khó có khả năng diễn ra ở những thời điểm gần cuộc bầu cử tổng thống năm 2020 – và các cuộc bầu cử sắp tới cũng vậy.

Mức tăng trưởng dân số hằng năm tại Hoa Kỳ đã giảm mạnh từ mức hơn 1,5% trong những năm 1950 và đầu những năm 1960 xuống chỉ còn 0,7% kể từ năm 2011.^[13]

Động thái chứng lại trong sự tăng trưởng dân số này phần nào là do sự suy giảm tỷ suất sinh ở Hoa Kỳ. Nhìn chung, tỷ suất sinh đã sụt giảm trên toàn cầu, nhưng theo nhà nhân khẩu học Jonathan Last, tỷ suất sinh của Hoa Kỳ vẫn tương đối cao, ở mức 1,93.^[14]

Tuy nhiên, mặc dù tỷ suất sinh của Hoa Kỳ là tương đối cao so với các quốc gia công nghiệp hóa khác, nhưng nó vẫn thấp hơn mức 2,1%, tức “tỷ suất vàng”, là tỷ suất cần thiết để duy trì dân số, theo Last.^[15]

Đây là một vấn đề lớn đối với việc duy trì các quyền lợi dân sinh. Xét cho cùng, hệ thống quyền lợi dân sinh đã hoạt động thực sự tốt vào năm 1940, khi cứ 159,4 người đi làm để phục vụ một người thụ hưởng (Hình 8-6). Nhưng tình hình đang trở nên khó khăn hơn kể từ khi con số đó đã giảm mạnh xuống chỉ còn 2,8 người vào năm 2013.

Thêm nữa, nó có thể còn giảm mạnh nữa, cứ 2 người lao động thì có một người thụ hưởng vào năm 2040.^[16]

Các quyền lợi dân sinh đang bị bao vây từ cả hai phía: Tỷ suất sinh giảm xuống – và tuổi thọ tăng lên.

Ngoài vấn đề tỷ suất sinh trở nên thấp hơn, tuổi thọ ở Hoa Kỳ đã tăng gấp đôi kể từ khi Bismarck thực thi các quyền lợi dân sinh ở Đức vào năm 1889 – từ mức khoảng 40 năm lên đến hơn 80 năm. Thêm vào đó, độ tuổi mà dân chúng nhận được các quyền lợi dân sinh của Hoa Kỳ thực sự đã được giảm từ 70 xuống 65. Với cái chớp đỉnh của một dân số lớn hơn đáng kể đủ điều kiện để nhận các quyền lợi dân sinh, chi phí y tế cần thiết để hỗ trợ dân số già cũng tăng lên theo.

Mọi thứ có lẽ sẽ ổn – nếu tăng trưởng dân số Hoa Kỳ cực kỳ mạnh mẽ. Nhưng sự việc lại không phải như vậy.

HÌNH 8-6: Tỷ lệ lao động so với người thụ hưởng An sinh xã hội^[17]

Năm	Số lao động đi làm (nghìn người)	Số người thụ hưởng (nghìn người)	Tỷ lệ
1940	35.390	222	159,4
1945	46.390	1.106	41,9
1950	48.280	2.930	16,5
1955	65.200	7.563	8,6
1960	72.530	14.262	5,1
1965	80.680	20.157	4,0
1970	93.090	25.186	3,7

Năm	Số lao động đi làm (nghìn người)	Số người thụ hưởng (nghìn người)	Tỷ lệ
1975	100.200	31.123	3,2
1980	113.656	35.118	3,2
1985	120.565	36.650	3,3
1990	133.672	39.470	3,4
1995	141.446	43.107	3,3
2000	155.295	45.166	3,4
2005	159.081	48.133	3,3
2010	156.725	53.398	2,9
2013	163.221	57.471	2,8

Thêm vào đó, chính quyền đương nhiệm đang nỗ lực để giảm thiểu tình trạng nhập cư bất hợp pháp vào Hoa Kỳ. Mặc dù điều này có thể giúp ích đôi chút cho xã hội và nền kinh tế trong một vài phương diện nào đó, nhưng nó cũng có thể làm giảm sự tăng trưởng dân số và hạ thấp tỷ lệ sinh trung bình của Hoa Kỳ.

Tăng trưởng dân số đã chậm lại chưa bằng một nửa tỷ lệ được thấy trong những năm bùng nổ trẻ sơ sinh (baby boom), và tỷ suất sinh tổng thể của Hoa Kỳ thấp hơn “tỷ suất vàng” vốn là cần thiết để duy trì một quần thể dân số. Lưu ý cuối cùng: “Về cơ bản, An sinh xã hội là một mô hình Ponzi [một kiểu trục lợi bằng kinh doanh đa cấp]. Giống như tất cả các mô hình Ponzi, nó hoạt động tốt – chừng nào số lượng người tham gia mới vẫn tiếp tục tăng.”^[18] Thật không may, các quyền lợi dân sinh đang tiến gần đến điểm đổ vỡ.

Một vấn đề lớn trong tình trạng chững lại của tỷ suất sinh là sự biểu hiện của một cơ sở thuế [tax base] thu hẹp diễn ra đồng thời với sự gia tăng của những nghĩa vụ tài chính không được cấp vốn. Điều này có nghĩa là trong tương lai 200 nghìn tỷ đô la hay nhiều hơn không được cấp vốn trong các khoản chi trả cho quyền lợi dân sinh sẽ là gánh nặng của một tỷ lệ lao động ngày càng nhỏ hơn.

Trong dài hạn, những suy giảm về tỷ suất sinh, sự gia tăng tuổi thọ, gia tăng chi phí chăm sóc sức khỏe, sự giảm mạnh tỷ lệ lực lượng lao động, và sự tự động hóa được khuyến khích quá mức, tất cả có thể làm tăng tốc và làm trầm trọng thêm các vấn nạn của các chương trình phúc lợi được xác định ở tầm quốc gia, vốn được xem là quyền lợi dân sinh – những chương trình vận hành tốt nhất xét về phương diện tài chính khi độ tuổi người ta nhận được những lợi ích đó vượt quá tuổi thọ dự kiến khoảng 30 năm.

Nhưng hệ thống quyền lợi dân sinh đã bị phớt lờ trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2016, trong cuộc cải cách thuế năm 2017 và trong giai đoạn giữa năm 2018. Và nó đang bị bỏ qua trong vòng bầu cử năm 2020.

NHỮNG HỆ QUẢ TIỀM TÀNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Cũng như ở các khu vực khác, đại dịch COVID-19 đã phơi bày những điểm yếu mang tính hệ thống đang tồn tại sẵn [ở Hoa Kỳ]. Các rủi ro liên quan đến nợ quốc gia và quyền lợi dân sinh đã phát tác từ trước khi chính phủ liên bang phải kích hoạt một gói cứu trợ chính sách tài khóa trị giá 2,3 nghìn tỷ đô la để giữ cho nền kinh tế trụ vững trong khoảng thời gian mà về cơ bản là bị buộc phải đóng cửa.

Trong tương lai, chính sách tài khóa đại khái sẽ như một chính sách gồm những kích thích tài khóa bổ sung, với các mức nợ ngày càng cao hơn và các quyền lợi dân sinh không được đáp ứng. Ngoài những rủi ro đó, cũng tiềm ẩn nguy cơ khi mà các cá nhân thuộc diện ưu đãi được cấp tiền trong cuộc khủng hoảng này có thể trở thành một phương sách chính trị được ấn định lâu dài.

Và thậm chí nó có thể trở thành một phần trong diễn ngôn rộng hơn về thu nhập cơ bản phổ quát – hay UBI.

Thu nhập cơ bản phổ quát (UBI: Universal Basic Income) là khái niệm nói rằng ai cũng sẽ được trả một mức lương cố định, bất kể họ có làm việc hay không. Và đây vấn đề lớn nhất với thu nhập cơ bản phổ quát:

chúng ta đơn giản là không đủ sức làm điều đó. Các nghĩa vụ chi trả cho quyền lợi dân sinh của Hoa Kỳ, có thể lên tới 200 nghìn tỷ đô la, làm cho việc mở rộng hơn nữa và mở rộng thường xuyên các nghĩa vụ ngân sách của Hoa Kỳ dành cho UBI gần như trở thành bất khả.

Nhưng vì các chính sách đó được ban hành để ứng phó với COVID-19, UBI có thể trở thành một thứ cố định vĩnh viễn. Chuyện đó còn phải chờ xem. Nhưng xem ra khá chắc chắn trước mắt là một tương lai nợ nhiều hơn và các quyền lợi dân sinh không được đáp ứng. Và kể cả không có UBI, những điều nói trên là đủ cơ sở để lo ngại về tốc độ tăng trưởng dài hạn cho nền kinh tế Mỹ.

HY VỌNG CÓ SỰ THẬN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA TƯƠNG LAI

Các nghĩa vụ nợ khổng lồ nằm ngoài bảng cân đối không được cấp vốn – đại loại như các quyền lợi dân sinh – sớm muộn có thể lật đổ hệ thống tài chính ổn định của phương Tây, xóa bỏ tăng trưởng kinh tế và làm phát sinh các nhân tố gây bất ổn có thể phá hoại nền dân chủ.

Một số người khi đọc những dòng này có thể coi quan điểm của tôi ở đây là quá cường điệu. Và hãy tin tôi, tôi mong sao là như vậy. Nhưng thật đáng buồn là

không phải. Và trên phạm vi toàn cầu, những vấn đề này thậm chí còn tồi tệ hơn.

Những vấn đề chúng ta đã và đang lờ đi có thể tác động mạnh mẽ đến kỳ vọng tăng trưởng kinh tế và kinh doanh trên phạm vi toàn cầu – nhất là ở các nền kinh tế dịch vụ hướng tới người tiêu dùng, nơi mức thu nhập bị giảm mạnh của những người nghỉ hưu có thể đi liền với sự gia tăng đáng kể của thuế bảng lương đối với những người lao động trong độ tuổi. Đối với tương lai của nền kinh tế và thị trường tài chính, tác động của những rủi ro này không thể bị coi nhẹ.

Tôi hiểu rằng khi đối diện những rủi ro gắn liền với việc ngừng toàn bộ hoạt động kinh tế và sự sụp đổ có hệ thống của y tế công cộng, đây không phải là lúc để thực hiện thắt chặt tài chính. Tuy nhiên, đây là lúc để suy nghĩ xem một khi đại dịch này qua đi, chúng ta có thể lên kế hoạch sao cho có trách nhiệm hơn và thận trọng hơn về mặt tài khóa – nhờ đó chúng ta có thể hành động nhanh hơn nữa vào lần tới khi một cuộc khủng hoảng như thế này lại xảy ra.

Tất nhiên, có lẽ chúng ta cũng chẳng được chứng kiến sự thận trọng tài chính trong tương lai.

Nhưng cứ hy vọng xem sao.

chương 9

TƯƠNG LAI CỦA BẤT ĐỘNG SẢN

Ngành bất động sản có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi những dư chấn của COVID-19. Theo tôi thì có sáu cách khác nhau nhiều khả năng sẽ xảy ra:

- Giảm nhu cầu về văn phòng thương mại.
- Giảm nhu cầu về không gian bán lẻ.
- Rủi ro dư cung nhà ở và sụt giảm giá cả.
- Rủi ro cao đối với bất động sản ở các vùng trung tâm du lịch.
- Có khả năng sẽ có sự ưu tiên đánh đổi [tradeoff preference] giữa không gian và cự ly di chuyển.
- Nhu cầu cao hơn về kho bãi và trung tâm phân phối.

Trước hết, nhiều khả năng là người ta có lẽ ngày càng có xu hướng chọn làm việc từ xa. Tôi đã bàn về vấn đề này trong những chương trước của cuốn sách này, vì vậy tôi sẽ không đào sâu thêm chi tiết. Nhưng vấn đề

chính là, nếu thêm nhiều người làm việc từ xa hơn, các công ty sẽ không cần nhiều diện tích văn phòng và họ sẽ tiết kiệm tiền bằng cách lựa chọn không trả tiền cho không gian văn phòng.

Tất nhiên, nếu bạn là người sở hữu các tòa nhà văn phòng, thì đây có thể là một đòn đau về tài chính.

Theo tôi nghĩ dường như một số bất động sản thương mại cao cấp có thể được chuyển đổi thành khách sạn, căn hộ condo, hoặc bất động sản hỗn hợp. Điều này xuất phát từ một nhân tố ảnh hưởng rất có thể sẽ đóng vai trò chủ chốt: Nếu mọi người tiếp tục làm việc từ xa theo nhiều mức độ khác nhau ở bất kỳ nơi đâu gần những khu vực được ghi nhận là có dịch COVID-19, thì nhiều khả năng chúng ta có thể sẽ nhận thấy rằng đang có quá nhiều bất động sản thương mại dành cho không gian văn phòng – nhất là những bất động sản đắt tiền ở các khu vực có mật độ đô thị cao.

Tác động lớn thứ hai do dư chấn của COVID-19 thì ta có thể nhận thấy trong không gian bất động sản bán lẻ. Thời gian trước đây chúng ta đã thấy có sự chuyển đổi sang thương mại điện tử. Nhưng điều này đã trở nên rõ rệt hơn – và quan trọng hơn về mặt kinh tế – trong đại dịch COVID-19.

Kết quả là, chúng ta có thể nhận thấy rất nhiều cửa hiệu gia đình nhỏ lẻ, nhà hàng gia đình, doanh nghiệp

dịch vụ nhỏ và cửa hàng bán lẻ nhỏ hoàn toàn đóng cửa và ngừng hoạt động do hệ lụy kinh tế của đại dịch COVID-19.

Đại dịch đã gây tác động quá rõ ràng đối với các doanh nghiệp dịch vụ bởi lẽ đây là những doanh nghiệp có mức độ tiếp xúc thân thể cao, nhưng loại hình này lại hoàn toàn không ưa khái niệm làm phẳng đường cong và nỗ lực thực hiện phần việc của bạn để giảm sự lây nhiễm. Các doanh nghiệp có mức độ tiếp xúc cao như các tiệm mát xa, tiệm làm móng và tiệm làm tóc có sự tiếp xúc cá nhân rất gần và do đó không phải là thứ phù hợp với việc làm phẳng đường cong và giảm lây nhiễm COVID-19 trong đại dịch. Hơn nữa, vì một số trong những doanh nghiệp này là khá nhỏ, có lẽ họ sẽ vật lộn để tồn tại – ngay cả khi họ có thể tiếp cận được một số quỹ trong Đạo luật CARES trị giá 2,3 nghìn tỷ đô la.

Vì vậy, tôi dự báo sẽ có rất nhiều nhà hàng và doanh nghiệp nhỏ sẽ đóng cửa, và không bao giờ mở trở lại. Ngoài ra, phương thức dựa vào thương mại điện tử có thể sẽ phát triển mạnh hơn nhiều sau các sự kiện của COVID-19, và với sự phụ thuộc ngày càng tăng vào thương mại điện tử, tôi kỳ vọng vào khả năng bất động sản bán lẻ sẽ mất giá trị thậm chí còn nhiều hơn nữa trong tương lai, với toàn bộ chuỗi có nguy cơ thất bại trong thời kỳ hậu đại dịch.

Một thay đổi lớn khác – thay đổi lớn thứ ba – tôi kỳ vọng là tiềm năng cho thị trường bất động sản nhà ở sẽ có một cú hích mạnh. Nếu việc làm không quay trở lại và các doanh nghiệp thất bại, thì sẽ có những vụ xiết nợ nhà cửa, những vụ phá sản, những khoản vay thế chấp không thể hoàn trả, và mặc dù chính phủ có thể làm cầu nối để giúp khắc phục một số khoản cho vay và một số lỗ hổng để ngăn chặn sự lan rộng của những khoản vay thế chấp không thể trả ở tầm mức quốc gia, nhưng sẽ có một số khu vực nơi người dân sở hữu nhà nhưng không trả được các khoản vay thế chấp của họ.

Những người khá nhanh chóng bị đảo lộn đời sống của mình vì tài sản đang thế chấp, họ có thể sẽ cố bán đi thật nhanh. Do đó, khả năng là chúng ta sẽ thấy rất nhiều ngôi nhà được rao bán trên thị trường cùng một lúc. Vì giá nhà là một hàm số của cung và cầu, có thể bạn sẽ thấy có một nguồn cung lớn những người đang cố bán tháo ngôi nhà của họ, điều này có thể làm giảm giá những ngôi nhà mà người ta đang cố bán đi thật nhanh. Điều này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của nền kinh tế. Tôi đã thảo luận về rủi ro này một cách chi tiết trong chương “Tương lai của tài chính”.

Nói về kỳ vọng thứ tư, tôi rất lo ngại về các vùng có mức độ phát triển du lịch cao như Las Vegas, Orlando và New Orleans.

Các sông bạc và công viên giải trí đã bị buộc phải đóng cửa, bởi vì các khu vực du lịch phát triển có nguy cơ lây nhiễm COVID-19 cao. Nếu có một đợt bùng phát COVID-19 kéo dài, các thành phố này có thể sẽ chịu ảnh hưởng hơn mức thông thường. Thêm nữa, cho dù đại dịch COVID-19 kết thúc nhanh chóng, thì tiền cho lĩnh vực du lịch có thể sẽ bị thắt rất chặt. Thu nhập khả dụng có thể chậm phục hồi và nếu điều đó xảy ra, nhiều khả năng chúng ta sẽ chứng kiến các trung tâm du lịch lớn này tiếp tục bị ảnh hưởng, kể cả khi mọi người được phép trở lại với chúng.

Động lực quan trọng thứ năm mà chúng tôi kỳ vọng là sự gia tăng về mức độ ưu tiên cho *không gian* bất động sản nhà ở nhiều hơn so với lựa chọn mua nhà *gần* nơi làm việc. Về điểm này, ý tôi là chúng ta có thể thấy người mua nhà bắt đầu thể hiện tâm lý ưa thích rõ rệt hơn đối với những ngôi nhà lớn ở ngoại ô thay vì những căn hộ condo ở gần trung tâm đô thị.

Nhiều người đã và vẫn ở dự đoán những xu hướng lớn hơn trong quá trình đô thị hóa của Hoa Kỳ gần như suốt 15 năm qua. Nhưng đại dịch lần này có thể có một vài tác động đáng kể làm đảo ngược xu hướng đó. Trước hết, trải nghiệm làm việc từ xa có thể thay đổi nhận thức của mọi người về giá trị của không gian. Nếu mọi người làm việc từ xa với toàn bộ gia đình của họ trong các khu

phổ chen chúc – thay vì đến văn phòng thường xuyên – thì sự ưu tiên xét ở cấp độ dân số có thể sẽ chuyển dịch sang lựa chọn không gian rộng hơn.

Hơn nữa, những rủi ro về việc rào chắn đường để sửa chữa, thiếu hụt lương thực và rủi ro lây nhiễm trong vấn đề sức khỏe cộng đồng có thể sẽ tăng cao ở các khu vực đô thị đông dân hơn. Điều này cũng có khả năng ảnh hưởng đến lựa chọn ưu tiên của người dân hướng đến những vùng ngoại ô hoặc những khu vực nông thôn hơn là các thành phố – và các trung tâm đô thị lớn.

Khả năng này có vẻ dễ xảy ra đối với các gia đình có người lớn làm việc từ xa vì con cái họ đang học trực tuyến. Nếu mọi người học tập và làm việc dưới cùng một mái nhà, chắc chắn người ta sẽ thích có được nhiều không gian hơn, thay vì ở trong một căn hộ ngay gần văn phòng mà họ không bao giờ đến hay trường học mà con cái họ không bao giờ tới.

Có một động lực thứ sáu và cũng là cuối cùng cho tương lai của bất động sản thời hậu COVID-19: khả năng gia tăng trong nhu cầu về diện tích kho bãi và trung tâm phân phối. Tính chất then chốt của chuỗi cung ứng và tầm quan trọng của thương mại điện tử có khả năng thúc đẩy nhu cầu này.

Đối với bất động sản, sáu thay đổi lớn này dường

như có khả năng diễn ra trong những năm tới – và xa hơn thế nữa. Một số trong các động thái này có thể không phải là mới, nhưng COVID-19 đã làm bộc lộ và làm tăng tốc một số thay đổi về nhận thức và giá trị này.

chương 10

TƯƠNG LAI CỦA NÔNG NGHIỆP

Nông nghiệp có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi các động lực kinh tế và kinh tế xã hội của COVID-19. Sớm muộn thì tình trạng thiếu lương thực trên diện rộng, đặc biệt là tình trạng thiếu thực phẩm tươi sống, như trái cây, rau, trứng, thịt và pho mát, có khả năng sẽ truyền cảm hứng cho nhiều người tham gia vào nghề nông.

Điều đáng nói ở đây là đối với hầu hết người Mỹ đang sống hiện nay, thực phẩm thường vẫn không được xem trọng. Nhưng giờ đây chúng ta đã thấy sự thức tỉnh trở lại – một sự tái hiện – của những mối quan tâm xoay quanh vấn đề thực phẩm. Điều đó sẽ gây tác động thực sự đến những gì mà mọi người có thể coi như những ý tưởng đầu tư quan trọng và khả thi. Và nó có thể ảnh hưởng đến lựa chọn sự nghiệp của mọi người do hệ quả của đại dịch lần này.

Có lẽ cũng có sự gia tăng quan tâm của giới đầu tư dành cho những cơ sở sản xuất thực phẩm trong nhà, trung tâm trồng trọt trong nhà và các cơ sở phân phối sản

phẩm nông nghiệp chuyên các loại cây trồng cũng như các loại thịt trong phòng thí nghiệm. Tôi kỳ vọng chúng ta sẽ thấy nguồn tài trợ gia tăng cho các phòng thí nghiệm chuyên sản xuất thịt cũng như các cơ sở thủy canh đa năng để tạo ra những thực phẩm như rau quả và cá.

LỜI CẢNH TỈNH VỀ VẤN ĐỀ THỰC PHẨM

Thực phẩm nằm ở dưới cùng trong tháp nhu cầu Maslow. Đó là điều hầu hết người Mỹ lâu nay đều mặc nhiên công nhận, là điều hầu hết dân chúng cho rằng sẽ không phát sinh vấn đề gì – nhất là vì Hoa Kỳ là nước xuất khẩu thực phẩm lớn. Thật may là Hoa Kỳ sản xuất nhiều thực phẩm hơn mức tiêu thụ. Nhưng chuỗi cung ứng đã và đang phải hứng chịu tác động tiêu cực, và việc không thể có được thực phẩm tươi sống và một số thực phẩm nhất định đã gây tác động thực sự.

Những trắc trở đó có thể truyền cảm hứng cho người ta làm nông nghiệp tại nhà nhiều hơn. Trên thực tế, cá nhân tôi biết có những người đang làm vườn tại nhà của họ do hậu quả của đại dịch COVID-19. Tôi cũng biết có những người khác đang chuẩn bị nuôi gà hoặc những giống vật nuôi khác để có thực phẩm tươi sống phục vụ cho nhu cầu của họ ngay tại nhà.

Và đây không phải là một hiện tượng bên lề. Trong

mấy tuần gần đây, tôi đã có nhiều cuộc nói chuyện điện thoại với CEO và giám đốc điều hành của các công ty đại chúng cũng như các công ty tư nhân, trong đó chúng tôi đã chia sẻ những bí quyết về nơi đặt hàng online đối với các thực phẩm không thể tìm thấy ở các chợ địa phương, bao gồm pho mát, thịt, trái cây, rau và cá.

Mặc dù ở hầu hết các quốc gia trên thế giới luôn có những người phải chắt vật xoay xở để có được các nhu yếu phẩm cơ bản, bao gồm cả thực phẩm. Nhưng đây là những thứ mà tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ là vấn đề đối với đa số dân chúng ở thế kỷ 21. Trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ nếu muốn ăn trứng thì mình nên nuôi vài con gà. Thật đáng sợ khi nghĩ đến khả năng đây có thể là kiểu mẫu mới mà một số chuyên gia kinh doanh nên cân nhắc khi xem xét về vấn đề thực phẩm.

Điều đáng ngạc nhiên nhất về những động lực này là việc nó không còn là mối lưu tâm riêng của những người muốn sống ẩn dật. Giờ đây nó còn là mối lưu tâm đối với bất cứ ai muốn đảm bảo chắc chắn về nguồn cung cấp thực phẩm của mình.

Trong tương lai, dường như nhiều khả năng chúng ta sẽ thấy có mối quan tâm nhiều hơn đối với không gian nông nghiệp để dành cho việc đầu tư, phát triển sự nghiệp và cho an ninh quốc gia, nhiều hơn mức độ mà chúng ta đã thấy suốt một thời gian dài.

Tôi cũng cho rằng một động thái thay đổi lớn đối với nông nghiệp rồi đây sẽ bao gồm việc áp dụng rộng rãi hơn phương thức giao hàng thực phẩm từ các siêu thị. Trong hầu hết thời gian của thế kỷ qua, thực tế là chỉ có một số người cao tuổi mới được giao hàng thực phẩm đến nhà. Tôi nhớ dì tôi, Bertha, đã dùng thực phẩm theo phương thức giao hàng hồi những năm 1980. Và tôi biết là trước thời điểm đó phương thức này đã phổ biến cho người già.

Và than ôi, những người già nua đó đã đúng đắn làm sao!

Trong những năm gần đây, đã có hàng loạt ứng dụng được phát triển để giúp mọi người tìm được các loại hàng hóa tạp phẩm mà họ cần được giao. Bằng việc áp dụng những ứng dụng như vậy trong đại dịch COVID-19, tôi nghĩ rằng rồi đây các bạn sẽ thấy có thêm rất nhiều người chấp nhận sử dụng chúng một cách thường xuyên, như hệ quả trực tiếp của việc mọi người buộc phải sử dụng những ứng dụng giao thực phẩm đó.

Đối với vấn đề việc làm, đã có sự suy giảm khá lớn trong bộ phận lực lượng lao động Hoa Kỳ chuyên dành cho nông nghiệp. Trên thực tế, các việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp đã chiếm đa số lực lượng lao động hồi giữa thập niên 1800. Nhưng hiện nay, tỷ lệ lực lượng lao

động trong nông nghiệp chỉ vào khoảng 2% tại Hoa Kỳ.

Nhìn về tương lai phía trước, tôi kỳ vọng chúng ta được thấy có thêm nhiều người hơn nữa sẽ làm nghề nông trong mấy năm tới đây – và có khả năng là trong suốt thập niên này.

Nỗi lo không có được thực phẩm và tâm lý hoang mang về việc đi đến một khu chợ mà không có thực phẩm rồi đây sẽ đè nặng tâm trí nhiều người. Điều này có thể đặc biệt đúng đối với những người trẻ tuổi đang lên kế hoạch cho sự nghiệp của bản thân.

Có lẽ lớp người này hiện đang học trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc đại học, và họ đang thử hình dung xem họ muốn làm gì với cuộc đời mình. Và những trải nghiệm trong đại dịch COVID-19 này, trải nghiệm về việc không thể tìm được thực phẩm họ cần, sẽ ảnh hưởng đến một số quyết định lớn lao trong cuộc đời họ.

Tôi sinh ra vào những năm 1970, thế nên tôi còn nhớ những hình ảnh cũng như những câu chuyện về cuộc sống ở Liên Xô cũ, nơi mọi người không thể kiếm được giấy vệ sinh và thức ăn. Sự thật rằng đây là điều thực sự đã xảy ra ở nước Mỹ vào năm 2020 đang làm tôi bị sốc. Và những chuyện đại loại như vậy sẽ còn đeo đẳng sự nghiệp và cuộc sống của nhiều người theo một cách rất thực.

Khi mọi người tranh luận xem những người lao động thuộc ngành nghề nào là thiết yếu và không thiết yếu, thì có một thứ không cần phải bàn cãi: nông nghiệp. Bởi lẽ nông nghiệp đạt chuẩn mực của một ngành thiết yếu. Không có thức ăn, chúng ta sẽ không có gì cả.

chương 11

TƯƠNG LAI CỦA CHUỖI CUNG ỨNG

Tình trạng thiếu hụt sản phẩm giấy và thực phẩm tươi sống ở Hoa Kỳ do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã khiến nhiều người phải kinh ngạc. Nhưng nhờ có động lực này, nhiều người rốt cuộc đã nhận thức được tầm quan trọng của chuỗi cung ứng Hoa Kỳ, của chuỗi cung ứng toàn cầu, của ngành nghề chuỗi cung ứng và các ngành công nghiệp xử lý nguyên liệu, và những thách thức của công đoạn cuối giao đến cửa nhà.

Kinh nghiệm thời đại dịch COVID-19 đang ập đến với nhiều người Mỹ, và có những thay đổi quan trọng đối với chuỗi cung ứng mà tôi dự đoán rằng chúng ta sẽ chứng kiến trong giai đoạn hậu đại dịch.

Trước hết, tính chất dễ bị tổn thương của chuỗi cung ứng Hoa Kỳ và chuỗi cung ứng toàn cầu đã lộ diện. Tôi tin rằng giờ đây nhiều người đã thấy rõ rằng những trục trặc trong chuỗi cung ứng có thể xảy ra ở bất cứ đâu trong nền kinh tế toàn cầu, và những tác động tiêu cực của sự trục trặc trong chuỗi cung ứng có thể trở nên trầm

trọng hơn khi lượng tồn kho mỏng. Sự thực là giờ đây đã hiện rõ các xu hướng dài hạn của việc mở rộng các chuỗi cung ứng diễn ra cùng lúc với việc duy trì lượng tồn kho thấp có thể là một phương thức dẫn đến thảm họa.

Thứ hai, vật dụng và thiết bị y tế vốn từ lâu vẫn được mặc nhiên coi là sẵn có thì nay thỉnh thoảng đã lộ rõ tình trạng khó khăn. Thật đáng sợ khi nghe có chuyện các chuyên gia y tế phải xoay xở tái sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE: personal protection equipment) hoặc các thiết bị y tế vốn trước đây thuộc loại sử dụng một lần. Trong tương lai, khả năng là chuỗi cung ứng y tế sẽ được nhìn nhận là then chốt hơn. Và các chính sách có thể được ban hành để giảm thiểu những rủi ro của chuỗi cung ứng y tế.

Thứ ba, chuỗi cung ứng của nền kinh tế Mỹ là thứ mà hầu như hiện nay ai cũng đã hiểu rõ hơn. Cụm từ “chuỗi cung ứng” hiếm khi được nhắc đến trong các trường kinh doanh vào những năm 1990 và đầu những năm 2000. Nhưng hiện nay, chuỗi cung ứng cần phải là một chủ đề được quan tâm hàng đầu cho mỗi nhà điều hành, mỗi chính trị gia, mỗi nhà lãnh đạo, và mỗi người tiêu dùng.

Hàng hóa của chúng ta đến từ đâu, đến như thế nào và khi nào những vấn đề quan trọng mà hiện nay người ta không còn có thể lơ là được nữa. Và xét ở một

mức độ nào đó, có lẽ thách thức trước mắt là việc gửi gắm niềm tin lớn lao vào một chuỗi cung ứng vốn được dàn trải ra rất mỏng – và dàn trải trên quy mô toàn cầu.

HIỆU ỨNG BULLWHIP^(a)

Khi chuỗi cung ứng hứng chịu một cú sốc về cầu, điều này sẽ kéo cung tăng theo; lượng tồn kho và nguồn cung mỏng ở khắp chuỗi cung ứng có thể nhanh chóng được kéo về phía nguồn tiêu thụ đầu cuối. Sự tác động ở phía cung chính là cuộc chạy đua để sản xuất nhiều hơn. Nhưng vẫn cần có thời gian để cho những hàng hóa đó di chuyển qua toàn bộ chuỗi cung ứng.

Nhưng khi có thêm nhiều nguồn cung được đổ dồn vào để đáp ứng cho sự tăng đột biến về cầu, có thể sớm muộn gì bạn cũng phải đối diện với một chuỗi cung ứng không trơn tru, với nguồn cung nhiều hơn đáng kể bị tắc nghẽn tại các điểm trong chuỗi cung ứng – hoặc có lẽ bạn có thể bỏ tiền cho một lượng nguồn cung thừa sẽ tập trung tại điểm tiêu thụ đầu cuối vào một thời điểm trong tương lai.

Nói một cách đơn giản, đôi khi chuỗi cung ứng

a. “Bullwhip effect” là hiệu ứng phản ánh hiện tượng sai lệch số lượng sản phẩm sản xuất ra so với nhu cầu thực tế. [ND]

không thể vận hành nhanh hơn được. Và khi nó tăng tốc, bạn có thể gặp phải tình trạng nguồn cung dư thừa chồng chất ở các điểm nút trong chuỗi cung ứng hoặc tại điểm tiêu thụ cuối cùng. Kết quả này là điều mà những người làm việc trong chuỗi cung ứng gọi là hiệu ứng *bullwhip*. Sở dĩ nó được gọi như vậy bởi vì *bullwhip* là một cây roi dài, mà với nó bạn chỉ cần phẩy nhẹ tay một cái cũng có thể tạo ra một cú quất mạnh và rút rõ to ở đầu mút.

Tất nhiên, rủi ro gặp phải hiệu ứng *bullwhip* chưa phải là lý do thỏa đáng để người ta từ bỏ nỗ lực thúc đẩy chuỗi cung ứng tăng tiến vào những thời điểm khủng hoảng – nhất là khi nó liên quan đến các mặt hàng then chốt vốn đã bị đứt gãy [trong chuỗi cung ứng], như thực phẩm tươi sống, sản phẩm giấy, giấy vệ sinh, thiết bị y tế và trang bị bảo hộ cá nhân (PPE), bao gồm găng tay và khẩu trang.

Vấn đề không hẳn là ở sự gia tăng đột biến về cầu. Đó chỉ là một phần. Phần nữa là do nguồn cung thắt chặt. Nói cách khác, do lượng tồn kho thấp.

Nguyên nhân?

Nhiều công ty có thể gia tăng khả năng sinh lợi của họ bằng cách giảm lượng tồn kho theo thời gian, nhưng đây là một chiến lược thỉnh thoảng đã bộc lộ rủi ro.

THAY ĐỔI TRONG CHUỖI CUNG ỨNG Y TẾ VÀ PPE

Rất khó để vừa có một chuỗi cung ứng mỏng lại vừa có những khoảng cách rất xa trên toàn chuỗi cung ứng của bạn. Trên thực tế, lượng tồn kho rất mỏng cộng với một chuỗi cung ứng rất xa có thể là công thức thảm họa trong những thời điểm thảm họa, chính xác đó là những gì chúng ta đã thấy do hậu quả của đại dịch COVID-19.

Từ trải nghiệm này, chúng ta rất có thể sẽ chứng kiến một sự chuyển dịch của các chính sách và chiến lược trong tương lai theo chiều hướng chấp nhận lượng tồn kho nhiều hơn trên toàn bộ chuỗi cung ứng. Động thái này có thể bao gồm một số khuyến khích và/hoặc ủy thác bằng quy chế liên quan đến hoạt động sản xuất, lưu trữ và kiểm kê các nguồn tồn kho vật tư y tế và PPE trong tương lai.

Cũng không khó để hình dung rằng có thể có một nỗ lực bằng quy chế hoặc chính sách nhằm định hình lại toàn bộ chuỗi cung ứng cho thiết bị y tế và PPE, sao cho có thêm nhiều hàng hóa được sản xuất ở Hoa Kỳ hoặc khu vực USMCA/NAFTA. Việc rút ngắn khoảng cách của các chuỗi cung ứng có thể giúp đề kháng rủi ro đi kèm với lượng tồn kho vốn đã bị dần mỏng của chuỗi cung ứng. Và những rủi ro của chuỗi cung ứng

toàn cầu vốn dĩ đã lớn hơn rủi ro chuỗi cung ứng nội địa do khoảng cách, do số lượng các bên tham gia và các quy chế liên quan.

RỦI RO CHO NHÀ HÀNG

Người ta cũng có thể đánh giá lại tính chất ổn định của các chuỗi cung ứng thực phẩm trong tương lai. Điểm này lại làm lộ diện một số rủi ro cho ngành khách sạn, kinh doanh nhà hàng, du lịch và các ngành công nghiệp khác. Thực phẩm xưa nay được phân phối thông qua hai kênh chính: một kênh thương mại, chuyên cung cấp thực phẩm cho các nhà hàng và những nơi khác để ăn, một kênh tiêu thụ thì dành cho các siêu thị.

Do những thay đổi và quy chế, bao gồm cả nghị định “ở yên” và cách ly, hiện nay người dân đang tiêu thụ tại nhà nhiều thực phẩm từ siêu thị hơn.

Đại dịch COVID-19 càng kéo dài, sẽ càng gây khó khăn cho các nhà hàng và các cơ sở bán thực phẩm phi thị trường khác. Rốt cuộc, nếu tình trạng trục trặc này tiếp diễn trong một thời gian dài, thì chuỗi cung ứng thực phẩm có khả năng sẽ dần thích ứng, theo đó thực phẩm tươi sống không còn được đưa vào các kênh thương mại. Nói tóm lại, những thực phẩm thương mại này có thể được chuyển hướng sang các siêu thị, rồi tình trạng này

thực sự sẽ tạo ra những vấn đề thậm chí còn lớn hơn nữa trong việc khôi phục hoạt động kinh doanh cho các nhà hàng và những địa điểm ăn uống khác.

Kịch bản này bày ra một rủi ro trước mắt về sự thay đổi trong các chuỗi cung ứng thực phẩm. Và mặc dù sự thay đổi này có thể giúp giải quyết một số vấn đề trong chuỗi cung ứng thực phẩm cho siêu thị và sự thiếu hụt các sản phẩm thực phẩm tươi sống, như trứng, sữa, phô mai, thịt, rau, trái cây và các đồ dễ hỏng khác, nhưng nó có thể gây ra những vấn đề mang tính chất đoàn thể cho các nhà hàng muốn mở cửa trở lại. Xét cho cùng, nếu các chuỗi cung ứng chuyển dịch tới một cơ sở bền vững hơn, và nguồn nhu cầu đầu cuối thay đổi, thì điều này có thể khiến các nhà hàng gần như không thể mở cửa trở lại. Rốt cuộc, có lẽ đến lúc đó họ sẽ gặp khó khăn trong việc bảo đảm thực phẩm tươi sống, giấy vệ sinh, nước rửa chén, dụng cụ vệ sinh và các sản phẩm giấy khác.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG DÀNH CHO SỰ ỔN ĐỊNH

Sự ổn định của nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào việc hàng hóa và dịch vụ đến được những nơi cần chúng. Và tình trạng gián đoạn những hàng hóa đó không chỉ gây

rủi ro cho nền kinh tế mà còn là rủi ro thực sự đối với người dân và có thể là đối với an ninh quốc gia.

Thật may mắn, ở Hoa Kỳ, chúng ta là những nhà xuất khẩu ròng thực phẩm. Nhưng các quốc gia khác thì không được may mắn như vậy. Và tình trạng gián đoạn nguồn thực phẩm ở các quốc gia khác có thể trở nên tồi tệ hơn.

Khi nói về con người và cách họ sống, Berthold Brecht, tác giả vở kịch *The Threepenny Opera* [Nhà hát ba xu], đã viết dòng thoại: “Erst kommst das fressen, dann kommt die Moral”, dịch đại ý là: “Trước tiên là cho ăn, sau đó mới đến chuyện đạo đức.”

Nói cách khác, nếu không đáp ứng được thực phẩm cho người dân, điều này có thể gây bất ổn cho toàn bộ nền kinh tế.

Thời điểm khi đại dịch COVID-19 diễn tiến phức tạp, tôi đang làm một số việc ở Bộ Quốc phòng, và nhiều tham luận của tôi đã được triển khai xoay quanh niềm hy vọng rằng chuỗi cung ứng cho thực phẩm và các hàng hóa cơ bản khác vẫn an toàn như người ta đã tuyên bố. Cho đến giờ, nhận định đó dường như là đúng, một điều khá là may mắn.

Tuy nhiên, giả sử chuỗi cung ứng của chúng ta không được an toàn đối với thực phẩm hoặc các hàng hóa cơ bản, có thể chúng ta sẽ phải chứng kiến sự ổn định của

đất nước sụp đổ hoàn toàn. Khả năng này có thể bày ra mối rủi ro đáng kể đối với sự ổn định ở cấp quốc gia – và nó vẫn còn là nguy cơ. Nhưng cho đến giờ thì chưa.

So với thực phẩm, trang thiết bị y tế, và PPE cũng không kém cạnh. Như đã đề cập ở trên, tôi kỳ vọng chúng ta có thể sẽ được thấy sự chuyển dịch về quy chế và những ưu đãi tài chính được áp dụng cho các chuỗi cung ứng y tế trong tương lai. Đây cũng là các mặt hàng thiết yếu. Và tác động nghiêm trọng của tình trạng thiếu hụt các hàng hóa này không chắc sẽ được các chuyên gia về an ninh quốc gia chú ý tới.

NHẬN THỨC VỀ CHUỖI CUNG ỨNG

Một tác động lớn cuối cùng của đại dịch COVID-19 vừa qua là mọi người hẳn sẽ nhận thức rõ hơn về chuỗi cung ứng. Và có lẽ ít có khả năng họ sẽ xao lãng việc tích trữ “tại nhà” gồm thực phẩm, sản phẩm giấy, sản phẩm vệ sinh và các hàng hóa khác.

Nói cách khác, nhiều khả năng là người ta sẽ trữ ở nhà nhiều sản phẩm hơn.

Có một bài hát thiếu nhi xưa cũ nói về Mẹ Hubbard và cái chạn bếp của bà. Hẳn bạn còn nhớ, cái chạn nhà bà trống trơn.

Bởi vì lâu nay người ta có thể kiếm được hàng hóa

khá là dễ dàng, nên không ai quá bận tâm xem trong chạn bếp của họ có gì. Xét cho cùng bạn việc gì phải lo lắng vì cái chạn bếp của mình trống không nếu bạn có thể kiếm được bất cứ thứ thực phẩm gì bạn cần chỉ sau chưa đầy 20 phút.

Nhưng trong tình hình đại dịch COVID-19, người ta nhận thấy chuỗi cung ứng bị gián đoạn trong khi chạn bếp của mình cũng trống rỗng. Vấn đề này trở nên trầm trọng hơn do nguy cơ mọi người có thể phải ở trong nhà suốt một thời gian dài. Người ta phải nhanh chóng chất thêm đồ vào chạn bếp của mình khi lượng dự trữ tại nhà vốn đã thấp, và họ chẳng trong mong gì vào sự gia tăng nhu cầu bởi lẽ các nguồn cung cấp thực phẩm thay thế (ví dụ như nhà hàng) trở nên kém phần khả thi. Đây là nhân tố đã góp phần vào hiệu ứng *bullwhip* đối với thực phẩm và các sản phẩm giấy.

Chuỗi cung ứng thực phẩm cũng như chuỗi cung ứng cho nhu cầu sản phẩm giấy đã được chuyển dịch từ loại hình tiêu thụ tại nhà và *bên ngoài nhà* sang chỉ tiêu thụ tại nhà. Và không có thực phẩm dự trữ; thì có nhà cũng như không.

Chạn bếp Mẹ Hubbard ở nhà ai cũng đều trống rỗng và mọi người phải phản ứng thật nhanh.

Đồng thời, việc tiêu thụ các sản phẩm giấy và thực phẩm đã chuyển dịch gần như hoàn toàn từ phức hợp

của tiêu dùng thương mại và dân cư sang tiêu dùng dân cư. Trong tương lai, chúng ta sẽ muốn có những chuỗi cung ứng an toàn hơn. Nhưng vẫn còn phải chờ xem người ta có để cho chặn bếp của họ không bị trống trơn hay không, sau khi đại dịch COVID-19 qua đi.

TÓM TẮT NHỮNG KỶ VỌNG

Những kỳ vọng chia sẻ trong chương này dường như là những kỳ vọng hợp lý xét dưới góc độ nhà tương lai học. Rốt cuộc, chúng ta đã làm rõ một vài vấn đề do đại dịch COVID-19 gây ra. Nhưng chúng ta biết rõ rằng các động lực cơ bản của sự thay đổi có thể bị ảnh hưởng bởi các nguyên tắc cơ bản:

- Mọi người luôn muốn tiếp cận được nguồn thực phẩm.

- Mọi người lúc nào cũng muốn an tâm về việc nhận được sự chăm sóc y tế.

- Xã hội chỉ hoạt động nếu mọi người tiếp cận được nguồn thực phẩm và được chăm sóc y tế, và họ cảm thấy an tâm về vấn đề đó.

Đây là lý do tại sao tôi tin rằng chúng ta có thể chứng kiến những sự ưu đãi về tài chính hoặc quy chế bổ sung từ chính phủ để giữ vững chuỗi cung ứng trong tương lai.

chương 12

TƯƠNG LAI CỦA TRUYỀN THÔNG

COVID-19 đã phóng đại những yếu kém và rắc rối trong mọi ngành nghề. Điều này cũng đúng với truyền thông đại chúng và truyền thông xã hội. Người ta phản ứng không mấy lạc quan trước những tin tức và những bài viết trên mạng về COVID-19.

Và điều đó chủ yếu là do thiên kiến đồng thuận sai lầm [false consensus bias].

Lâu nay các phương tiện truyền thông xã hội đã và đang tiếp tay cho thiên kiến đồng thuận sai lầm, tức là loại thiên kiến nhìn nhận rằng những gì bạn tin cũng chính là những gì mọi người đều tin.

Về cơ bản, điều này xảy ra khi bạn tin rằng quan điểm của bạn là quan điểm được mọi người đồng thuận – ngay cả khi bạn có những niềm tin khác thường. Điều này xảy ra bởi vì ngay cả khi chỉ có một vài người tương tác trên trang Facebook của bạn bày tỏ sự đồng tình, thì tiện ích truyền thông xã hội cũng sẽ tối ưu hóa các tương tác, khiến cho cột hiển thị chính [feed] xuất hiện những

thông tin được tối ưu hóa một cách riêng lẻ và những thông tin được sàng lọc cho từng cá nhân. Điều này, đến lượt nó, lại góp phần củng cố cảm nhận cho rằng mọi người đều tin những gì bạn tin. Hay nói cụ thể hơn, những gì bạn và những người đồng cảm với bạn tin là đúng – là chân lý.

Toàn bộ trải nghiệm về COVID-19 đã và chỉ là mấy thứ ngáo ộp đối với giới truyền thông. Đây là một tình huống thoát đầu không được hiểu cận kề. Và ở một chừng mực nhất định, nó vẫn chưa được hiểu cận kề.

Đã có một luồng ổn định những dữ liệu thay đổi và tiến triển liên tục về đại dịch. Và động lực phát triển tình huống này không hề diễn ra trong phòng kín. Nó diễn ra giữa bối cảnh của những thực tại chủ quan đang ngày một gia tăng.

Bối cảnh kia chính là những nhận thức được cá nhân hóa cao độ về mức độ quan trọng và tính chân thật liên quan đến các sự kiện vốn phát sinh từ việc sàng lọc thông tin và bom thổi những thiên kiến đồng thuận. Đó là một phần lý do khiến cho có người bảo rằng chúng ta đang ở vào một thời đại “hậu chân lý”.

Điều này bắt nguồn từ bản tính siêu cá thể hóa của truyền thông xã hội, một lĩnh vực đã cổ vũ cho những bản sắc vùng miền và thứ chân lý chủ quan luận giữa bao nhiêu những thứ khác nữa. Vì vậy, mặc dù COVID-19

đã trở thành một đại dịch bùng phát mạnh mẽ, nhưng trạng thái tiến hóa mà trong đó sự kiện này tăng theo cấp số nhân từ đầu lại rất nhỏ.

Mỗi nguồn truyền thông lại lèo lái câu chuyện đó theo một cách khác nhau, và nó được cảm nhận khác nhau bởi người khán thính giả cũng như cộng đồng mạng. Thái độ hoài nghi về mức độ đáng tin của một phương tiện truyền thông hay truyền thông xã hội nào đó cũng góp phần khiến người ta cảm thấy bối rối.

Khi nhiều điều còn chưa tỏ, người ta vẫn hăm hở đua nhau sắm vai chuyên gia về COVID-19. Rốt cuộc, tầm quan trọng của nguy cơ đại dịch này lớn đến mức các nhà dự báo, nhà tương lai học, nhà phân tích, chiến lược gia, giám đốc điều hành và chính trị gia cũng đều phải có quan điểm về chủ đề này.

Dựa trên một số can thiệp chính trị và các chiến dịch tâm lý mà mới đây các tác nhân nước ngoài đã thực hiện bằng cách sử dụng Facebook và các phương tiện truyền thông xã hội khác, thì kết quả này không có gì là bất ngờ.

Suy cho cùng, sự nhầm lẫn do thiếu nguồn thông tin thực tế đã làm phát sinh những ý kiến chuyên môn sai lầm, và thái độ hoài nghi vốn đã quá quất lại càng thêm quá quất do việc bám chấp vào thứ chân lý chủ quan.

Truyền thông luôn sống bằng câu nói “nếu có đổ máu, thì đó là tin *hot*”. Câu này ý nói rằng một câu chuyện càng giật gân, càng gây sốc hoặc càng kinh khủng thì nó càng quan trọng – và tiền quảng cáo trên báo in hoặc truyền hình sẽ càng cao. Và khi nói đến những sự kiện máu me và sốt dẻo, thì hầu như chẳng hề có chút gì giống như một căn bệnh bắt đầu ở một khu chợ động vật hoang dã tại Trung Quốc. Điều này đặc biệt đúng đối với khán thính giả phương Tây khi họ thử hình dung về khu chợ mua bán các loài động vật kỳ lạ chưa từng thấy trước đây, một khu chợ mà bằng cách nào đó có thể đã gây ra đại dịch COVID-19.

Một số người nhìn nhận về rủi ro đại dịch COVID-19 một cách nghiêm trọng thái quá trước khi dữ liệu cho thấy có lẽ nó đúng là như vậy. Tuy nhiên, ngay cả khi tôi viết điều này, nhiều người vẫn không xem đây là một tình huống nghiêm trọng.

Đây là cái giá phải trả cho thiên kiến đồng thuận.

Và đây không phải là lần cuối cùng nó ngóc cái đầu xấu xí lên vào thời điểm nhạy cảm. Tôi e là thứ chân lý chủ quan, hiện thực chủ quan, bản sắc vùng miền và những nguồn cung cấp thông tin bị cá nhân hóa quá mức rồi đây sẽ còn làm phát sinh nhiều vấn đề hơn nữa về thái độ hoài nghi không chính đáng. Và mỗi lần điều này xảy ra, nó có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

Nhìn về tương lai của truyền thông sau COVID-19 không khiến tôi quá lạc quan. Bản sắc quốc gia càng bị rạn nứt, càng làm gia tăng nguy cơ nó có thể bị các tác nhân xấu khai thác. Sắp tới đây sẽ không thiếu gì các tác nhân xấu, thế nên theo thời gian vấn nạn sẽ bày ra những rủi ro đáng kể cho sự gắn kết xã hội.

Giống như ở các khu vực khác, COVID-19 đã phơi bày rõ ràng trần trụi những thứ vốn bị che giấu bấy lâu. Đối với truyền thông và truyền thông xã hội mà nói, những thứ ẩn dưới bề mặt – vấn nạn tiềm tàng về thiên kiến đồng thuận, rủi ro của các hoạt động tâm lý [psy-op] và thứ chân lý chủ quan – thì không lấy gì làm tích cực.

chương 13

TƯƠNG LAI CỦA QUAN HỆ QUỐC TẾ

Quan hệ quốc tế sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể bởi COVID-19. Mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vốn đã căng thẳng do cuộc chiến thương mại bắt đầu vào đầu năm 2018 và vẫn tiếp diễn trong suốt năm 2018 và 2019. Một số mức thuế quan quan trọng của Hoa Kỳ vẫn còn được duy trì.

Giờ đây, với sự xuất hiện của đại dịch COVID-19, lại có thêm những căng thẳng xuất phát từ cái cách mà coronavirus chủng mới lan truyền.

Tổng thống Trump khẳng định gọi COVID-19 là virus Trung Quốc, điều đó chỉ ra rằng ở ngay bên dưới bề mặt đã có một mức độ căng thẳng cao. Và xem ra cuộc tranh đấu giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ để giành quyền bá chủ kinh tế, chính trị và quân sự toàn cầu sẽ không vì những bước phát triển gần đây mà trở nên dịu đi.

Trên thực tế, dường như COVID-19 có thể gieo thêm những mầm mống bất mãn đi cùng với sự căng thẳng đã gia tăng giữa hai quốc gia cạnh tranh.

Việc COVID-19 là một đại dịch toàn cầu là một điều nan giải xét từ góc độ quan hệ quốc tế. Một mặt, có một tình thế bất cập to lớn đến mức trầm trọng, bao gồm cả thiệt hại về con người, cụ thể là liên quan đến bệnh tật, thương vong và nguy cơ suy thoái.

Nhưng nếu COVID-19 chỉ xảy ra ở một quốc gia, thì điều đó có thể gây khó khăn hơn một chút cho vị thế địa chính trị của quốc gia đó. Ví dụ, nếu Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất có COVID-19 trong khi tất cả các quốc gia khác không có, thì xét từ góc độ của Hoa Kỳ vấn đề đó hẳn sẽ khó xử lý hơn. Một rủi ro như vậy đến lượt nó có thể phô bày ra các vấn đề về ổn định, và có thể gây ảnh hưởng xấu đến năng lực duy trì và thị uy vị thế của Hoa Kỳ trên thế giới. Nói cách khác, tồn tại một nguy cơ thực sự là COVID-19 có thể gây ra tác động địa chính trị tiêu cực không cân xứng đối với một quốc gia duy nhất bị ảnh hưởng trong khi các nước khác không bị.

Nhận thức về loại nguy cơ này có lẽ là một trong những lý do khiến cho sự phẫn nộ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc càng thêm dai dẳng. Rốt cuộc cũng có người cho rằng con virus này đã lây lan ra toàn cầu sau khi bắt đầu ở tỉnh Vũ Hán.

Những tuyên bố và cảm nghĩ dạng này phô bày ra những rủi ro mà thậm chí sau khi đại dịch COVID-19 đã qua đi, vẫn có thể có những thay đổi trong cách xử

lý thông tin của các quốc gia. Và nó có thể tác động đến mức độ tin tưởng giữa các quốc gia xoay quanh những vấn đề hệ trọng như đại dịch. Nói tóm lại, có những nguy cơ có thể làm niềm tin bị xói mòn. Mà niềm tin lại chính là một trong những nền tảng quan trọng nhất của quan hệ quốc tế.

Không có niềm tin, không thể có sự phát triển tích cực trong mối quan hệ giữa hai chủ thể quốc tế. Và niềm tin dường như đang thiếu trong những diễn biến gần đây của COVID-19.

Trên phạm vi toàn cầu, những rủi ro đối với các chuỗi cung ứng y tế cũng được phơi bày như một mối nguy thực sự cho an nguy của người dân Mỹ, và dựa vào những tuyên bố trước đây của tổng thống Mỹ về vấn đề thuế quan, nhiều khả năng sẽ còn nhiều hàng rào thuế khác được ban hành. Hiện nay, cũng như cách mà thuế quan Mục 232 của Hoa Kỳ đánh vào thép và nhôm nhập khẩu được ban hành để giữ vững các chuỗi cung ứng kim loại nội địa cho sản xuất trang thiết bị, nhiều khả năng sẽ có thêm thuế quan phụ đánh vào thiết bị y tế để ngăn chặn các vấn đề phát sinh trong chuỗi cung ứng và sự hỗn loạn kinh tế mà đợt bùng phát của đại dịch COVID-19 đã tạo ra.

Điều quan trọng là hãy nhớ rằng thuế quan là thứ mà tổng thống có thể đơn phương thực thi. Đây là chủ

đề tôi đã xem xét chi tiết trong cuốn *Midterm economics* [Kinh tế học giữa nhiệm kỳ] (2018). Như vậy, nếu Tổng thống Trump tái đắc cử – hoặc cũng có khả năng là ngay từ trước thời điểm của cuộc bầu cử tổng thống năm 2020 – có thể ông sẽ tìm cách sử dụng thuế quan để thay đổi và tác động đến chuỗi cung ứng tương lai về thiết bị y tế và PPE của nước Mỹ, những nguyên vật liệu then chốt cần phải được sản xuất tại Hoa Kỳ. Hơn nữa, tình hình căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể sẽ dẫn đến tình trạng rẽ nhánh của một nhóm các chuỗi cung ứng toàn cầu, lôi kéo thêm nhiều hoạt động chế tạo ra khỏi Trung Quốc.

Điều này có thể làm leo thang sự căng thẳng. Và mặc dù khó có khả năng đẩy Hoa Kỳ và Trung Quốc vào thế “tất có chiến tranh”, nhưng nó vẫn có thể là một nhân tố góp phần làm xói mòn thêm mối quan hệ giữa hai quốc gia, dẫn đến những hệ quả ngày càng thêm rủi ro.^[1]

Ngoài những mối quan ngại về công ăn việc làm ngay tức thời trong ngành thương mại và chế tạo, cũng có khả năng là những công ty chế tạo nào gặp phải nguy cơ bị cô lập trường kỳ khỏi thị trường đầu cuối ở Hoa Kỳ có lẽ cũng sẽ bắt đầu chủ động định hình lại chuỗi cung ứng của mình để sản xuất thêm nhiều hàng hóa hơn ở Hoa Kỳ hay ở khu vực USMCA.

Điều này nghĩa là một khi đại dịch COVID-19 đã qua đi, có lẽ sẽ có nhiều nguyên vật liệu và hàng hóa được sản xuất tại Hoa Kỳ. Và những căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể còn tăng cao hơn nữa khi cuộc chiến tranh ngôi vị siêu cường kinh tế vẫn tiếp diễn.

chương 14

TƯƠNG LAI CỦA AN NINH QUỐC GIA

Xét trên nhiều phương diện, đại dịch COVID-19 đã mở góc nhìn mới, phơi bày những bí mật trần trụi và những rủi ro bị bỏ qua – đối với xã hội, nền kinh tế và an ninh của chúng ta.

Đối với an ninh quốc gia, đại dịch COVID-19 đã phơi bày tầm quan trọng của việc đề cao cảnh giác với các đường biên giới của chúng ta. Và nó nêu bật những rủi ro của các chuỗi cung ứng quá mỏng, cũng như sự bất cập tiềm tàng của hiện trạng phụ thuộc vào chuỗi cung ứng toàn cầu đối với các mặt hàng quan trọng như vật tư và thiết bị y tế, các nhu yếu phẩm cơ bản và PPE, bao gồm cả găng tay và khẩu trang.

CHUỖI CUNG ỨNG

XÉT NHU RỦI RO AN NINH QUỐC GIA

Lượng tồn kho quá mỏng cũng như chuỗi cung ứng trải dài cho thấy những rủi ro đối với an ninh quốc gia tại

Hoa Kỳ. Như tôi đã đề cập trong Chương 11, hầu hết các thực thể doanh nghiệp đã quản lý lượng tồn kho trong chuỗi cung ứng của họ ở mức cực kỳ thấp. Mức cung mỏng này làm phát sinh rủi ro, tương tự như vấn đề về khoảng cách địa lý giữa các đối tác thương mại, gây ra độ trễ thời gian giữa thời điểm hàng hóa có thể được đặt hàng và được tiếp nhận.

Như chúng ta đã thấy, độ trễ này rất quan trọng đối với các thiết bị y tế và PPE. Rủi ro thương mại vốn đã là một vấn đề an ninh quốc gia liên quan đến các kim loại dùng để sản xuất vật liệu tại Hoa Kỳ, một nhân tố thúc đẩy đóng vai trò then chốt đằng sau việc áp dụng biểu thuế quan Mục 232 đánh vào nhôm và thép của Hoa Kỳ. Ngoài ra, biểu thuế quan Mục 301 nêu bật những rủi ro đối với an ninh quốc gia Hoa Kỳ do các mối đe dọa của Trung Quốc đối với tài sản trí tuệ của Hoa Kỳ.

Và giờ đây, do ảnh hưởng của COVID-19, PPE và các thiết bị y tế cũng nằm trong danh sách nóng. Kết quả là cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung có thể sẽ nóng thêm lên so với mức độ hiện tại, bởi lẽ những rủi ro trước đây được đánh giá là hơi vặt vãnh thì giờ đây có thể được xem là rủi ro an ninh quốc gia đặt trên một cơ sở lưỡng đáng.

Nói cách khác, cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa giờ đây có lẽ đã nhận thấy những hàng hóa thiết yếu,

bao gồm kim loại dùng để chế tạo vật liệu, PPE cho y tế, thực phẩm và các sản phẩm giấy là quan trọng để duy trì trật tự dân sự. Xét ở một số khía cạnh, việc duy trì chuỗi cung ứng an toàn vốn dĩ là khó khăn khi hàng hóa đến từ một quốc gia quá xa nên không đến nhanh chóng được.

Nhận thức đó giờ đây sẽ giành được nhiều thời lượng phát sóng hơn – nhiều không gian để trò chuyện và nhiều lý do để thảo luận. Vì vậy, sắp tới đây có lẽ chúng ta sẽ được chứng kiến cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa đều sốt sắng hỗ trợ ý tưởng bảo đảm chuỗi cung ứng các thiết bị y tế quan trọng, trang thiết bị PPE, thực phẩm, sản phẩm giấy và dược phẩm để ngăn chặn sự tổn thất mạng sống của người Mỹ trong tương lai – và để giảm thiểu mối nguy hiểm đoạn hoặc đổ vỡ của nền kinh tế Mỹ trong trường hợp xảy ra đại dịch khác nữa.

Xét cho cùng, một trong những lý do hệ trọng khiến chúng ta cần làm chậm sự lây lan của COVID-19 ở Hoa Kỳ và “làm phẳng đường cong” là vì chúng ta không có đủ bác sĩ, y tá, bệnh viện, máy thở, găng tay, khẩu trang hoặc thiết bị khác. Nếu chúng ta chỉ ít có thể kiểm soát được phần nào nguồn thiết bị, thì nhờ đó có chút hy vọng để bảo vệ được nền kinh tế và người dân Mỹ trong tương lai.

RỦI RO BỊ KHAI THÁC

Đại dịch COVID-19 bùng phát cũng đã để lộ ra thực tế rằng Hoa Kỳ có thể bị khai thác trong một sự kiện kiểu như đại dịch. Hơn nữa, nếu như Hoa Kỳ có thể là mục tiêu duy nhất bị nhắm đến, thì điều đó hẳn sẽ đe dọa khá nghiêm trọng đến an ninh quốc gia. Một khả năng nữa, nếu Hoa Kỳ bị dẫn dụ để tin rằng việc làm phẳng đường cong có thể là có lợi – ngay cả khi không phải vậy – thì điều đó cũng có thể gây ra rủi ro.

Trải nghiệm này cũng phơi bày tính chất dễ bị tác động của công chúng Mỹ trước những thông điệp truyền thông và truyền thông xã hội cũng như mối nguy thao túng thông tin xung quanh các chủ đề có thể có căn cứ hoặc không. Đây là một phần tham luận của tôi về rủi ro của các chiến dịch tâm lý [psy-ops] và thứ chân lý chủ quan trong Chương [12].

Nói tóm lại, xét từ góc độ an ninh quốc gia, có lẽ Hoa Kỳ rất muốn giữ cho công nghệ, chăm sóc sức khỏe, y tế, thực phẩm, hàng tiêu dùng và các chuỗi cung ứng khác trở nên vững chắc hơn nữa để từng bước đảm bảo được sự ổn định tối đa cho Hoa Kỳ. Ngoài ra, COVID-19 cũng tình cờ phơi bày ra thực tế rằng một cuộc tấn công sinh học ở cấp độ đại dịch nhắm vào Hoa Kỳ có thể gây hậu quả tệ hại hơn cả sự tàn phá về kinh tế.

Nếu các đối thủ của Hoa Kỳ phát động một cuộc tấn công như vậy, họ có thể liên hợp hành động như thế cùng với các chiến dịch tâm lý trên truyền thông xã hội và truyền thông truyền thống để gây ra tình trạng rối loạn, bất ổn chính trị và thiệt hại kinh tế ở mức độ tối đa, theo một cách thức làm cho cả nước Mỹ hoàn toàn đánh mất sự ổn định ít nhất là trong một khoảng thời gian ngắn.

Những rủi ro loại này nghe có vẻ thái quá. Nhưng chúng ta cũng đã chứng kiến nguồn thực phẩm gần cạn kiệt. Và chúng ta đã chứng kiến người dân Mỹ phải tự cách ly tại nhà.

Về phương diện chính sách, Cục Dự trữ Liên bang [Fed] đang mạnh tay mở rộng bảng cân đối kết toán của mình với 4 nghìn tỷ đô la có thể được thêm vào. Và những sự kích thích bằng chính sách tài khóa trong Đạo luật CARES đã kéo theo một gói 2,3 nghìn tỷ đô la.

Chỉ riêng những hành động chính sách này đã nêu bật cái giá phải trả là đắt ra sao nếu không có sự chuẩn bị thực sự.

Nếu chúng ta, dù chỉ một khoảnh khắc, đắn đo trước chi phí để sản xuất thêm máy thở, khẩu trang và găng tay – và nếu chúng ta chỉ đơn giản đào tạo thêm đội ngũ y bác sĩ, thì những chi phí đó có thể hẳn sẽ vô cùng nhỏ so với con số có khả năng lên đến hơn 6 nghìn

tỷ đô la trong gói cứu trợ nhằm ngăn chặn sự sụp đổ của toàn bộ nền kinh tế Hoa Kỳ.

Đó là những điều mà rất có thể những người làm việc trong bộ phận cốt lõi của ngoại giao, trong quan hệ quốc tế và an ninh quốc gia không hề muốn xem xét.

BỘ KHUNG NOISE

Khi xem xét tầm quan trọng của đại dịch COVID-19 đối với an ninh quốc gia, tôi đã tạo ra cái mà tôi gọi là bộ khung NOISE, dùng để khảo sát một số nhân tố quan trọng nhất góp phần vào an ninh quốc gia và ổn định chính trị.

Dưới đây là bộ khung NOISE và năm nhân tố quan trọng góp phần vào an ninh quốc gia và ổn định chính trị:

- **Necessities** [Những thứ thiết yếu] – *Thực phẩm, điện, nước, nơi trú ẩn, sự an toàn.*
- **Occupations** [Việc làm] – *Công việc, nghề nghiệp và sở thích.*
- **Information** [Thông tin] – *Truy cập được nguồn thông tin chính xác, đầy đủ.*
- **Systems** [Hệ thống] – *Tài chính, y tế, giao thông vận tải, giáo dục.*

- External [Đối ngoại] – *Quan hệ quốc tế, quân sự, chuỗi cung ứng, thương mại.*

Như vậy có thể thấy **trước hết là những thứ thiết yếu**, mà tôi đã tóm gọn thành các thứ gồm thực phẩm, điện, nước, nơi trú ẩn và sự an toàn. Nếu mọi người không có những thứ này, thì nguy cơ bất ổn chính trị là rất dễ xảy ra.

Nếu các nhân tố này ổn định, thì một quốc gia hoặc nền kinh tế sẽ có thể tiếp tục trụ vững. Theo kinh nghiệm mới đây nhất về đại dịch COVID-19, những quan ngại về sự an toàn và thực phẩm đã xuất hiện. Việc duy trì chuỗi cung ứng và các dịch vụ cơ bản cũng như các tiện ích (như điện và nước) của Hoa Kỳ là rất quan trọng.

Thứ hai là việc làm. Vấn đề này xuất phát từ quan niệm cho rằng mọi người – ở cấp độ dân cư – cần có gì đó để làm. Người ta có thể nghỉ hưu và về cơ bản là không làm gì được không? Được, tất nhiên. Nhưng xét tổng thể một quốc gia, người dân cần việc làm, nghề nghiệp và sở thích. Đơn giản là họ cần làm một cái gì đó.

Nhu cầu về lực ổn định này gắn liền với quan niệm nhân cư vi bất thiện. Vấn đề này đã trở nên rất quan trọng trong đợt bùng phát đại dịch COVID-19, khi mọi người buộc phải “ở yên trong nhà”. Một số người vẫn có thể làm việc, nhưng cũng có người lo lắng về việc làm

của họ. Đây là lý do tại sao đạo luật CARES lại quan trọng đến thế. Bởi lẽ kể cả khi người ta không thể làm việc thì họ cần phải biết cơ hội còn có việc làm của họ sẽ vẫn cao sau khi đại dịch kết thúc.

Nhân tố thứ ba của sự ổn định là thông tin. Thông tin không phải là ý kiến. Và thông tin chân chính là thứ rất quan trọng để duy trì trật tự và giữ cho mọi người an tâm – và cùng chung chia lợi ích. Trong nhân tố này, tôi gom cả việc chia sẻ thông tin chính xác và đầy đủ. Ở đây tồn tại rủi ro là thông tin sai, thông tin ngụy tạo, các chiến dịch tâm lý [psy-ops] và ý kiến lại được trình bày như thể đấy là sự kiện có thật và chân lý chủ quan, trong khi thực ra chân lý là khách quan.

Thứ tư là hệ thống. An ninh quốc gia phụ thuộc vào sự vận hành đúng đắn của một số hệ thống chủ chốt, bao gồm hệ thống tài chính, hệ thống chăm sóc sức khỏe, hệ thống giao thông và hệ thống giáo dục. Tất cả những thứ này đã bị phá vỡ hoặc có nguy cơ bị phá vỡ bởi đại dịch COVID-19.

Nhân tố thứ năm của sự ổn định an ninh quốc gia là đối ngoại. Nhân tố này bao gồm các quan hệ quốc tế, sự tồn tại của quân đội và năng lực triển khai quân đội, chuỗi cung ứng toàn cầu và thương mại. Thật may là một số nhân tố cốt lõi này, như quan hệ quốc tế và quân đội, vẫn chưa bị đại dịch COVID-19 hủy hoại. Nhưng

chuỗi cung ứng toàn cầu và thương mại thì có.

Khi xem xét bộ khung NOISE, dễ nhận thấy đại dịch COVID-19 theo cách này hay cách khác đã thực sự đe dọa đến tất cả các trụ cột khác nhau của an ninh quốc gia và ổn định chính trị. Và những rủi ro này biện minh cho hành động quyết liệt của Fed nhằm hỗ trợ thị trường tín dụng, cho động thái của chính phủ liên bang khi thông qua đạo luật CARES trị giá 2,3 nghìn tỷ đô la để giữ vững công ăn việc làm, các cuộc họp báo hàng ngày về COVID-19 trực tiếp từ chúc trách Nhà Trắng và các lãnh đạo chính quyền Trump để chia sẻ thông tin, và những rủi ro đó cũng giải thích tại sao một số quy chế và luật định về chuỗi cung ứng có thể thay đổi trong tương lai – đặc biệt là đối với các trang thiết bị y tế, thuốc men và trang bị PPE.

Đại dịch COVID-19 đe dọa đẩy an ninh quốc gia Hoa Kỳ đến bên bờ vực. Nhưng tính đến nay chúng ta đã giữ vững được phòng tuyến nhờ có hành động kịp thời và đầy ý nghĩa từ nhiều cá nhân đoàn thể thuộc các bên được giao phó trách nhiệm.

Nhưng hẳn nhiên đây không phải là lần cuối cùng loại rủi ro này xuất hiện. Vì vậy, việc phòng ngừa trước rủi ro có thể là rất quan trọng, nhất là vì lần tiếp theo có thể không phải là một rủi ro tình cờ. Vào lần tiếp theo, chúng ta có thể là mục tiêu. Tôi ngờ rằng tương lai của an

ninh quốc gia trong nhiều năm tới sẽ tập trung vào việc cải thiện năng lực phòng bị mang tính chiến lược cho các sự kiện chết chóc đại loại như đại dịch COVID-19.

CÔNG TY CHẾ TẠO VÀ AN NINH QUỐC GIA

Ngoài các rủi ro an ninh quốc gia trên diện rộng vốn đã được phơi bày do đại dịch COVID-19, còn có những rủi ro gắn liền với tình trạng trực trặc xảy đến với các nhà cung ứng cho an ninh quốc gia.

Một số công ty sản xuất các mặt hàng phục vụ cho mục đích an ninh quốc gia, như các nhà chế tạo máy bay và các nhà chế tạo phụ tùng máy bay, có thể nhận thấy bản thân phải gánh chịu những điều kiện kinh tế và kinh doanh đầy thách thức như một phần trong tình trạng giảm tốc ở ngành du lịch hàng không.

Mặc dù đây là tác động thứ cấp của đại dịch COVID-19, nhưng nó lại là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với các thực thể an ninh quốc gia. Trước mắt, các tổ chức an ninh quốc gia sẽ cần phải giám sát gắt gao hơn những rủi ro kinh tế và kinh doanh của các nhà cung ứng quan trọng. Điều này đúng với các nhà cung ứng giao dịch rộng rãi trên quy mô lớn vì nó dành cho các công ty khởi nghiệp chuyên cung cấp vật liệu thiết yếu cho công nghiệp quốc phòng.

Chính phủ giải quyết những rủi ro này trong tương lai như thế nào, đó là điều còn phải tranh luận và chưa rõ ràng. Nhưng có một điều chắc chắn. Ngay cả khi các nhà cung ứng an ninh quốc gia loại này có thể không quá lớn để thất bại, họ có thể vẫn quá quan trọng nên không thể thất bại.

chương 15

TƯƠNG LAI CỦA CHÍNH TRỊ

Đến thời điểm cuốn sách này được xuất bản, không chắc là các biện pháp chống đại dịch COVID-19 sẽ còn tiếp tục không, nhưng một điều có thể xảy ra: Chừng nào còn có những lo ngại bị thổi phồng quá mức và những biện pháp phòng ngừa còn được thực hiện, thì điều đó sẽ gây khó khăn cho việc bỏ phiếu.

Khi chúng ta nghĩ đến cuộc bầu cử tổng thống năm 2020 tới đây, thì nền kinh tế, COVID-19, an ninh quốc gia và các chủ đề khác có thể sẽ đóng vai trò then chốt trong các cuộc tranh luận. Chúng sẽ ảnh hưởng đến cách mọi người bỏ phiếu.

Tuy nhiên, cách mọi người bỏ phiếu sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp nhất bởi câu hỏi liệu COVID-19 có còn là mối quan tâm chính hay không. Nếu những lo lắng xoay quanh COVID-19 còn kéo dài trong mấy tháng tới đây, chúng ta có thể sẽ thấy một số lượng lớn người dân bỏ phiếu bằng hình thức lá phiếu vắng mặt [bỏ phiếu từ xa].

Tất nhiên, phải mất thêm thời gian để đếm những lá phiếu vắng mặt. Và điều này lại gây nên sự thiếu chắc chắn cũng như những rủi ro. Trên thực tế, càng mất nhiều thời gian để xác định xem ai chiến thắng trong cuộc bầu cử, thì càng làm gia tăng mức độ tiêu cực mà nó có thể tác động đến kế hoạch kinh doanh và thị trường tài chính.

MỌI NGƯỜI SẼ ĐI BẦU CỬ TRỰC TIẾP NHƯ THẾ NÀO?

Bầu cử bằng cách bỏ phiếu vắng mặt không diễn ra tức thời như khi người ta bỏ phiếu điện tử trong các cuộc thăm dò, phương thức mà phiếu bầu của họ ngay lập tức được kiểm trên trang web. Tất nhiên, có nhiều cách để bỏ phiếu nhanh hơn thay vì gửi thư trong cách bỏ phiếu vắng mặt. Và cũng có nhiều cách dễ dàng hơn để bỏ phiếu từ xa.

Đơn cử là hình thức bỏ phiếu từ xa bằng văn bản hoặc sử dụng phương thức đăng nhập trên máy tính. Tất nhiên cách này cũng có nhiều vấn đề. Vấn đề nhẹ nhất trong số đó là dành cho những người không sở hữu điện thoại thông minh hoặc máy tính. Và việc bạn có điện thoại hay máy tính không nên là vấn đề tác động đến khả năng bỏ phiếu của bạn.

Tất nhiên, một vấn đề còn lớn hơn nhiều: việc chuyển đổi sang một hệ thống bỏ phiếu điện tử hẳn sẽ là một công việc rất khó khăn – nhất là đối với một đất nước rộng lớn như Hoa Kỳ. Nhiều khả năng là sẽ mất một khoản chi phí đáng kể để tạo ra và sử dụng một hệ thống dạng này. Thêm nữa, chúng ta sẽ cần phải thấy được những thay đổi đáng kể theo chiều hướng chấp thuận, bao gồm các giấy phép mới cấp phát cho việc ghi chép dữ liệu. Và hẳn nhiên sẽ có những thách thức đặt ra cho việc bảo mật dữ liệu và việc các số liệu ghi chép phiếu bầu, các hệ thống và thông tin kiểm phiếu sẽ được bảo vệ như thế nào. Tất cả những điều này làm gia tăng nguy cơ là chúng ta sẽ không thể có được một hệ thống bỏ phiếu điện tử từ xa và vận hành nó. Nói tóm lại, chúng ta đơn giản là chưa có sự chuẩn bị để xử lý nó giữa lúc một đại dịch đang diễn ra.

Điều này trái ngược thấy rõ với việc sử dụng hình thức bỏ phiếu vắng mặt và bỏ phiếu bằng thư vốn đã được thiết lập từ lâu. Hình thức này không cần đến những nền tảng công nghệ mới hoặc những hệ thống mới – mặc dù khối lượng công việc có thể sẽ ở mức kỷ lục.

Thật may là hình thức bỏ phiếu vắng mặt vốn đã tồn tại được một khoảng thời gian rồi. Và chúng đã được sử dụng trong nhiều trường hợp khác nhau. Trên thực

tế, kể từ năm 1997, cư dân Texas đã có thể bỏ phiếu từ ngoài vũ trụ.^[1]

Nói vậy không có nghĩa là chúng ta không nên cố cải thiện các vấn đề bỏ phiếu trong tương lai – hoặc chúng ta không nên cố tìm giải pháp trực tuyến cho vấn đề này. Điều này chắc chắn là đáng để thảo luận, nhưng cần có thời gian để hoàn thành, và sẽ tốn rất nhiều ngân sách. Nếu không muốn mất nhiều thời gian, có thể sử dụng một phương pháp bỏ phiếu vốn đã tồn tại và chỉ cần mở rộng số lượng người sử dụng nó, đây có vẻ là một giải pháp tạm thời tốt nhất trong ngắn hạn – nếu phải cần đến – trong cuộc bầu cử năm 2020 của Hoa Kỳ.

Để biết thêm thông tin về hoạt động bỏ phiếu của Hoa Kỳ, hãy truy cập website chính thức tại đây: <https://www.usa.gov/absentee-vote#item-37337>

Trong dài hạn, tình huống độc đáo ứng với COVID-19 có lẽ sẽ thúc đẩy phương thức bỏ phiếu trực tuyến. Và có lẽ các chính trị gia Hoa Kỳ sẽ phát triển một phương tiện để bỏ phiếu từ xa đối với các dự luật quốc hội nếu chẳng may xảy ra những tình huống trực trực thuộc loại tương tự trong tương lai.

CÁC NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ TỔNG THỐNG

Nền kinh tế có khả năng là vấn đề quan trọng nhất cho cuộc bầu cử tổng thống năm 2020 – như vẫn thường diễn ra trong quá khứ. Trong cuốn *The Dumpster Fire Election*, cũng như trong cuốn sách về bầu cử trước đó của mình, *Midterm Economics*, tôi có lưu ý rằng nền kinh tế gây tác động đến kết quả của cuộc bầu cử tổng thống.

Điều quan trọng nhất, là thị trường việc làm ở Mỹ – và cụ thể là những thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp – ảnh hưởng trực tiếp đến các chiến dịch tái tranh cử như thế nào.

TÍNH CHU KỲ CỦA BẦU CỬ

Có một mối quan hệ lịch sử giữa việc ấn định thời gian bầu cử tổng thống và thời điểm bắt đầu các cuộc suy thoái trải khắp các chu kỳ kinh doanh và các cuộc bầu cử kể từ năm 1854.

Khi phân tích về tính chu kỳ của bầu cử, tôi quan tâm nhất đến thời điểm bắt đầu cuộc suy thoái kinh tế, vì Hoa Kỳ đã ở trong chu kỳ mở rộng kinh doanh hiện thời được một thập kỷ nay rồi – kể từ khi Đại suy thoái kết thúc vào tháng Sáu năm 2009. Chu kỳ kinh doanh

gần đây nhất của chúng ta cũng chính là chu kỳ dài nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

Nhưng như tôi đã cảnh báo trong *The Dumpster Fire Election*, “nói vậy không có nghĩa là nó sẽ tiếp diễn mãi mãi.”

Đây là lý do tại sao việc đánh giá thời điểm tiềm năng và thời điểm bắt đầu cuộc suy thoái tiếp theo là rất quan trọng. Khi nhắm đến mục tiêu là thời điểm khởi đầu cuộc suy thoái, trước đây tôi đã phát hiện ra một loại *tính chu kỳ bầu cử*, loại này có hai thuộc tính chính liên quan đến hiện tượng suy thoái và bầu cử tổng thống trùng khớp nhau như thế nào.

Một thuộc tính của tính chu kỳ bầu cử là *cửa sổ suy thoái-bầu cử*, làm gia tăng nguy cơ mà một cuộc suy thoái bắt đầu ngay trước hoặc ngay sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

Điều này đúng với tất cả, chỉ ngoại trừ một cuộc suy thoái duy nhất kể từ Đại suy thoái.

Thuộc tính thứ hai gắn liền với *giới hạn nhiệm kỳ đối với sự tăng trưởng*, cho thấy rằng trước nay chưa bao giờ xảy ra trường hợp tròn ba nhiệm kỳ tổng thống mà không có một cuộc suy thoái bắt đầu xảy ra.

Điều này đã đúng kể từ năm 1854, tức là từ khi chúng ta có dữ liệu về kinh tế và suy thoái của Hoa Kỳ.

CỬA SỔ BẦU CỬ-SUY THOÁI

Có một khung thời gian hạn hẹp mà trong đó cuộc suy thoái bắt đầu xảy ra, và điều này thường xảy ra đầu đó xung quanh thời điểm của các cuộc bầu cử tổng thống. Hiện tượng này đại khái có thể gọi là *cửa sổ bầu cử-suy thoái*.

Nếu nhìn lại tất cả các cuộc suy thoái được ghi nhận chính thức kể từ năm 1854, chúng ta sẽ thấy rằng cửa sổ bầu cử-suy thoái đã thực sự bị thu hẹp kể từ năm 1928. Nói cách khác, kể từ cuộc Đại suy thoái, các cuộc suy thoái sau đó đều bắt đầu gần với bầu cử hơn trước. Thêm nữa, chỉ có duy nhất một cuộc suy thoái bắt đầu từ năm 1928 đã không xảy ra trong 11 tháng trước thời điểm của một cuộc bầu cử tổng thống hoặc trong 13 tháng sau cuộc bầu cử tổng thống. Đây là một phần then chốt về vấn đề cửa sổ bầu cử-suy thoái và chúng ta đã ở trong đó nhiều tháng rồi!

GIỚI HẠN NHIỆM KỲ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG

Từng có những cuộc bầu cử không có suy thoái, nhưng chưa bao giờ có ba nhiệm kỳ tổng thống liên tiếp mà không có một cuộc suy thoái nảy sinh. Chưa bao giờ.

Trong lịch sử, kể từ năm 1854, số lượng tối đa các

nhiệm kỳ tổng thống mà không có cuộc suy thoái nảy sinh là hai. Không hề có ngoại lệ. Hãy nghĩ về nó như là một hiện tượng *giới hạn nhiệm kỳ đối với tổng trưởng*, cũng chính là thuộc tính thứ hai của tính chu kỳ bầu cử.

Như tôi đã lưu ý trong cuốn sách xuất bản vào tháng Sáu năm 2019, *The Dumpster Fire Election*, “Có nghĩa là, nếu xem xét toàn bộ lịch sử chu kỳ kinh doanh của Hoa Kỳ, khả năng là chúng ta có thể thấy cuộc suy thoái tiếp theo sẽ bắt đầu trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ hiện tại của Trump.”

Dựa trên những gì chúng ta đang được chứng kiến giữa thời điểm COVID-19 gây ra những tác động kinh tế ngắn hạn trước mắt và tiềm tàng, thì động lực của tính chu kỳ bầu cử và các cửa sổ bầu cử-suy thoái dường như vẫn đang vận hành đúng.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA TỶ LỆ THẤT NGHIỆP

Chỉ có 12 tổng thống một nhiệm kỳ trong lịch sử Hoa Kỳ, và chỉ có ba tổng thống một nhiệm kỳ trong một trăm năm gần đây: Carter, George H. W. Bush và Hoover. Ngoài các tổng thống này, một số người cũng coi Ford là tổng thống một nhiệm kỳ vì ông lên thay Nixon và ra tái cử – nhưng ông đã thua cuộc.

Trong cả bốn trường hợp đó – Carter, Bush, Hoover

và Ford – tỷ lệ thất nghiệp của Hoa Kỳ trong tháng trước khi diễn ra cuộc bầu cử tổng thống là cao hơn so với tỷ lệ thất nghiệp vào tháng Mười một của cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ trước. Hiện tượng này đã không xảy ra với bất kỳ nhiệm kỳ đầu tiên nào của các tổng thống Mỹ khác kể từ năm 1930.

Trong Hình 15-1, chúng ta có thể nhận thấy tất cả những sự gia tăng này, ngoại trừ dưới thời Hoover. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng rất thê thảm dưới thời Hoover trong cuộc Đại suy thoái, từ 3,2% vào cuối năm 1930 (năm diễn ra cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ) lên 16,9% vào cuối năm 1932 (năm của cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo).^[2]

HÌNH 15-1: Những thay đổi về số liệu Kinh tế⁽³⁾

Các chỉ số kinh tế	Giữa nhiệm kỳ tổng thống Năm bầu cử giữa nhiệm kỳ	Truman 1950	EH 1954	EH 2 1958	JFK/JBI 1962	LIB 1966	Nixon 1970	Nixon/Ford 1974	Carter 1978	Regan 1982	Regan 2 1986	Bush41 1990	Clinton 1994	Clinton 2 1998	Bush43 2002	Bush43 2 2006	Obama 2010	Obama 2 2014
Xây dựng nhà cửa mới	Tháng bầu cử giữa nhiệm kỳ (tháng 11) Tháng trước cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo (tháng 10) Thay đổi				1622 1524 -98	961 1569 608	1647 2485 838	1026 1629 603	2094 1523 -571	1372 1590 218	1623 1522 -101	1145 1244 99	1511 1392 -119	1660 1549 -111	1753 2072 319	1570 777 -793	545 915 370	1001 1327 326
Sản xuất công nghiệp	Tháng bầu cử giữa nhiệm kỳ (tháng 11) Tháng trước cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo (tháng 10) Thay đổi	3.4 1.8 -1.6	-0.1 0.7 0.8	0.7 0.8 0.1	1.1 1.3 0.2	2.5 2.0 -0.5	-2.4 4.3 6.7	-2.5 3.0 5.5	3.3 -1.7 -5.0	-3.3 2.9 6.2	0.9 1.9 1.0	0.1 1.9 1.8	4.4 3.8 -0.6	3.2 2.4 -0.8	3.1 3.2 0.1	1.6 -7.4 -9.0	4.8 1.8 -3.0	3.8 -1.3 -5.1
Tỷ lệ thất nghiệp	Tháng bầu cử giữa nhiệm kỳ (tháng 11) Tháng trước cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo (tháng 10) Thay đổi	4.2 3.0 -1.2	5.3 3.9 -1.4	6.2 6.1 -0.1	5.7 5.1 -0.6	3.6 3.4 -0.2	5.9 5.6 -0.3	6.6 7.7 1.1	5.9 7.5 1.6	10.8 7.4 -3.4	6.9 5.4 -1.5	6.2 7.3 1.1	5.6 5.2 -0.4	4.4 3.9 -0.5	4.4 5.5 -0.4	4.5 6.5 2.0	9.8 7.8 -2.0	5.8 4.9 -0.9
Doanh số bán ô tô	Tháng bầu cử giữa nhiệm kỳ (tháng 11) Tháng trước cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo (tháng 10) Thay đổi								15.5 11.4 -4.1	12.0 14.6 2.6	14.8 15.2 0.4	13.1 13.7 0.6	15.9 15.3 -0.6	16.1 17.5 1.4	16.5 17.5 1.0	16.7 10.9 -5.8	12.3 14.8 2.5	17.2 18.2 1.0
GDP thực	Tháng bầu cử giữa nhiệm kỳ (tháng 11) Tháng trước cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo (tháng 10) Thay đổi	8.7 4.1 -4.6	-0.6 2.1 2.7	-0.7 2.6 3.3	6.1 5.8 -0.3	6.6 4.9 -1.7	0.2 5.3 5.1	-0.5 5.4 5.9	5.6 -0.2 -5.8	-1.9 7.3 9.2	3.5 4.2 0.7	1.9 3.6 1.6	4.0 3.8 -0.2	4.4 4.1 -0.4	1.8 3.8 2.0	2.7 -0.3 -3.0	2.5 2.2 -0.3	2.6 1.5 -1.1

BÀN CỜ CHÍNH TRỊ VÀ CÁC BANG CHIẾN TRƯỜNG

Trong năm 2020 này – cũng như hầu hết các cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ – bàn cờ địa lý của các cuộc bầu cử được định rõ từ trước cuộc bầu cử, trong đó các bang nào có chiến sự gay cấn [swing state] sẽ có ảnh hưởng quyết định đến kết quả của cuộc bầu cử tổng thống.

Tất nhiên, dựa trên phân tích của chúng tôi, một nhân tố có nhiều tiềm năng làm thay đổi các bang có chiến sự gay cấn – và nói chung, làm thay đổi cuộc bầu cử – là tỷ lệ thất nghiệp, và dữ liệu trong Hình 15-1 cũng hàm chứa khả năng [xác suất] trúng cử nhiệm kỳ thứ hai.

NHỮNG HÀM Ý DÀNH CHO CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG NĂM 2020

Quả thật có lý khi nói rằng việc làm là vấn đề quan trọng. Luôn là như vậy! Và khả năng là tình trạng việc làm và tình trạng thất nghiệp cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong cuộc bầu cử năm 2020. Vào tháng Mười một năm 2018, tỷ lệ thất nghiệp là 3,7% – gần mức thấp kỷ lục mọi thời đại. Nhưng các mức thấp lịch sử về tỷ lệ thất nghiệp lại rất khó để duy trì. Tuy nhiên, ngay cả vào thời điểm

đầu năm 2020, cũng có vẻ hợp lý nếu như dự đoán rằng tỷ lệ thất nghiệp có khả năng vẫn còn thấp vào tháng Mười năm 2020.

Thế nhưng đại dịch COVID-19 đã đánh phủ đầu vào kỳ vọng này, khi đẩy tỷ lệ thất nghiệp tăng mạnh, khả năng là đến thời điểm bầu cử tổng thống năm 2020 tỷ lệ đó sẽ còn cao hơn mức từng thấy vào tháng Mười một năm 2018.

Xét như một trường hợp cơ bản, tôi dự đoán tác động của COVID-19 sẽ rất nghiêm trọng đối với tỷ lệ thất nghiệp của Hoa Kỳ, và tỷ lệ này có khả năng sẽ đặc biệt cao trong quý hai năm 2020. Hơn nữa, tôi dự đoán tình trạng leo thang của mức độ thất nghiệp và không có việc làm có thể vẫn còn tiếp diễn trong suốt năm 2020 và sau đó nữa.

Trên thực tế, dựa trên các mô hình tôi đã xây dựng, nhiều khả năng là trong ít nhất hai năm rưỡi nữa, tỷ lệ thất nghiệp vốn đã tăng cao thì sẽ không thể trở lại mức trước đại dịch.

Dựa trên dữ liệu lịch sử liên quan đến tỷ lệ thất nghiệp và các cuộc bầu cử tổng thống Mỹ của thế kỷ vừa qua, kịch bản kể trên sẽ hạ thấp khả năng được tái cử của Trump.

ĐIỀU GÌ SẼ THAY ĐỔI VÀ ĐIỀU GÌ KHÔNG

Một số thứ rồi đây sẽ thay đổi trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2020 – và cũng có thứ sẽ vẫn như cũ. Như bạn đã thấy trong chương này, nền kinh tế đóng vai trò rất quan trọng, gây tác động đến việc mọi người sẽ bỏ phiếu ra sao – và điều đó có khả năng vẫn đúng trong năm 2020.

Trong số những thay đổi lớn diễn ra trong cuộc bầu cử lần này có khả năng là bao gồm cả sự đồng thuận lớn hơn của lưỡng đảng trước những rủi ro thương mại và chuỗi cung ứng, các vấn đề an ninh quốc gia liên quan đến Trung Quốc và tầm quan trọng của thâm hụt chi tiêu cũng như tầm quan trọng của nền kinh tế hậu COVID-19.

Tất nhiên, mỗi ứng cử viên có lẽ đều có ý kiến khác hẳn nhau về những gì nên làm và cần làm để kích thích nền kinh tế và giúp nó phục hồi. Nhưng đạo luật CARES đã nhận được sự ủng hộ của lưỡng đảng và khả năng là cả hai đảng đều sẽ bỏ lại phía sau thứ tư tưởng bảo thủ đối với vấn đề tài khóa khi mà nguy cơ thất nghiệp tăng lên.

Khi tôi viết ra những dòng này, người ta vẫn chưa hoàn toàn nhận thấy tác động của tình trạng yếu kém do COVID-19 gây ra trong nền kinh tế. Và với tình hướng

có một không hai mà chúng ta đang lâm vào, xét về mặt lịch sử, thì kết quả của nó cũng có thể khá là bất thường. Tuy nhiên, nếu nền kinh tế vẫn tiếp tục yếu kém, nó sẽ làm giảm khả năng [xác suất] tái đắc cử của Tổng thống Trump.

chương 16

TƯƠNG LAI CỦA LÃNH ĐẠO

Tương lai rồi sẽ khác so với hiện tại. Và một trong những điều quan trọng nhất sẽ thay đổi là cách thức người ta làm việc.

Nhóm thay đổi đang diễn ra (và có khả năng tăng tốc) này được gọi bằng cụm từ “tương lai của việc làm”. Là một nhà lãnh đạo, bạn cần biết những gì đang tới *và* điều đó có ý nghĩa gì đối với việc thể hiện khả năng lãnh đạo của bạn.

Ở đây, dù không nhanh chóng đi vào điểm nút, nhưng những thay đổi sắp sửa xảy ra sẽ làm cho việc thể hiện vai trò lãnh đạo trở thành một phần quan trọng hơn rất nhiều trong công việc của bạn – nhất là khi bạn muốn chinh phục một công việc đang ngày càng nhiều thay đổi – và có được nấc thang sự nghiệp được phân bổ rộng hơn về mặt địa lý.

Trong những năm gần đây có một xu hướng chủ đạo đã và đang tăng tốc nhanh chóng, đó là làm việc từ xa. Thực tế, trong giai đoạn giữa năm 2005 và 2015,

số người làm việc từ xa đã tăng gấp đôi. Và nhịp độ đó chưa hề cho thấy có dấu hiệu chậm lại. Trên thực tế, có khả năng nó sẽ tăng tốc.

Khi tôi thành lập công ty nghiên cứu tài chính Prestige Economics vào năm 2009, tôi dự kiến nó sẽ được vận hành theo mô hình làm việc từ xa. Chúng tôi chưa bao giờ có văn phòng. Thời điểm đó một số người nghĩ tôi điên. Một số người tôi biết hẳn sẽ bất ngờ hơn [so với việc thành lập công ty] nếu tôi nói với họ rằng tôi sắp sửa tham gia vào rạp xiếc.

Nhưng chỉ 10 năm sau, vào năm 2019, 30% việc làm là thuộc loại toàn thời gian và làm từ xa. Và 54% việc làm ở Hoa Kỳ bắt buộc phải làm việc từ xa ít nhất mỗi tháng một lần.^[1]

Nghe thì có vẻ khá nhiều, nhưng mức đó vẫn còn khá thấp so với những gì tôi chờ đợi chúng ta sẽ chứng kiến trong tương lai.

Làm việc từ xa thật là tuyệt vời. Bạn có thể linh hoạt hơn trong cách thức, thời gian và nơi bạn làm việc. Nhưng về mặt thể chất, bạn cũng bị mất kết nối với đồng nghiệp, với người quản lý và khách hàng của mình. Và cách duy nhất để giảm thiểu khoảng cách đó là làm điều gì đó thật hữu hiệu – làm điều gì đó có thể nhận thấy.

Làm một công việc tốt là quan trọng. Đó luôn là nhiệm vụ số một. Nhưng như thế thực sự là chưa đủ –

nhất là nếu bạn muốn vươn lên trong một lĩnh vực mà những nhân sự trong ngành đó ngày càng bị phân tán.

Bạn có từng nghe người ta nói, “Bạn cần phải bước lên để trở nên nổi bật?” Chà, đó chính là chìa khóa!

Bạn cần có một cách thức tích cực để bước lên. Bạn cần phải thể hiện những gì bạn biết để được kết nối với những con người bị ngăn cách bởi không gian và thời gian – hoặc có lẽ chỉ ít là chênh nhau vài múi giờ.

Xây dựng vị thế nổi bật của bạn với tư cách một nhà lãnh đạo không chỉ là một bài tập luyện cho hiện tại. Và bạn có thể nhận thấy, nó thực sự sẽ trở thành một thành phần ngày càng cần thiết cho sự thành công và thăng tiến trong tương lai.

Đây có lẽ là một trong những vấn đề chuyên môn lớn nhất mà người ta có thể nhận ra nhờ trải nghiệm làm việc từ xa khi đối mặt với đại dịch COVID-19.

Thế nên bạn cần có khả năng thể hiện thật rõ ràng năng lực lãnh đạo trong phương thức làm việc từ xa.

chương 17

TƯƠNG LAI CỦA DU LỊCH VÀ GIẢI TRÍ

Các ngành du lịch và giải trí đã bị COVID-19 tàn phá nặng nề. Và có khả năng sẽ phải chịu tác động trong suốt cả năm – và có thể là trong tương lai nữa.

Toàn bộ kịch bản này được bắt đầu bằng một câu hỏi: Ngay sau khi COVID-19 qua đi, làm sao bạn có thể ngay lập tức muốn đi du lịch đến Vegas và đến một sòng bạc – hay đến Orlando và ghé thăm một công viên giải trí?

Đây là loại câu hỏi sẽ tác động mạnh đến du lịch trong một hoặc hai năm tới. Nhưng xét trong tương lai xa hơn năm nay, chúng ta sẽ phải cân nhắc xem tương lai của du lịch và giải trí có thể chịu ảnh hưởng như thế nào do một hệ quả lâu dài của COVID-19.

Đâu là loại tác động mà chúng ta dự đoán sẽ gây ra cho các phương tiện du lịch, cho các điểm đến và cho các xu hướng tiềm năng có thể phát sinh từ tình huống có một không hai này?

Hãy cùng đào sâu tìm hiểu!

RỦI RO ĐỐI VỚI CÁC TRUNG TÂM DU LỊCH VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LIÊN QUAN

Trong năm nay và năm tới, một số rủi ro và tác động tiêu cực thuộc loại trầm trọng do COVID-19 có thể sẽ xảy ra đối với các trung tâm du lịch lớn, như Las Vegas, Orlando và New Orleans.

Và các tác động tiêu cực đó có thể để lại dư chấn kinh tế đáng kể đối với các thành phố nơi có cầu cao về du lịch và hội nghị, như thành phố New York, Austin, Houston, San Diego, Asheville, và nhiều thành phố khác.

Những tổn thất kinh doanh này có thể sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động và các công ty trong ngành du lịch. Nhưng nó cũng có khả năng gây tác động thứ cấp đến các ngành công nghiệp khác. Và thậm chí có thể còn gây ra những tác động bậc ba [third-order] tiêu cực.

Thực tế, sự giảm sút của nhu cầu du lịch và hội nghị có thể sẽ còn lan xa, tiềm tàng những tác động tai hại đến thị trường nhà ở quy mô khu vực gắn liền với các trung tâm du lịch.

Những rủi ro kinh tế tiêu cực này phần nào phát sinh từ các quy chế của chính phủ nhằm tránh sự chen chúc ở khu dân cư, nhưng khả năng là cũng sẽ có một sự giảm sút thu nhập khả dụng, kéo theo tác động tiêu cực

đến ngành du lịch và các trung tâm du lịch trong năm tới – và xa hơn thế nữa.

TÁC ĐỘNG CỦA LOẠI HÌNH “KỲ NGHỈ TẠI CHỖ” BẮT BUỘC

Mặc dù những rủi ro về bất lợi ngắn hạn đối với các trung tâm du lịch dường như nhiều khả năng sẽ xảy ra, nhưng tác động trung hạn đến ngành du lịch vốn đã trải qua mùa COVID-19 lại hỗn tạp hơn một chút – và không chắc chắn.

Có những câu hỏi sẽ quyết định xem điều này sẽ diễn ra như thế nào.

Ví dụ, chuyện gì sẽ xảy ra nếu nhìn chung mọi người đều ưa thích kỳ nghỉ tại chỗ [staycation] bắt buộc dưới nhiều hình thức, do hệ quả của những chính sách khuyến cáo “ở yên tại chỗ” mùa COVID-19?

Xét cho cùng, nếu họ thích loại hình đó, đồng nghĩa là trong tương lai – dựa trên trải nghiệm tích cực về kỳ nghỉ tại chỗ – có lẽ một số người thực sự sẽ thích chúng hơn so với loại kỳ nghỉ đi du lịch tới những nơi xa lạ.

Đây không phải là khẳng định chắc chắn, cũng không phải là một giả thuyết.

Đây chỉ là một kết quả có thể có trong tương lai.

Bất cứ khi nào người ta có một trải nghiệm mới,

thì nhất định cũng có một số người thích nó. Tất nhiên, cũng có người có thể ghét nó.

Phải, trong tương lai có lẽ một số người sẽ thích loại hình kỳ nghỉ tại chỗ. Khái niệm này vẫn còn tương đối mới, và từ này [*staycations*] mới chỉ được sử dụng chưa tới 20 năm về trước. Nhưng kể từ đó, đã có một xu hướng xoay quanh loại hình kỳ nghỉ này.

Tôi đã thử, và thấy khá thích.

Nhưng khi mà một số người có lẽ sẽ thích kiểu “kỳ nghỉ tại chỗ” bắt buộc, thì cũng vậy, lại có người chắc chắn sẽ ghét nó. Thực tế, có lẽ chúng ta sẽ được thấy rằng những người khác – do kết quả trực tiếp của trải nghiệm này – quyết định rằng họ không bao giờ muốn dành quá nhiều thời gian ở nhà một lần nữa.

Một trải nghiệm như vậy theo thời gian thực sự có thể làm gia tăng nhu cầu du lịch và đi nghỉ.

Cho dù xu hướng chung của mọi người là thích hay ghét, tình thế bắt buộc của loại hình kỳ nghỉ tại chỗ sẽ tác động đến nhu cầu du lịch trong tương lai xét trong trung hạn. Và trải nghiệm của mọi người ra sao, đó vẫn là vấn đề còn bỏ ngỏ.

Bất kể trải nghiệm đó sẽ ra sao, nhưng có một điều có vẻ chắc chắn: Có khả năng người ta sẽ nhận thức rõ hơn về khoảng cách xã hội trong tương lai – cả trong ngắn hạn và trung hạn.

Có lẽ chỉ trong dài hạn thì những tác động này mới có khả năng bị đảo ngược.

Trong giai đoạn trước mắt, điều này có nghĩa là các lễ hội, công viên giải trí, khu nghỉ dưỡng đông đúc, lễ hội hóa trang, hội chợ, buổi hòa nhạc và các cuộc tụ họp quy mô lớn khác có thể là những thứ mà người ta sẽ tránh xa khi họ đi nghỉ.

Vì vậy, kể cả khi người ta đi nghỉ vào mùa hè này hoặc trong năm nay, nhiều khả năng họ sẽ đến một nơi ít đông đúc hơn với khoảng cách xa hơn một chút.

Tất nhiên, khả năng này không có vẻ sẽ đúng với *tất cả* mọi người. Nhưng chúng ta không xem xét những quyết định du lịch mang tính đơn lẻ. Chúng ta cần xem xét những quyết định ở cấp độ dân cư. Vì vậy, kể cả khi sắp tới đây một số người vẫn không hề bị dao động trước ảnh hưởng của COVID-19, chúng ta vẫn cần cân nhắc khả năng rằng toàn bộ dân cư nói chung thay đổi hành vi của họ – ít nhất là trong giai đoạn trước mắt, khi nỗi sợ COVID-19, chuẩn mực về khoảng cách xã hội, và mối lo về tài chính là những thứ nổi bật hơn cả.

NHỮNG RỦI RO COVID-19 TRONG DÀI HẠN

Ngoài những động lực gây tác động đến du lịch nói chung, chúng ta cũng có thể thấy những năm tới đây

một số thành phố sẽ phải chịu đựng các đợt COVID-19 bùng phát ở các khu vực khác nhau vào các thời điểm khác nhau. Về cơ bản, rủi ro này có thể quyết định xem những chính sách giảm thiểu hoạt động đi lại nào sẽ trở nên thiết yếu, khi mà những chỉ thị “ở yên tại chỗ”, lệnh cấm di chuyển và cách ly đột nhiên xuất hiện ở khắp các khu vực khác nhau.

Tháng tới đây, có thể là New York.

Một tháng sau, có thể là Los Angeles.

Nhưng một tháng sau đó nữa, có thể là Miami hoặc Chicago.

Cũng giống như sự tác động của kiểu kỳ nghỉ tại chỗ, khả năng ban hành những lệnh cấm đi lại hoặc những chính sách liên quan đến các điểm nóng COVID-19 có vẻ kém phần chắc chắn. Điều này xem ra đặc biệt đúng khi đem so với dự kiến chắc chắn hơn: đó là khi phát biểu rằng trong tương lai nhiều người sẽ làm việc từ xa – hoặc rằng chúng ta có thể sẽ được thấy những thay đổi trong cách mọi người nhận thức về giáo dục trực tuyến như một kết quả của giáo dục trực tiếp tại nhà theo dạng bắt buộc trong một thế giới sống chung với COVID-19.

NHỮNG ĐỘNG LỰC NHIỀU KHẢ NĂNG SẼ ĐÚNG

Đối với một số chủ đề về du lịch, đây là một lĩnh vực mà đơn giản là chúng ta không thể làm rõ được tương lai, và do đó cần xem xét đến những kịch bản tương lai khác nhau.

Nhưng có vài điều dường như nhiều khả năng sẽ là đúng khi nói về du lịch và giải trí.

Đầu tiên, du lịch và giải trí nhìn chung là được tài trợ bởi thu nhập khả dụng. Điều này đúng về phương diện cá nhân, và cũng đúng ở cấp độ doanh nghiệp. Nói vậy nghĩa là nguồn tài chính của cả cá nhân cũng như doanh nghiệp dành cho du lịch và giải trí đều có khả năng giảm sút nếu nền kinh tế vẫn tiếp tục chịu áp lực.

Các bộ phận phụ trách việc đi lại của công ty sẽ nhanh chóng tăng cường việc giám sát và cắt giảm khi dòng tiền của công ty bị chậm lại. Điều này có nghĩa là ngay cả nếu như hoạt động kinh doanh hội nghị có thể quay trở lại khi nỗi sợ và rủi ro COVID-19 nhạt dần, thì các doanh nghiệp vẫn chưa vội chi tiền cho các hội nghị không có Lợi nhuận trên đầu tư trực tiếp ROI [Return On Investment].

Kịch bản này có thể đặc biệt tệ hại đối với ngành du lịch nếu người ta không lấy lại được công việc của mình trong các ngành đó. Nhưng kể cả khi người lao

động trong các ngành lữ hành, du lịch và giải trí lấy lại được công việc của mình, thì các công ty lữ hành, như các hãng hàng không, vẫn có thể phải chứng kiến biên lợi nhuận của họ giảm mạnh – ngay cả khi hoạt động lữ hành gia tăng trở lại.

Xét cho cùng, các hãng hàng không cũng không tạo được biên lợi nhuận tốt nhất từ những hành khách là doanh nhân đi vào phút cuối, cũng như từ những ghế hạng thương gia và hạng nhất. Đây là lý do tại sao khi có sự giảm mạnh về nhu cầu đi lại làm ăn, thì khả năng sinh lợi của các hãng hàng không cũng giảm theo.

Ngành kinh doanh hội nghị vốn dĩ sinh lợi cũng có thể bị ảnh hưởng. Và điều này sẽ có tác động tiêu cực đến các khách sạn.

Nhìn tổng thể, ít có khả năng là người dân và doanh nghiệp sẽ chi tiền cho những thứ không cần thiết như giải trí và du lịch, ít nhất là trong một hoặc hai năm tới.

Ghế hạng thương gia trên các chuyến bay quốc tế cũng thường mang lại rất lợi nhuận rất lớn, đó là lý do tại sao các hãng hàng không cạnh tranh quyết liệt trên các tuyến bay đường dài. Nhưng những chính sách thắt chặt hơn về hoạt động đi lại sẽ làm giảm nhu cầu của ghế hạng thương gia – cũng tương tự trường hợp có sự sụt giảm lớn về tài sản cá nhân đi kèm với sự sụt giảm

đáng kể trên thị trường chứng khoán, giống như những gì chúng ta đã thấy gần đây.

Tất nhiên, sẽ là rất lạc quan nếu kỳ vọng các chuyến bay quốc tế sẽ được khôi phục trong thời gian trước mắt.

RỦI RO CHO LỮ HÀNH QUỐC TẾ

Lữ hành quốc tế có thể vẫn còn nhiều khó khăn – nếu không muốn nói bất khả – do hậu quả của đại dịch COVID-19.

Trong những cuộc thảo luận gần đây với các giám đốc điều hành, chúng tôi đã tranh luận xem đâu là thời điểm an toàn để lên kế hoạch cho một chuyến đi quốc tế. Theo đó, cuộc thảo luận của chúng tôi đã tập trung vào việc xác định thời gian mà một người có thể, chẳng hạn, đi một chuyến đến châu Âu.

Câu hỏi ở đây là, khi nào bạn có thể lên kế hoạch cho chuyến đi hai tuần tới châu Âu mà chỉ mất hai tuần – thay vì sáu tuần?

Nói cách khác, khi nào một chuyến đi đến châu Âu sẽ không đòi hỏi phải cách ly bắt buộc hai tuần khi bạn đến đó, và sau đó lại nhận được yêu cầu cách ly hai tuần nữa khi bạn quay trở về.

Chuyến đó có thể mất vài tháng – hoặc có thể nhiều hơn nữa.

Chương trình đi lại kiểu đó chẳng hiệu quả chút nào.

Và đó sẽ là một vấn đề dành cho các công ty đang cố kinh doanh trong những lĩnh vực đòi hỏi phải đích thân đi ra nước ngoài.

Sự thật là không chỉ phải mất vài tháng – hoặc lâu hơn – trước khi việc đi lại giữa các nước trở lại “bình thường”. Mà trong tương lai, các lệnh cấm dành cho đường bay quốc tế có khả năng sẽ được thực thi nhanh hơn nhiều so với hiện tại, vào thời điểm bùng phát COVID-19.

RỦI RO CHO DU LỊCH TÀU BIỂN TRONG GIAI ĐOẠN GIẢM QUY MÔ

Có vẻ như du lịch tàu biển [cruise-line] sẽ gặp những vấn đề lớn về tài chính và kinh doanh trong thời gian trước mắt. Những rủi ro này càng trở nên nổi bật do sự bùng phát dịch trên du thuyền *Diamond Princess*, một trong những điểm khởi phát đại dịch COVID-19.

Trong lịch sử, bất cứ khi nào có đợt bùng phát của dịch bệnh nào đó, các tàu du lịch đường biển cũng thường bị vướng vào nạn dịch. Nhìn chung, du lịch đường biển là hình thức du lịch có giá trị cao nhất. Xét cho cùng, bạn có rất nhiều lựa chọn về điểm đến, và được thưởng thức

đủ thứ món ăn.

Chung quy lại, giá trị của du lịch đường biển là đặc biệt cao. Đây là một trong những lý do khiến phân khúc này trở nên được ưa thích trong những năm gần đây. Tuy nhiên, theo đúng nghĩa đen bạn thực sự đặt mọi người vào những khoảng không gian khép kín hơn. Và những không gian khép kín đó trở thành mối nguy cơ lớn hơn nếu rủi có xảy ra một kịch bản kiểu đại dịch, một kịch bản đã xảy ra với *Diamond Princess* vào thời điểm dịch coronavirus bắt đầu bùng phát.

Dự kiến trong năm nay, năm tới và có khả năng trong vài năm nữa, chúng ta sẽ chứng kiến sự sụt giảm đáng kể của nhu cầu du lịch đường biển.

Sự sụt giảm nhu cầu này sẽ không phát sinh từ tình trạng sụt giảm thu nhập khả dụng, nhưng nó cũng có thể là một hàm số của sự giảm tổng cầu ở cấp độ dân số, xuất phát từ những mối quan ngại về COVID-19 và những chuẩn mực về giãn cách xã hội.

THAY ĐỔI VỀ MẶT CHUYÊN MÔN TRONG DÀI HẠN

Còn có một tác động tiềm năng đáng kể khác của ngành lữ hành mà có thể xảy ra do COVID-19. Có khả năng một số người sẽ chọn cách thay đổi hoàn toàn nghề nghiệp

và cách thức đi làm của họ do trải nghiệm sau đợt bùng phát của COVID-19.

Nói ngắn gọn, việc phải hạn chế đi lại có lẽ sẽ khiến cho một số hành khách làm kinh doanh phải thay đổi nghề nghiệp, công việc và cuộc sống của họ để ít phải đi lại hơn.

Tôi biết điều này là vì chính tôi cũng từng rơi vào hoàn cảnh tương tự, khi mà tôi gần như suốt ngày phải đi trên đường. Nhưng do hậu quả của đại dịch COVID-19, tôi đã buộc phải thay đổi cách làm ăn của mình.

Nếu cứ tiếp tục làm như vậy, nó có thể làm giảm đáng kể hoạt động đi lại của mình. Và nếu điều này xảy ra với tất cả hoạt động đi lại nói chung, tổng cầu lữ hành có thể giảm ở cấp độ dân số.

Nếu toàn bộ những người làm kinh doanh, tức nhóm hành khách mang lại biên lợi nhuận cao, ít di chuyển bằng đường hàng không, thì điều này có thể gây nên sự giảm sút tổng cầu về số dặm bay. Và tình trạng đó có thể làm giảm số dặm bay nhiều khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

Có lẽ cũng y hệt như cách mọi người tăng cường làm việc từ xa và làm việc tại nhà do đại dịch COVID-19, chúng ta cũng sẽ thấy họ gia tăng số lượng hội nghị và các cuộc họp từ xa, thay vì tiến hành nhiều cuộc hội họp trực tiếp như đã từng làm trong quá khứ.

Đây không nhất thiết chỉ là một cách để giảm chi phí, phải không?

Điều đó cũng giống như tác động của việc đi lại ít hơn. Bởi vì khi bạn giảm thời gian đi lại, bạn tiêu ít tiền để mua xăng, và do đó bạn tiết kiệm được tiền. Nhưng quan trọng hơn, nó giúp bạn tiết kiệm thời gian – và điều đó đặc biệt đúng khi chúng ta nghĩ về việc bay đến đâu đó để họp hành.

Vé máy bay cũng không hẳn là khoản chi phí lớn nhất.

Chính thời gian hàng giờ cả đi lẫn về cùng với sự căng thẳng của việc đi công tác mới làm thành khoản chi phí lớn nhất mà người ta có thể sẽ cố tránh.

Tôi biết bạn có thể đang đọc điều này và nghĩ rằng, “Tôi rất thích lữ hành.” Nhưng chuyến lữ hành vì công chuyện [business travel] thực sự là một thứ hoàn toàn khác – và hầu hết dân kinh doanh đều coi lữ hành vì công việc làm ăn đơn giản là *đi đường*.

Và cho phép tôi nói với các bạn, đi đường là một việc mệt nhọc và buồn chán.

TƯƠNG LAI CỦA DU LỊCH VÀ GIẢI TRÍ

Tóm lại, trong tương lai chúng ta sẽ chứng kiến một số thay đổi đáng kể trong cách mọi người đi lại. Những

thay đổi đáng kể nhất có lẽ sẽ xảy ra trong tương lai gần, khi nhu cầu đi lại và giải trí giảm sút đáng kể ở khắp các khu vực do sự tác động trộn lẫn của các chuẩn mực giãn cách xã hội và nỗi sợ COVID-19, cũng như do sự giảm sút thu nhập khả dụng và hạ thấp chi tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

Không gian cá nhân không phải là thứ bạn cảm thấy thật rộng rãi thoải mái trong hầu hết các chuyến bay. Và vì các chuẩn mực giãn cách xã hội mới và nỗi sợ COVID-19 treo lơ lửng trên đầu, tôi cho rằng chúng ta có thể chứng kiến tình trạng giảm sút nhu cầu bay vẫn còn tồn tại trong một khoảng thời gian đáng kể và còn kéo dài, mặc dù cũng có một bộ phận dân cư nhất định vẫn nóng lòng muốn bay đi đâu đó.

Trong dài hạn, chúng ta có thể chứng kiến một động thái dịch chuyển xã hội trong cách mọi người nhìn nhận về việc đi lại, và điều này dường như có tác động tiêu cực tiềm tàng đối với các công ty lý hành.

Bây giờ, có một vấn đề đối ngược về việc này, và điều đó liên quan đến những người có *máu lang thang* thực sự ngay thời điểm này. Những người bị nhốt trong các căn hộ – đặc biệt là ở các khu vực đô thị đông đúc – có lẽ là đang loay quanh giữa bốn bức tường và chỉ ước ao được rời khỏi đó và đi đến bất cứ nơi nào.

Điều đó có lẽ là đúng, nhưng khả năng là những

hành khách tiềm năng đó nhận thấy nhiều điểm đến mơ ước của mình lại không có sẵn chuyến bay ngay thời điểm đó. Do vậy, có lẽ rốt cuộc có khả năng họ đi bằng đường bộ đến những nơi gần hơn thay vì những nơi phải đến bằng máy bay. Nhưng sẽ luôn có nơi để mà đi.

chương 18

TƯƠNG LAI CỦA ESG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đại dịch COVID-19 có tiềm năng tác động đến ESG [Environmental, Social, and Governance – Tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị] và các sáng kiến của nhà đầu tư chủ động^(a) vì phát triển bền vững và đến việc hoạch định chiến lược dài hạn của doanh nghiệp.

Một số dữ liệu quan trọng nhất mà người ta đã và đang nhìn vào để đánh giá tác động và thời điểm của một đợt đại dịch COVID-19 là khí thải của Trung Quốc, cụ thể là khí điôxít nitơ.

Trước tình hình bùng phát ban đầu của COVID-19 tại Vũ Hán, Trung Quốc đã thực hiện một cuộc phong tỏa quy mô lớn – và toàn bộ các ngành chế tạo Trung Quốc gần như ngừng trệ cả, khí thải của Trung Quốc cũng vậy.

a. Nhà đầu tư chủ động (activist investor) là một cá nhân hay một nhóm mua một khối lượng lớn cổ phần của một công ty đại chúng để chiếm được vị trí trong hội đồng quản trị nhằm tạo ra những thay đổi quan trọng trong công ty. [ND]

Tôi đề cập đến chủ đề này bởi vì nhu cầu của giới đầu tư chủ động ESG đã đột ngột tăng lên. Năm 2018, đã có những mức kỷ lục về nhu cầu của giới đầu tư chủ động, cả ở Hoa Kỳ và trên toàn cầu. Có thể thấy hiện tượng này thể hiện tương ứng trong Hình 18-1 và Hình 18-2.

Thêm vào đó, năm 2018, một số lĩnh vực hàng đầu có các nhà đầu tư chủ động đang thúc đẩy các mục tiêu và sáng kiến bao gồm biến đổi khí hậu (19%), phát triển bền vững (13%), các hoạt động môi trường khác (7%) và hoạt động chính trị (19%).^[1] Bạn có thể thấy sự phân chia này trong Hình 18-3. Nếu coi phát triển bền vững là một loại sáng kiến bảo vệ môi trường song hành với vấn đề biến đổi khí hậu và các giải pháp môi trường khác, thì chúng ta thấy rằng 39% – một con số lớn – trên tổng số các giải pháp của nhà đầu tư chủ động được đưa ra vào năm 2018 có liên quan đến môi trường.

Ở đây tôi muốn lưu ý về một vấn đề. Tôi không đưa ra một nhận định giá trị về các giải pháp này. Tôi chỉ muốn chứng minh rằng chúng chiếm một tỷ lệ lớn trong các giải pháp của nhà đầu tư chủ động vào năm 2018 – và rằng nhiều khả năng chúng sẽ ngày càng trở nên phổ biến hơn.

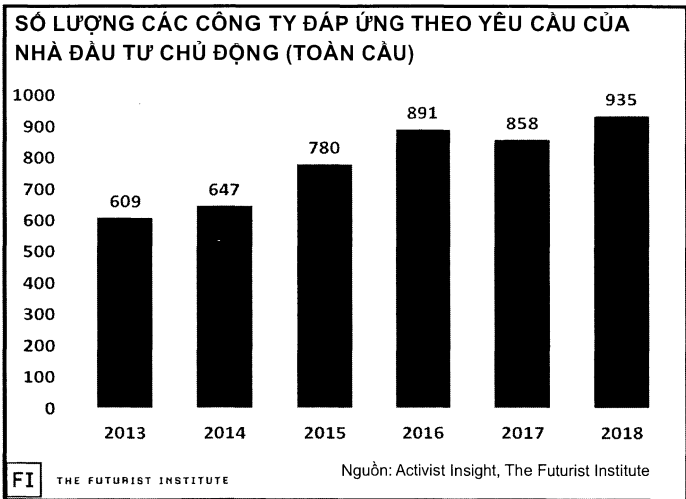
Và các giải pháp loại này sẽ ngày càng trở nên quan trọng trong tài chính.

Nói tóm lại, giới đầu tư chủ động thường là các nhà đầu tư lớn, sử dụng quyền hành cổ đông của mình để thúc đẩy công ty thực hiện những thay đổi cơ bản trong cách mà chúng vận hành.

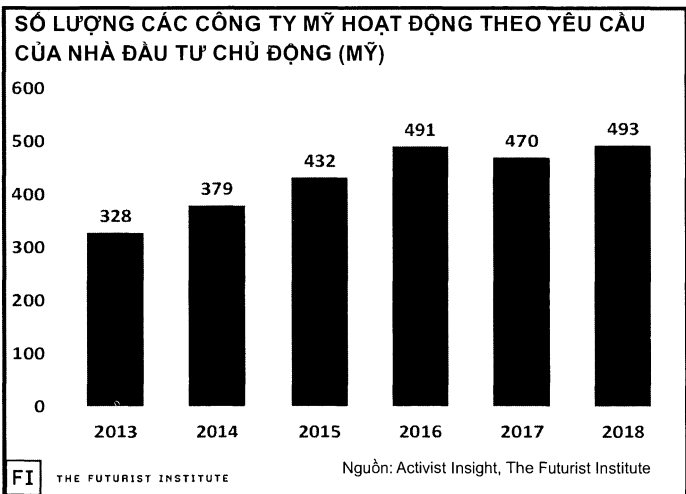
Và các hoạt động của họ đang trên đà gia tăng. Thực tế, số lượng các công ty chấp nhận hoạt động theo yêu cầu của nhà đầu tư chủ động đã tăng gần 54% từ năm 2013 đến 2018 trên phạm vi toàn cầu. Có thể nhận thấy điều này trong Hình 18-1.

Nhìn vào nội địa, ở Hoa Kỳ, tình hình cũng hoàn toàn tương tự, và số lượng các công ty Mỹ phải đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư chủ động đã tăng hơn 50% kể từ năm 2013. Có thể thấy điều này trong Hình 18-2.

HÌNH 18-1: Các công ty toàn cầu đáp ứng theo yêu cầu của nhà đầu tư chủ động^[2]



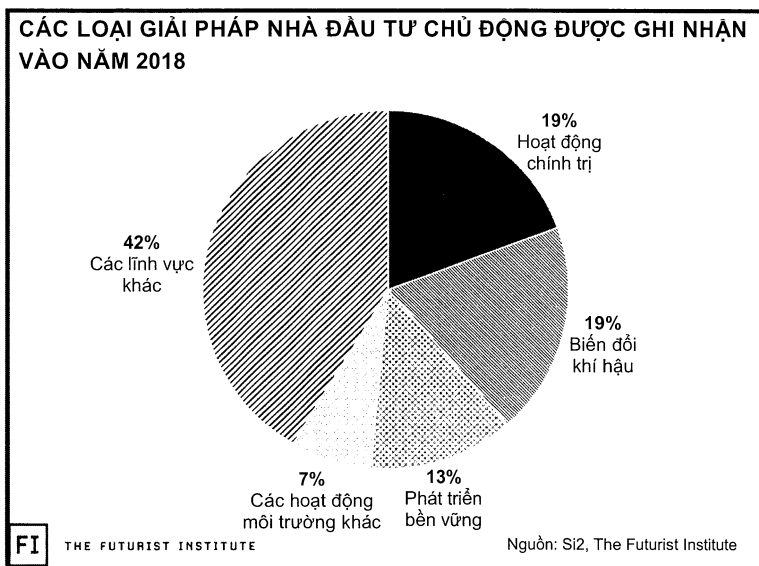
HÌNH 18-2: Các công ty Mỹ đáp ứng theo yêu cầu của nhà đầu tư chủ động^[3]



Nhìn về tương lai của tài chính, tôi cho rằng động lực tăng cầu này của giới đầu tư chủ động – và số lượng các công ty chịu tác động – có thể sẽ tiếp tục đà gia tăng.

Bất kỳ sinh viên ngành kinh tế nào cũng biết rằng các công ty thường được hưởng lợi từ những thứ họ không phải trả tiền nhưng cũng có những tổn thất. Những tổn thất này không được giữ lại mà được chuyển cho xã hội, và nói chung được gọi là tác động ngoại biên [externalities: ngoại tác]. Loại này bao gồm bất kỳ tác động môi trường tiêu cực tiềm tàng nào mà hoạt động của một doanh nghiệp có thể gây ra. Nhưng chúng cũng có thể bao gồm cả việc tận dụng lực đòn bẩy đối với những tình trạng thiếu hiệu quả về lao động, xã hội hoặc chính trị để nắm bắt cơ hội đầu cơ hòng gặt hái được những lợi ích tài chính ngoại hạng.

HÌNH 18-3: Loại giải pháp nhà đầu tư chủ động được ghi nhận vào năm 2018^[4]



Do đó, không có gì ngạc nhiên khi đã có một động lực thúc đẩy các công ty phải chịu phần trách nhiệm về tác động ngoại biên. Dù sao đây là một trong những điều đầu tiên mà hầu hết sinh viên kinh tế được học.

Nhưng vấn đề là thế này: Việc định giá đầy đủ các tác động ngoại biên đối với hoạt động của công ty có thể làm xói mòn khả năng sinh lợi đối với một số công ty. Và có lẽ đó chỉ mới là bước khởi đầu. Đối

với các công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mà tôi làm việc, các cơ quan xếp hạng đã bắt đầu cảnh báo rằng những mục tiêu phát triển bền vững (hoặc thiếu bền vững) của họ có thể tác động đến giá trái phiếu và chi phí vốn trung bình có trọng số của họ – WACC.^[5] Đến lượt điều này lại gây tác động lên khả năng sinh lợi, định giá tổng thể, xếp hạng tín dụng và giá cổ phiếu.

NHÌN VỀ PHÍA TRƯỚC

Trong tương lai, các công ty sẽ ngày càng cần chứng tỏ tính khả thi của phát triển bền vững và các mục tiêu ESG khác. Nếu không làm như vậy, công ty sẽ phải tùy thuộc dưới sự kiểm soát của nhà đầu tư chủ động. Và khả năng lợi nhuận cũng như giá cổ phiếu của công ty có thể bị ảnh hưởng xấu.

Hơn nữa, giảm thiểu khí thải do năng lực sản xuất bị cắt giảm, do làm việc từ xa, học tập từ xa và do sự hạn chế đi lại có thể truyền cảm hứng cho các nhà đầu tư chủ động để ủng hộ việc thông qua một số thay đổi cần thiết này trong dài hạn một khi cuộc khủng hoảng đại dịch COVID-19 đã đi qua.

Logic cho loại thúc đẩy như thế là để chấp nhận thực thi những hành động trong tình huống bất thường

phát sinh từ niềm tin cho rằng nếu một công ty muốn chứng tỏ mục tiêu phát triển xanh và sạch của nó, thì còn cách nào khác để làm điều đó tốt hơn là:

- Giảm mức tiêu thụ nhiên liệu cho hoạt động đi lại của nhân viên văn phòng.
- Giảm tiêu thụ điện năng trong văn phòng.
- Giảm nhu cầu nhiên liệu máy bay và phát thải CO₂ vốn đi kèm với việc đi công tác nhiều nơi (và đặc biệt là đi nước ngoài).

Tôi kỳ vọng rằng một số công ty có thể tiếp tục phát huy kinh nghiệm và các chính sách giảm tiêu thụ năng lượng. Và đối với một số nhà đầu tư chủ động, nhiều khả năng kinh nghiệm này sẽ cho thấy rằng lượng khí thải carbon có thể được cắt giảm đáng kể nếu người ta thực thi được một cam kết rất hệ trọng liên quan đến vấn đề đó.

Nhưng ngay khi các công ty hoàn toàn lấy lại hoạt động kinh doanh của họ như thời điểm trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát, tôi vẫn kỳ vọng số lượng sáng kiến của nhà đầu tư chủ động sẽ tăng lên theo thời gian. Và tôi mong chờ vấn đề phát triển bền vững và biến đổi khí hậu sẽ luôn đứng đầu danh sách rút gọn cho dù có chuyện gì xảy ra đi nữa.

Giống như ở các lĩnh vực khác, thì đối với ESG và phát triển bền vững, đại dịch COVID-19 đã bộc lộ một tiềm năng đã tồn tại nhưng còn chưa được thực hiện. Trong trường hợp này, tiềm năng được bộc lộ chính là tiềm năng giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và khí thải.

chương 19

TƯƠNG LAI CỦA KHỞI NGHIỆP

Văn hóa khởi nghiệp đã bùng nổ trong suốt chu kỳ kinh doanh gần đây nhất. Nhưng giờ đây, do đại dịch COVID-19, tương lai của các hoạt động khởi nghiệp đang gặp rủi ro.

Các trở ngại và rủi ro đó phát sinh từ cách thức mà các công ty khởi nghiệp được tài trợ, cách chúng hoạt động trong tình trạng thua lỗ và quy mô tương đối nhỏ của chúng.

Trước hết, các công ty khởi nghiệp [startup] thường nhận nguồn tài trợ tư nhân, thường là các nhà đầu tư giàu có, được gọi là *nhà đầu tư thiên thần* [angel investor]. Nhưng ngay cả các nhà đầu tư giàu có cũng chịu tác động do sự giảm sút của thị trường vốn và rủi ro tăng thêm trên thị trường tài chính – thực tế là họ có thể mất cảm với các động thái thị trường hơn so với người bình thường. Vì vậy, đối diện với sự sụt giảm gần đây của thị trường chứng khoán và sự bất trắc của nền kinh tế trước mắt, nguồn tài trợ tư nhân có thể sẽ chững lại đối với nhiều khoản đầu tư.

Ngoài rủi ro mất vốn do phản ứng dây chuyền từ những động lực trong các thị trường khác, cũng có tiềm năng dành cho các nhà đầu tư để thay đổi danh mục đầu tư của họ vào những thời điểm ít chắc chắn này. Và đó có thể là vấn đề đối với những công ty khởi nghiệp đang cố tăng trưởng nhanh.

Đã có không biết bao nhiêu lời đùa bỡn – bao gồm cả những nội dung đả kích hoạt động khởi nghiệp trên chương trình truyền hình *Silicon Valley* – cho rằng càng nhiều công ty khởi nghiệp thua lỗ thì càng tốt. Vốn từng là một nhà đầu tư thiên thần, cũng từng là một giám đốc điều hành tại một công ty khởi nghiệp FinTech, tôi có thể nói rằng lối suy nghĩ này hiện diện ở khắp mọi nơi, là thật vô trách nhiệm và cũng thật đáng lên án.

Với bất cứ ai có nền tảng tài chính, quan niệm này gọi nên cảm nhận thực sự đảo ngược. Nhưng nó không chỉ là thứ gì đó gây phiền toái cho những thỏa thuận tiền bạc tư nhân. Xét cho cùng thì bạn có thể thấy có đôi chút sự thật trong quan niệm cho rằng càng có giá trị thì bạn càng thua lỗ nhiều; nếu chúng ta nhìn vào dữ liệu IPO trong chương “Tương lai của tài chính”, thì điều này có vẻ không quá khó tin.

Vào những thời điểm như thế này, các nhà đầu tư trên thị trường đại chúng thường tìm kiếm tiền mặt trên bảng cân đối kế toán doanh nghiệp, và dòng tiền dương

là tín hiệu của tình trạng lành mạnh và giá trị. Nhưng nhiều công ty khởi nghiệp là trường hợp ngược lại. Điều này có nghĩa là sự vận hành của dòng tiền âm và lỗ ròng hiện không còn bền vững được lâu nữa.

Đó là một mô hình kinh doanh sắp sửa tuyệt chủng như loài chim dodo. Và với một động thái thay đổi trong thứ tự ưu tiên từ tăng trưởng sang dòng tiền, đồng nghĩa là hoạt động của các công ty khởi nghiệp – như thực trạng đã tồn tại trong nửa cuối thập niên vừa qua – đang gặp rắc rối lớn.

Để chấm dứt rủi ro là tiền sắp cạn kiệt, cũng như [rủi ro là] những công ty nào chịu bỏ tiền ra để làm tăng giá trị của mình sắp sửa chứng kiến mô hình kinh doanh của họ bị đánh giá lại, thì điều quan trọng là phải cân nhắc đến khả năng rằng nhiều công ty khởi nghiệp sẽ không đủ điều kiện để nhận tiền từ quỹ cứu trợ CARES Act theo diện giống như các công ty khác.

Bởi vì nhiều công ty khởi nghiệp chỉ vật vờ tồn tại nhờ từng tờ séc gây quỹ, nên nhiều công ty trong số đó rất khó để có thể đủ điều kiện nhận được gói cứu trợ cho vay SBA không hoàn trả, vốn là một phần của đạo luật CARES trị giá 2,3 nghìn tỷ đô la.

Nói cách khác, tiền sắp hết. Và thậm chí không một gói cứu trợ nào của chính phủ có thể trợ giúp cho hầu hết các công ty hoạt động kiểu này.

Tất nhiên, cũng sẽ có những ngoại lệ.

Các công ty khởi nghiệp trong MedTech [Công nghệ Y khoa], EdTech [Công nghệ Giáo dục], thương mại điện tử và an ninh quốc gia có cơ hội lớn nhất để vượt qua giai đoạn đổ vỡ này. Các lĩnh vực kể trên có khả năng cung cấp các giải pháp quan trọng tại một thời điểm như thế này, nên vẫn có thể thu hút được vốn.

Nhưng họ sẽ còn phải làm bảng lương.

Và, thật không may, không phải tất cả các công ty trong nhóm này đều có bảng lương. Vì vậy, thậm chí một số công ty khởi nghiệp quan trọng cũng có thể thất bại.

TÁC ĐỘNG VÀ KỲ VỌNG

Ít nhất trong năm tới hoặc lâu hơn, các công ty khởi nghiệp có thể sẽ trải qua khoảng thời gian khó khăn hơn rất nhiều để huy động vốn – nhất là nếu họ vận hành giữa hoàn cảnh chịu những khoản chi phí lớn, thêm nữa là có ít hoặc không có dòng tiền. Hoàn cảnh này có thể giết chết vô số các công ty khởi nghiệp và hủy hoại toàn bộ hệ sinh thái khởi nghiệp, giống như hệ sinh thái khởi nghiệp ở thành phố Austin của tôi.

Nhưng những tác động đó có thể được cảm nhận trong suốt thập niên tới đây.

Nếu chúng ta nhìn xa hơn so với chu kỳ kinh doanh hiện tại, thì có vẻ như tương lai của các công ty khởi nghiệp nhiều khả năng sẽ kham khổ hơn trong thời gian tới.

Và có lẽ đó không phải là một điều xấu.

Nhìn từ quan điểm kinh doanh, bạn muốn các công ty làm ra tiền để tăng trưởng. Và lựa chọn tăng trưởng thay vì lợi nhuận luôn là một sự đánh đổi khó khăn. Nhưng trong tương lai, lợi nhuận và dòng tiền có lẽ sẽ được ưu tiên hơn là tăng trưởng.

Tất nhiên, điều này có thể gây cản trở nhịp độ của một số hoạt động đổi mới sáng tạo, hẳn nhiên sẽ là một tác động tiêu cực. Và là một tác động tiêu cực có lẽ sẽ phải trả giá rất lớn. Nhưng những thay đổi trong thứ tự ưu tiên cũng có thể làm phát sinh những mô hình kinh doanh tài chính lành mạnh hơn.

Trong thời hạn gần và trong nhiều năm tới đây, các công ty khởi nghiệp sẽ cần – và phải chứng tỏ rằng họ – khỏe mạnh hơn về mặt tài chính.

Kể cả khi đại dịch COVID-19 đã qua đi, thị trường vốn cổ phần đại chúng tăng lên và sự tăng trưởng lại đến, khả năng là chúng ta vẫn thấy các doanh nghiệp lỗ tiền sẽ thua thiệt so với những doanh nghiệp có thể thể hiện được những khoản lợi nhuận dương.

Có lẽ trước nay mọi thứ đã luôn diễn ra theo cách này, nhưng giờ đây còn nhiều khả năng hơn nữa.

chương 20

TƯƠNG LAI CỦA SUY THOÁI

Hôm nay tôi là nhà kinh tế là do tôi từng không may vướng vào cuộc suy thoái năm 2001.

Tôi lúc đó chưa phải là nhà kinh tế học, và sự thiếu hiểu biết về kinh tế đã đẩy tôi vào một nơi tồi tệ.

Giờ đây, gần 20 năm sau, tôi là nhà kinh tế và *nhà tương lai học* về tài chính. Tôi dành gần như từng phút trong cuộc đời làm việc của mình để phân tích các hệ thống tài chính xung quanh chúng ta, cũng như phân tích các động lực có thể định hình thế giới chúng ta trong dài hạn.

Khi nghĩ về cái bóng âm u trải suốt 20 mà cuộc suy thoái năm 2001 phủ lên cuộc đời mình, tôi đã bắt đầu nghĩ xem cái bóng mà cuộc suy thoái năm 2020 và trải nghiệm COVID-19 có thể sẽ bao phủ trong 20 năm tới. Tôi mong chờ rằng trải nghiệm về đại dịch COVID-19 sẽ truyền cảm hứng cho nhiều người tham gia vào các ngành đề kháng suy thoái, như ngành chăm sóc sức khỏe.

Nhưng trước khi đi quá sâu vào điểm nút của vấn đề, cho phép tôi chia sẻ câu chuyện của tôi với các bạn.

SUY NGHĨ NGU NGỐC NHẤT MÀ TÔI TỪNG CÓ

Đó là một ngày mùa xuân đầy nắng năm 1999, và tôi vừa rời khỏi một lớp học kinh tế tại Đại học Virginia. Tôi đang ở đó, đứng dưới ánh nắng mặt trời trên bãi cỏ của những khu đất lịch sử tuyệt đẹp này, và mọi thứ trên đời dường như đều ổn cả. Lúc đó tôi đang hoàn thành chương trình bậc đại học, và tôi nhận được đề nghị học tiếp lên để lấy bằng cao học tiếng Đức tại Đại học Bắc Carolina, Chapel Hill.

Đó là một lời mời [offer] trọn gói – học phí, bảo hiểm y tế, trợ cấp sinh hoạt, mọi thứ. Đó là khoản tài trợ to lớn cho một sinh viên mới tốt nghiệp. Cần phải nói thêm là tất cả bạn bè tôi trong các chương trình cấp bậc tương tự đều đã kiếm được công việc tư vấn với mức lương sáu con số ngay khi học xong đại học. Đó là thời đại của sự bùng nổ dot-com siêu tốc – thị trường việc làm tốt nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Tôi biết tôi có thể dễ dàng kiếm được một công việc tốt trong khu vực tư nhân nếu tôi muốn nó.

Tôi đã loay hoay giữa hai lựa chọn tuyệt vời, và không chắc nên chọn cái nào. Tôi thích làm sinh viên, và

tôi muốn học thêm nữa, vậy nên tôi nghĩ rằng mình sẽ chọn học lên cao học. Xét cho cùng, *nếu hiện giờ nền kinh tế đang phát triển mạnh, thử nghĩ xem nó sẽ tuyệt vời thế nào trong một vài năm nữa! Và khi đó tôi đã có bằng thạc sĩ, kiểu gì cũng kiếm được nhiều tiền hơn!*

Đó là suy nghĩ gần như ngu ngốc nhất mà tôi từng có. Tôi đã không suy nghĩ như một nhà kinh tế. Tôi đã không nghĩ đến chu kỳ kinh doanh, đến sự tất yếu phải có những thời gian tụt tệ theo sau quãng thời gian tốt đẹp. Tôi đã không nghĩ về cái cách mà nền kinh tế có thể đá vào móng ta.

Tất nhiên, khi ấy tôi chưa là một nhà kinh tế.

Vì vậy, tôi đã đăng ký đi học cao học, rồi tôi lấy được bằng thạc sĩ và trở lại với thị trường việc làm vào mùa xuân năm 2001. Ôi, mới hai năm mà mọi chuyện mới khác biệt làm sao!

Chính những công ty đã từng chào mời các khoản thưởng 10.000, 15.000 hay 25.000 đô la để ký hợp đồng vào mùa thu năm 2000 mà giờ đây đang bỏ rơi các nhân viên giống như họ sắp hết thời.

Tôi gặp những người đã nhận được thư mời làm việc vào năm 1999 hoặc 2000, và sau đó các công ty đã trì hoãn việc tuyển dụng họ trong một hoặc hai năm. Một số trong những vụ trì hoãn đó trở thành vĩnh viễn, khi mà nhiều người chưa bao giờ nhận được nhận việc.

Nếu hôm nay nó tốt, thì nó sẽ còn tốt hơn vào ngày mai!

Đó là lối suy nghĩ ngu ngốc hạng nhất tôi từng có. Đó là một bài học tôi học được trước khi trở thành một nhà kinh tế học doanh nghiệp, và đó là điều quan trọng nhất về nền kinh tế mà tôi đem chia sẻ với những người không phải là nhà kinh tế.

Ý nghĩ ngu ngốc nhất tôi từng có là “Một khi [nền kinh tế] đi lên thì sẽ không quay đầu.”

Điều đó xảy ra vào ngày 12 tháng Bảy năm 1997 tại Pamplona, Tây Ban Nha. Nhưng đó là câu chuyện cho một dịp khác.

Khi nói đến vấn đề sinh tồn và phát triển mạnh trong một cuộc suy thoái, khá nhiều người có những suy nghĩ ngớ ngẩn như *một khi [nền kinh tế] đi lên thì sẽ không quay đầu.*

Tôi cũng từng suy nghĩ như thế:

Nếu bây giờ nền kinh tế đang phát triển mạnh, hãy nghĩ xem nó sẽ tuyệt vời ra sao trong một vài năm nữa!

Và đây là một vài suy nghĩ khác:

Tôi không cần phải xây dựng một mạng lưới quan hệ ngoài công ty nơi tôi làm việc. Sẽ luôn có công việc cho tôi ở đây, trong ngành ABC.

Tôi là một chuyên gia trong công việc của tôi. Tại sao tôi cần phải được đào tạo thêm? Không ai có thể thay thế tôi.

Công ty của tôi đang sa thải những người xung quanh,

nhưng chuyện đó không có nghĩa gì. Tôi là người không thể thiếu. Tôi sẽ chỉ ngồi lì ở công ty và chờ cho cuộc suy thoái qua đi.

Sự thật đáng buồn là những người có những thái độ kiểu này – và nhiều người có những thái độ kiểu này mà không hề nhận ra – có lẽ sẽ không ổn trong thời kỳ suy thoái kinh tế sắp tới.

Rất có thể họ sẽ bị hạ đo ván.

Phải có những lựa chọn, đó là tên gọi của cuộc chơi này. Suy thoái lấy đi những lựa chọn và bạn cần tìm cách tạo ra những lựa chọn mới. Bạn có thể giảm thiểu thiệt hại về phương diện cá nhân và nghề nghiệp chuyên môn.

Bạn thậm chí có thể lợi dụng suy thoái như một cơ hội như tôi đã làm – như một cơ hội để thay đổi sự nghiệp của mình, được học hành nhiều hơn, trở nên có giá trị hơn cho công ty của bạn hoặc khởi sự một hoạt động kinh doanh.

SUY NGHĨ VỀ CÁI BÓNG ẨM ĐẠM KÉO DÀI 20 NĂM CỦA COVID-19

Nếu chúng ta nghĩ về suy thoái và lập kế hoạch nghề nghiệp thì điều quan trọng phải cân nhắc đến khả năng là mọi người sẽ cần tạo nhiều sự lựa chọn hơn cho bản thân.

Tác động lâu dài của cuộc suy thoái năm 2001 đối với sự phát triển nghề nghiệp của tôi là điều mà có lẽ chúng ta sẽ thêm một lần phải chứng kiến. Và do hệ quả của COVID-19 – và một cuộc suy thoái tiềm tàng theo sau – khả năng là chúng ta sẽ chứng kiến cả một thế hệ thanh niên theo dõi cuộc suy thoái này diễn ra và ra quyết định để tạo nên nhiều lựa chọn.

Trong khi tôi trở thành nhà kinh tế học sau sự bùng phát bong bóng công nghệ năm 2001, bản chất của COVID-19 và một cuộc suy thoái phát sinh từ nó dường như truyền cảm hứng cho thêm nhiều người tham gia vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe hoặc tìm kiếm loại hình việc làm từ xa – hoặc ít nhất là những công việc có thể làm từ xa.

SUY THOÁI TRONG TƯƠNG LAI

Khả năng là chúng ta sẽ chứng kiến những cuộc suy thoái tiếp tục xảy ra trong tương lai. Xét cho cùng, phải có lý do người ta mới gọi nền kinh tế là một chu kỳ kinh doanh.

chương 21

CÂN NHẮC NHỮNG TÁC ĐỘNG

Thảm kịch về con người do đại dịch COVID-19 có thể sẽ rất lớn. Tổn thất về nhân mạng, bệnh tật, sự tác động đến con người và thiệt hại kinh tế do đại dịch COVID-19 có thể sẽ vượt quá mức thảm họa.

Trong ngắn hạn, những tác động tiêu cực đến toàn bộ các ngành và phân khúc của nền kinh tế có thể gây thiệt hại đáng kể trong nhiều năm tới. Nhưng khả năng là cuộc khủng hoảng và thảm kịch này vẫn có thể làm phát sinh một số tiềm năng tăng trưởng tích cực dài hạn cho lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng, cho nền kinh tế và xã hội nói chung.

Tất nhiên, khi tìm kiếm phương diện thuận lợi trong những thời điểm đen tối này, điều quan trọng là phải nhận ra rằng kịch bản tối ưu nhất dành cho các lợi ích y tế, kinh tế, xã hội và cá nhân rõ ràng là không hề có đại dịch lần này.

Nhưng đó không phải là thực tế.

Chúng ta đang ở trong một đại dịch.

NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG TRONG TƯƠNG LAI

Ghi nhớ những tổn thất, rủi ro và phí tổn, nhưng chúng ta nên cân nhắc đến khả năng rằng trong số những tác động tiềm năng trong tương lai của đại dịch COVID-19 cũng có thể có một số tác động tích cực.

Công việc từ xa gia tăng có thể ảnh hưởng quan trọng đến cách mọi người làm việc và sinh sống. Đây vốn là một xu thế đang tăng trưởng trong thời gian vừa qua, nhưng đại dịch COVID-19 là một điểm ngưỡng có thể thúc đẩy loại hình công việc từ xa diễn tiến mạnh hơn.

Sự gia tăng khả năng tiếp cận với giáo dục trực tuyến có thể tác động quan trọng đến cuộc sống của mọi người trong công việc và nghề nghiệp, bao gồm những lựa chọn nghề nghiệp và sự nghiệp mà họ có, cũng như thu nhập tiềm năng trong tương lai mà họ kiếm được. Bậc giáo dục sau trung học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận hoàn thành chương trình, có khả năng sẽ tăng lên. Thêm vào đó, nhiều khả năng sẽ có sự gia tăng số lượng học sinh học tại nhà, nhờ đó có thể đem lại kết quả tốt hơn đối với một số học viên vốn trước đây không hề cân nhắc đến hình thức học tại nhà hoặc giáo dục trực tuyến.

Gia tăng mức độ ưu tiên chăm sóc sức khỏe cũng có nhiều khả năng. Những lựa chọn trong giáo dục, đầu tư và chính sách có thể giúp cải thiện sức khỏe cộng đồng nói chung. Số người theo học y khoa và chăm sóc sức khỏe có lẽ sẽ tăng lên. Và chuỗi cung ứng y tế tại Hoa Kỳ nhiều khả năng sẽ được hậu thuẫn và đảm bảo để giảm thiểu nguy cơ thiếu hụt các thiết bị y tế và PPE trong tương lai. Ngoài ra, có lẽ chúng ta cũng sẽ nhận thấy các cá nhân nhận thức rõ hơn về sức khỏe bản thân do hậu quả của đại dịch COVID-19. Đây có thể là một tác động lâu dài.

Giảm mức tiêu thụ năng lượng và khí thải đường như cũng có thể diễn ra trong một thời gian, khi mà tình trạng suy giảm kinh tế, làm việc từ xa và các chuẩn mực giãn cách xã hội làm giảm mức tiêu thụ nhiên liệu xăng dầu. Và điều đó cũng có thể gây tác động lâu dài hơn đến cách thức mà các công ty cân nhắc và triển khai những chiến lược phát triển bền vững.

Nhưng mặt khác, vô số ngành nghề sẽ không bao giờ còn như trước, bao gồm cả ngành du lịch và giải trí. Chúng có thể phải hứng chịu những dư chấn bào mòn doanh thu do đại dịch COVID-19 trong nhiều năm tới. Và có lẽ sẽ có những tác động lâu dài đối với các ngành du lịch và giải trí phát sinh do các chuẩn mực xã hội mới về giãn cách xã hội.

Tất nhiên, trong dài hạn, những tác động tiêu cực lớn nhất có thể sẽ tiếp tục ngả theo chiều hướng thâm hụt chi tiêu và tạo nên một khoản nợ quốc gia lớn hơn bao giờ hết. Và có nguy cơ ngày càng tăng là chúng ta đang tiến tới một trạng thái lượng tử của nền kinh tế trong tương lai, trong đó Fed sở hữu mọi thứ nhưng đồng thời không có gì trong tay.

Tuy nhiên, khả năng là người ta sẽ tìm thấy một số tác động tích cực trong thời điểm bước ngoặt này đối với sức khỏe cộng đồng, giáo dục và nền kinh tế.

Nhưng cái giá mà rốt cuộc chúng ta sẽ phải trả cho những lợi ích thu được từ đại dịch COVID-19 sẽ quá cao. Và điều đó sẽ đúng nếu tính đến những sinh mạng đã mất, sự đau khổ của người còn sống, hệ thống chăm sóc sức khỏe quá tải, nền kinh tế khu vực bị tàn phá, nợ quốc gia gia tăng và các nghĩa vụ chi trả của ngân hàng trung ương lớn hơn.

KẾT LUẬN

TƯƠNG LAI SAU COVID

Mục đích chính của tôi khi viết cuốn sách này là chia sẻ cách nhìn của tôi về những động lực tiềm năng trong tương lai có thể xảy ra và gây tác động lâu dài do hậu quả của đại dịch COVID-19.

Tôi đã đặt ra một số kịch bản nhiều khả năng nhất cho các tác động tiềm tàng của COVID-19. Và tôi cũng cố gắng tập trung vào một số trong những câu hỏi quan trọng nhất sẽ có tác động lâu dài nhưng còn chưa được trả lời. Tất nhiên, tình hình COVID-19 đang phát triển nhanh chóng và nhiều vấn đề nêu ra trong cuốn sách này có thể sẽ thay đổi khôn lường – hoặc sẽ ít nhiều tìm được giải pháp – thay đổi nhanh hơn dự đoán, tùy thuộc vào những diễn biến đó.

Tuy nhiên, một điều có vẻ chắc chắn: Nhiều ngành công nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân và các nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng cả tiêu cực lẫn tích cực. Cơ may cũng có những tác động tích cực lâu dài trong cách thức chúng ta làm việc, tiếp cận giáo dục, ưu tiên cho sức

mạnh chuỗi cung ứng của chúng ta, cải thiện khả năng tiếp cận các sản phẩm thực phẩm và giấy, và bảo đảm chất lượng (và khả năng tiếp cận) dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong tương lai. Nhưng cái giá phải trả sẽ rất cao.

Tương lai là không chắc chắn, vì vậy điều then chốt là tìm kiếm những xu hướng dài hạn, những xu hướng có khả năng cao nhất sẽ tồn tại trong nhiều kịch bản tương lai khác nhau. Và điều quan trọng là phải cân nhắc các yếu tố rủi ro và các đòn bẩy thay đổi có thể thách thức các giả định của bạn về tương lai.

Tôi hy vọng cuốn sách này đã giúp bạn đạt được những mục đích đó.

Jason Schenker
Tháng Tư năm 2020

GHI CHÚ

Chương 3

1. Cục Thống kê Lao động. Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ <https://www.bls.gov/ooh/most-newjobs.html>.
2. Cục Thống kê Lao động: Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ <https://www.bls.gov/ooh/fastestgrowing.html>.
3. NBER, FRED, Ngân hàng Thế giới, Prestige Economics. Truy cập ngày 17 tháng Hai năm 2017:
<http://www.nber.org/chương / c1567.pdf>
https://fraser.stlouisfed.org/files/docs/publications/frbslreview/rev_stls_198706.pdf
<http://databank.worldbank.org/data/reports.aspx?source=world-development-indicators#>
4. Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ, Tất cả nhân viên, Kho bãi lưu trữ [CES4349300001], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/CES4349300001>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.

Chương 4

1. Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ, Chỉ số giá tiêu dùng cho tất cả người tiêu dùng thành thị: Tất cả các mặt hàng lấy số liệu trung bình ở các thành phố của Hoa Kỳ [CPIAUCSL],

trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/CPIAUCSL>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.

Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ, Chỉ số giá tiêu dùng cho tất cả người tiêu dùng thành thị: Chăm sóc y tế lấy số liệu trung bình tại các thành phố Hoa Kỳ [CPIMEDSL], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/CPIMEDSL>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.

2. Như trên.
3. Bộ Giáo dục. Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020. https://nces.ed.gov/programs/digest/d18/tables/dt18_206.10.asp.
4. Như trên.
5. Cục Thống kê Lao động. Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ bls.gov/emp/education-payshandout.pdf.

Chương 5

1. “Tình hình của phương thức làm việc từ xa năm 2017 trong lực lượng lao động Mỹ. Flexjobs”. Truy cập ngày 09 tháng Năm năm 2019 từ <https://www.flexjobs.com/2017-State-of-Telecommuting-US>.
2. Như trên.

Chương 6

1. Ritter, Jay R. (9 tháng Tư năm 2019). “Dữ liệu IPO”. *Warrington College of Business*, Đại học Florida. Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ site.warrington.ufl.edu/Ritter/ipo-data/.

2. Như trên.
3. Như trên.
4. Như trên.
5. “Nợ và tín dụng hộ gia đình”. Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York. Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ https://www.newyorkfed.org/medialibrary/interactives/householdcredit/data/pdf/HHDC_2019Q4.pdf.
6. Như trên.

Chương 7

1. Cục Dự trữ Liên bang. Bộ công cụ chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang: Quá khứ, hiện tại và tương lai. Trích xuất từ <https://www.federalreserve.gov/newsevents/speech/yellen20160826a.html>.
2. Hội đồng thống đốc của Cục Dự trữ Liên bang (Hoa Kỳ), Tài sản: Tổng tài sản: Tổng tài sản (trừ đi các khoản loại bỏ): Wednesday Level [WALCL], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/WALCL>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.

Chương 8

1. Ủy ban Chuyên trách Ngân sách Liên bang. “Có gì trong gói cứu trợ coronavirus trị giá 2 tỷ đô la?” Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ <http://www.crfb.org/bloss/whats-2-trillion-coronavirusrelief-package>.
2. Cục Phân tích Kinh tế. “Tổng sản phẩm quốc nội, quý IV và năm 2019”. Truy cập ngày 02 tháng Tư năm 2020 từ https://www.bea.gov/system/files/2020-02/gdp4q19_2nd_0.pdf.

3. Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Dịch vụ tài chính, Nợ Liên bang: Tổng nợ công [GFDEBTN], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/GFDEBTN>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.
4. Như trên.
5. Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis và Phòng Quản lý và Ngân sách Hoa Kỳ, Nợ Liên bang: Tổng nợ công theo phần trăm tổng sản phẩm quốc nội [GFDEGDQ188S], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/GFDEGDQ188S>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.
6. Desjardins, J. (06 tháng Tám năm 2015). “60 tỷ đô la nợ thế giới trong một hình ảnh trực quan”. Visual Capitalist. Truy cập ngày 11 tháng 02 năm 2017: <http://www.visualcapitalist.com/60-trillion-of-world-debt-in-one-visualization/>
7. Mayer, J. (18 tháng Mười một năm 2015). “Bộ mặt của an sinh xã hội”. Truy cập ngày 11 tháng Hai năm 2017: <http://www.usnews.com/opinion/ecusiness-intellect/2015/11/18/social-security-and-medicare-have-morphed-into-unsustainable-entitlements>.
8. Cơ quan Quản lý An sinh xã hội Hoa Kỳ. “Lịch sử an sinh xã hội: Otto von Bismarck”. Nguồn từ <https://www.ssa.gov/history/ottob.html>.
9. Hình ảnh được cung cấp với sự cho phép của Quỹ Di sản. Truy cập ngày 11 tháng Hai năm 2017: http://thf_media.s3.amazonaws.com/infographics/2014/10/BG-Friinate-waste-control-spending-chart-3_HIGHRES.jpg.
10. Twarog, S. (tháng Một năm 1997). “Tầm cao và mức sống ở Đức, 1850-1939: Trường hợp của Wurttemberg”, in

lại trong *Health and Welfare During Industrialization* [Y tế và phúc lợi trong quá trình công nghiệp hóa]. Steckel, R. và F. Roderick biên soạn. Chicago: University of Chicago Press, trang 315. Truy cập ngày 11 tháng Hai năm 2017: <http://www.nber.org/chương/c7434.pdf>.

11. Cơ quan quản lý an sinh xã hội Hoa Kỳ. “Lịch sử an sinh xã hội: Otto von Bismarck”. Nguồn từ <https://www.ssa.gov/history/ottob.html>.
12. Cơ quan Quản lý An sinh xã hội Hoa Kỳ. *Fast Facts and Figures About Social Security* [Điểm lược sự kiện và số liệu về an sinh xã hội], 2017, trang 8. Truy cập ngày 17 tháng Sáu năm 2019: https://www.ssa.gov/policy/docs/chartbooks/fast_facts/.
13. Ngân hàng Thế giới, Tăng trưởng dân số ứng với Hoa Kỳ [SPPOPGROWUSA], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/SPPOPGlawUSA>, ngày 05 tháng Sáu năm 2018.
14. Last, J. (2013) *What to Expect, When No One's Expecting: America's Coming Demographic Disaster* [Điều gì sẽ xảy ra, khi không ai ngờ tới: Thảm họa nhân khẩu học sắp tới của nước Mỹ]. New York: Sách gấp gờ, trang 2-4.
15. Như trên, P.3.
16. Last (2013), trang 109.
17. Cơ quan Quản lý An sinh xã hội Hoa Kỳ. Truy cập ngày 11 tháng Hai năm 2017 từ <https://www.ssa.gov/history/ratios.html>. Last (2013) cũng sử dụng một bảng tương tự trong cuốn sách của ông ở trang 108.
18. Last (2013), trang 107.

Chương 13

1. Ở đây đang ám chỉ cuốn sách của Graham Allison, *Destined for War: Can America and China Escape Thucydides's Trap?* [Hoạch định cho chiến tranh: Mỹ và Trung Quốc có thể thoát khỏi cái bẫy Thucydides?] (2017).

Chương 15

1. “Người Mỹ đầu tiên bỏ phiếu từ vũ trụ. (8 tháng Mười một năm 2016)”. <https://www.theatlantic.com/science/archive/2016/11/voting-from-space/506960/>.
2. Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ, Tỷ lệ thất nghiệp [UNRATE], trích xuất từ FRED, Ngân hàng Dự trữ Liên bang St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/UNRATE>, ngày 01 tháng Tư năm 2020.
3. Như trên.

Chương 16

1. Truy cập ngày 12 tháng Một năm 2020 từ <https://www.owllabs.com/state-of-remote-work/2019>.

Chương 18

1. Welsh, H. (9 tháng Mười một năm 2018). “Những đề xuất của cổ đông về vấn đề xã hội, môi trường và quản trị bền vững năm 2018”. *Securities and Exchange Commission*, Sustainable Investments Institute. Truy cập ngày 12 tháng Bảy năm 2019 từ www.sec.gov/comments/4-725/4725-4636528-176443.pdf.
2. “Hoạt động của cổ đông trong quý I năm 2019”. (Tháng

Tư năm 2019). *Reports*. Activist Insight. Truy cập ngày 12 tháng Bảy năm 2019 từ www.activistinsight.com/research/ShareholderActivism_Q12019.pdf.

3. Như trên.
4. Welsh, H. (9 tháng Mười một năm 2018). “Những đề xuất của cổ đông về vấn đề xã hội, môi trường và quản trị bền vững năm 2018”. *Securities and Exchange Commission*, Sustainable Investments Institute. Truy cập ngày 12 tháng Bảy năm 2019 từ www.sec.gov/comments/4-725/4725-4636528-176443.pdf.
5. “Ban Giám đốc Exxon bị nhắm đến vì lo ngại là việc giám sát ESG”. (Ngày 11 tháng Năm năm 2019). Hiệp hội các giám đốc doanh nghiệp quốc gia. Truy cập ngày 12 tháng Bảy năm 2019 <https://tinyurl.com/NACDExxon2019>.

TUONG LAI SAU ĐẠI DỊCH COVID

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
T.S TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập	Bùi Hương Giang
Biên tập viên Nhã Nam	Nguyễn Hữu Thọ
Thiết kế bìa	Kỳ Nam
Trình bày	Hồng Nhung
Sửa bản in	Đỗ Hằng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Số 46. Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 0084.24.38253841

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
Số 7. Nguyễn Thị Minh Khai, Quận I, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0084.28.38220102

Email: marketing@thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 35146875 | Fax: 024 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: info@nhanam.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 38479853 | Fax: 028 38443034
Email: kinhdoanhsg@nhanam.vn

In 2000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông, km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên. Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 196-2021/CXBIPH/02-07/ThG và quyết định xuất bản số 228/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 09.3.2021. Mã ISBN: 978-604-77-9096-8. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.